

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TASCO
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ
NỘI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TASCO,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0600264117
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.04.22 15:28:45+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.3.0

TASCO®

THRIVING ERA



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

📍 Tòa nhà Tasco, Phạm Hùng, Mễ Trì
Nam Từ Liêm, Hà Nội
☎ 024 6668 6863
🌐 www.tasco.com.vn

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



01.

ĐIỂM NHẤN 2024

- 06 Điểm nhấn 2024
- 16 Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Tổng quan Lĩnh vực kinh doanh
- 24 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
- 26 Hội đồng Quản trị
- 29 Ban Kiểm soát
- 30 Ban Tổng Giám đốc

02.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 34 Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030
- 36 Định hướng chiến lược

03.

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 42 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2024 và dự báo 2025
- 48 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
- 58 Tình hình tài chính Công ty
- 61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 62 Kế hoạch kinh doanh 2025

04.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 66 Tổng quan về quản trị tại Tasco
- 70 Quản trị rủi ro
- 74 Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 84 Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- 87 Hoạt động quan hệ cổ đông năm 2024

05.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 90 Tổng quan về phát triển bền vững
- 94 Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường của Tasco
- 98 Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2024

06.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 114 Thông tin về công ty
- 115 Báo cáo của Ban Điều hành
- 116 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 117 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 120 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 121 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 123 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



01.

CHƯƠNG

ĐIỂM NHẤN 2024

06	Điểm nhấn 2024
16	Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
18	Lịch sử hình thành và phát triển
20	Tổng quan Lĩnh vực kinh doanh
24	Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
26	Hội đồng Quản trị
29	Ban Kiểm soát
30	Ban Tổng Giám đốc



(*) LNTT trước phân bổ lợi thế thương mại và đánh giá lại giá trị tài sản

ĐIỂM NHẤN 2024

01.

Doanh thu hợp nhất tăng trưởng mạnh mẽ, gấp 2,8 lần cùng kỳ, vượt 30.000 tỷ đồng



Năm 2024, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc. Doanh thu hợp nhất đạt 30.248 tỷ đồng, gấp 2,8 lần cùng kỳ 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 304 tỷ đồng tăng 441% so với năm trước, chủ yếu đến từ việc tăng trưởng các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi. Nếu loại trừ ảnh hưởng của việc phân bổ lợi thế thương mại và giá trị đánh giá lại của tài sản thì lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 663 tỷ đồng.

02.

Mitsui & Co trở thành cổ đông chiến lược của Tasco Auto



Tháng 8/2024, Tasco và Mitsui & Co, Ltd. ("Mitsui") công bố đã hoàn tất thỏa thuận để Mitsui trở thành cổ đông chiến lược của Tasco Auto. Khoản đầu tư được giải ngân thành các đợt và đợt đầu tiên đã hoàn thành ngày 31/7/2024.

Mitsui là tập đoàn thương mại và đầu tư hàng đầu Nhật Bản hiện diện ở hơn 60 quốc gia, vùng lãnh thổ với hoạt động kinh doanh trải dài ở nhiều lĩnh vực. Mảng ô tô và vận tải là một trong những trọng tâm đầu tư của Mitsui với việc tham gia đầu tư vào khoảng hơn 100 công ty trên 26 nước. Trong lĩnh vực này, Mitsui đã có nhiều kinh nghiệm tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và phát triển các giải pháp di chuyển thế hệ mới.

Quan hệ hợp tác chiến lược giữa Tasco và Mitsui được thúc đẩy bởi tầm nhìn chung về việc tận dụng các cơ hội tăng trưởng mạnh mẽ trong dài hạn của ngành ô tô. Trên cơ sở phát huy các lợi thế hàng đầu về dịch vụ ô tô tại Việt Nam của Tasco kết hợp với thế mạnh kinh nghiệm, mạng lưới quốc tế và tiềm lực lớn của Mitsui trên thế giới sẽ giúp mở rộng thị trường, cải tiến mô hình kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động, và tăng cường lợi ích cho cổ đông hai bên.

03.

Tasco & Geely - Nhà sản xuất ô tô top 10 thế giới liên doanh lắp ráp, phân phối xe tại Việt Nam

Tháng 9/2024, Tasco và Geely Auto Group ký hợp đồng liên doanh lắp ráp, phân phối xe ô tô tại Việt Nam. Geely được biết đến là nhà sản xuất ô tô Top 10 thế giới, công ty mẹ của Volvo - hãng xe an toàn nhất thế giới, Lotus - hãng siêu xe giá trị nhất nước Anh, Polestar (Thụy Điển) - thương hiệu xe điện hiệu suất cao & sang trọng. Geely có đội ngũ 30.000 nhân sự R&D và các trung tâm R&D tại Gothenburg (Thụy Điển), Coventry (UK), Frankfurt (Đức), Hàng Châu, Ninh Ba (Trung Quốc). Với lợi thế sở hữu gần 32.000 bằng sáng chế và dải sản phẩm đa dạng, chất lượng xe của Geely được khẳng định trên toàn cầu. Doanh số bán xe trên toàn cầu của Geely tiếp tục tăng trưởng trong năm 2024, đạt 3.336.534 xe (+22% so với cùng kỳ). Xuất khẩu tăng 53%, củng cố vị thế là một trong những tập đoàn ô tô phát triển nhanh nhất thế giới.

Nhà máy CKD có tổng vốn đầu tư khoảng 168 triệu USD, công suất giai đoạn 1 đạt 75.000 xe/năm. Nhà máy dự kiến khởi công trong năm 2025 và xuất xưởng mẫu xe đầu tiên năm 2026, trong đó có một phần sản lượng dành cho xuất khẩu đến các thị trường đối tác có lợi thế và các nước có FTA với Việt Nam. Đây là bước đi quan trọng giúp Tasco hiện thực hóa chiến lược tiến lên thượng nguồn ngành ô tô, nâng cao hiệu quả.

Geely cũng đồng thời là cổ đông lớn của hàng loạt thương hiệu danh tiếng toàn cầu như: Mercedes Benz, Aston Martin, liên doanh xe Smart cùng Mercedes Benz.



04.

VETC triển khai thành công thu phí không dừng tại các bãi đỗ xe và sân bay, có nhiều đóng góp quan trọng vào Đề án 06 của Chính phủ

Năm 2024, VETC tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong lĩnh vực giao thông thông minh, đóng góp tích cực vào Đề án 06 của Chính phủ về mở rộng hệ thống thu phí không tiền mặt tại bãi đỗ xe và sân bay. Đến tháng 12/2024, Công ty đã vận hành thu phí không tiền mặt tại gần 300 bãi đỗ xe nội thành Hà Nội, thí điểm tại 5 sân bay và áp dụng thanh toán không tiền mặt tại gần 900 cửa hàng xăng dầu PVOIL.

VETC cũng nâng cấp ứng dụng ví VETC, bổ sung tính năng tìm kiếm bãi đỗ, đặt chỗ trước và thanh toán tự động, nâng tổng số người dùng lên hơn 2,2 triệu. Sau 9 năm hoạt động, VETC duy trì 75% thị phần thu phí không dừng tại Việt Nam với 3,7 triệu khách hàng, kết nối 126 trạm, 711 làn trên các tuyến đường huyết mạch.

Theo kết quả nghiên cứu về triển khai ETC trên cao tốc tại Việt Nam do Đại học Quốc gia Singapore (NUS) công bố vào tháng 8/2024, hệ thống thu phí ETC giúp giảm 2,3 triệu tấn khí thải CO₂, tiết kiệm 727 nghìn tấn xăng và dầu diesel, hơn 1 tỷ giờ nhân lực, 445 triệu giờ tuổi thọ phương tiện và 465 triệu USD chi phí vận hành, tương đương khoảng 5,3 tỷ USD đóng góp vào nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2019 – 2030. Đây là minh chứng cho vai trò của VETC trong hiện đại hóa hạ tầng giao thông, thúc đẩy phát triển bền vững.



05.

Bảo hiểm Tasco đạt doanh số 650 tỷ đồng, thuộc top 10 công ty bảo hiểm hàng đầu về xe cơ giới năm 2024 chỉ sau hơn 1 năm hoạt động

Bảo hiểm Tasco ghi nhận bước phát triển mạnh mẽ về mạng lưới kinh doanh với 30 chi nhánh, trung tâm kinh doanh trên toàn quốc, cùng hệ thống 650 showroom/garage bảo lãnh sửa chữa và dịch vụ cứu hộ, đảm bảo khả năng hỗ trợ khách hàng nhanh chóng, kịp thời. Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình từ mua bảo hiểm đến giải quyết bồi thường, mang lại trải nghiệm thuận tiện, minh bạch và tối ưu hóa thời gian cho khách hàng.

Kết thúc năm, doanh thu đạt 650 tỷ tăng trưởng 670% so với năm 2023, đưa Bảo hiểm Tasco chính thức gia nhập Top 10 doanh nghiệp bảo hiểm xe cơ giới hàng đầu Việt Nam chỉ sau hơn 1 năm hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác trong lĩnh vực tái bảo hiểm, đồng thời ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với các ngân hàng nhằm mở rộng kênh phân phối, bổ sung các sản phẩm dịch vụ như bảo hiểm tài sản kỹ thuật, bảo hiểm con người, giúp đa dạng lựa chọn cho khách hàng và khai thác tiềm năng thị trường.



ĐIỂM NHẤN 2024

06.

Tasco Auto gia tăng quy mô hệ thống lên 106 showroom, tăng trưởng sản lượng và gia tăng thị phần lên 13,7%



Tasco Auto tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối, tăng thêm 20 showroom, nâng lên tổng số 106 showroom trên toàn quốc. Công ty cũng mở rộng danh mục sản phẩm với việc ký kết hợp tác phân phối thêm hai thương hiệu Geely và Zeekr, nâng tổng số thương hiệu xe quốc tế trong hệ thống lên 16 hãng. Doanh số bán hàng năm 2024 đạt 40.555 xe, tăng trưởng 10,7%, gia tăng thị phần lên 13,7% cho thấy sự tăng trưởng ổn định của mạng lưới.

Tasco Auto cũng thực hiện đầu tư chuyển đổi các công ty liên kết thành công ty con và gia tăng sở hữu tại các công ty con có hiệu quả cao như Toyota Lý Thường Kiệt, Bình Dương Ford...Chiến lược này cũng nhằm tối ưu hóa quản trị, nhân rộng mô hình của các đơn vị thành công, từ đó nâng cao hiệu quả chung của toàn hệ thống.

07.

Đầu tư sở hữu chuỗi nhập khẩu và phân phối thương hiệu xe sang Volvo tại Việt Nam và tổ chức thành công sự kiện “Recharge to shine”



Trong chiến lược tiến lên thượng nguồn ngành ô tô, Tasco Auto đã đầu tư sở hữu chuỗi nhập khẩu và phân phối thương hiệu xe sang Volvo tại Việt Nam. Công ty trở thành nhà nhập khẩu chính hãng của các thương hiệu cao cấp như Volvo, Lynk & Co, Zeekr, Geely.

Tasco Auto cũng ghi dấu ấn khi tổ chức thành công sự kiện “Recharge to Shine – Tái tạo năng lượng để tỏa sáng”, ra mắt mẫu xe thuần điện Volvo EC40 tại Việt Nam. Volvo cũng mang đến bộ sưu tập Plug-in Hybrid, từ SUV 7 chỗ (XC90), SUV 5 chỗ (XC60) và Sedan (S90, cho phép chuyển đổi linh hoạt giữa chế độ hoạt động bằng động cơ xăng, hybrid và thuần điện, giúp tiết kiệm nhiên liệu, bảo vệ môi trường và hiệu năng mạnh mẽ. Thông qua sự kiện này, Volvo mong muốn mang đến cho khách hàng trải nghiệm đặc trưng của thương hiệu Scandinavia, kết hợp công nghệ tiên tiến và triết lý an toàn đã được hãng xe này phát triển trong suốt gần 100 năm qua.

08.

Six Senses Ninh Van Bay và Ana Mandara Đà Lạt đạt nhiều giải thưởng quốc tế

Six Senses Ninh Van Bay, với kiến trúc độc đáo hòa mình vào thiên nhiên, 62 biệt thự có hồ bơi riêng, tọa lạc rải rác trên các vách đá, sườn đồi và dọc bờ biển, gắn gũi với thiên nhiên hoang sơ, khu nghỉ đã đạt nhiều giải thưởng quốc tế uy tín. Tiêu biểu như: Top đầu trong danh sách ‘Khu nghỉ dưỡng hàng đầu Châu Á 2024’ do Condé Nast Traveler bình chọn; ‘Khu nghỉ dưỡng lãng mạn nhất Châu Á 2024’ do World Travel Awards trao tặng; cùng giải thưởng về phát triển bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học từ các tổ chức danh tiếng như HICAP Sustainable Hotel Awards, Sustainable Cities and Human Settlements Awards.

Là biểu tượng kiến trúc Pháp cổ giữa lòng Đà Lạt, Ana Mandara Đà Lạt không chỉ mang đến trải nghiệm nghỉ dưỡng cao cấp mà còn trở thành trung tâm văn hóa – nghệ thuật nổi bật của Đà Lạt. Trong năm 2024, khu nghỉ đã tổ chức nhiều triển lãm tranh, trại sáng tác nghệ thuật, thu hút đông đảo du khách yêu nghệ thuật. Ana Mandara Đà Lạt đã vinh dự nhận nhiều giải thưởng như: ‘Khu nghỉ dưỡng hàng đầu mang giá trị nghệ thuật & di sản’ – Heritage Fashion’s Choice 2024, ‘Khu nghỉ dưỡng di sản sang trọng bậc nhất’ – World Luxury Hotel Awards 2024, và ‘Khách sạn cao cấp tốt nhất’ – Trip Best 2024.



ĐIỂM NHẤN 2024

09.

Tasco được vinh danh “Nơi làm việc Tốt nhất châu Á 2024”

Tại HR Asia Awards 2024, Tasco được vinh danh “Nơi làm việc tốt nhất châu Á – Best Companies to Work for in Asia 2024”. Đây là giải thưởng quốc tế uy tín nhằm đánh giá và vinh danh những doanh nghiệp có chính sách nhân sự vượt trội, chế độ đãi ngộ hấp dẫn và môi trường làm việc hàng đầu khu vực.

Tasco cũng liên tiếp đạt các giải thưởng như Top 50 doanh nghiệp Việt có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn, Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (do Amphabe bình chọn).

Với định hướng ưu tiên đầu tư phát triển nhân tài làm động lực cho sự phát triển đột phá và bền vững, Tasco đã thu hút được nhiều nhân sự cấp cao giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực ô tô, công nghệ, quản trị, tài chính, nhằm dẫn dắt và triển khai các chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty.



10.

Tasco giữ vị trí cao trong các bảng xếp hạng uy tín, Top 10 ngành xe và Top 10 quản trị công ty tốt nhất

Tại Lễ công bố Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), Tasco giữ vị trí cao trong bảng xếp hạng, thuộc Top 7/10 doanh nghiệp lớn nhất ngành xe và xếp hạng 135/500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Đây là kết quả từ những nỗ lực duy trì tăng trưởng ổn định trong bối cảnh kinh doanh nhiều biến động.

Tasco cũng được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp niêm yết có quản trị công ty tốt nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), đánh dấu sự cải tiến rõ rệt trong công tác quản trị và minh bạch thông tin. Công ty cũng được bình chọn “Doanh nghiệp có thương vụ M&A tiêu biểu 2024” với hai thương vụ quan trọng giúp củng cố chiến lược phát triển, bao gồm: huy động vốn thành công từ cổ đông chiến lược Mitsui & Co (Nhật Bản) và việc sở hữu chuỗi nhập khẩu và phân phối Volvo, mở ra cơ hội lớn trong ngành ô tô.



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

TRỞ THÀNH LỰA CHỌN SỐ
về dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh tại Việt Nam.

Sứ mệnh

VỚI KHÁCH HÀNG - CỘNG ĐỒNG

Định nghĩa lại trải nghiệm người tiêu dùng ô tô, thông qua hệ sinh thái dịch vụ toàn diện, trọn đời và hạ tầng giao thông thông minh.

VỚI CỘNG SỰ

Tạo môi trường làm việc thách thức, tưởng thưởng xứng đáng & cơ hội phát triển đa dạng.

Giá trị cốt lõi

TỐC ĐỘ & QUYẾT LIỆT



Hành động nhanh, quyết đoán, cam kết đạt mục tiêu với quyết tâm cao nhất.

TINH GỌN & HIỆU SUẤT CAO



Vận hành tối ưu, giảm lãng phí, tạo giá trị lớn với năng suất vượt trội.

TẦM NHÌN LỚN & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Hướng đến mục tiêu chung, tăng trưởng dài hạn, mục tiêu lớn đủ cảm hứng, cân bằng hiệu quả và trách nhiệm.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



TỔNG QUAN LĨNH VỰC KINH DOANH

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN

TASCO®

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30, ngày 08/07/2024

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trạm VETC
- Dự án BOT
- Bất động sản Nghỉ dưỡng
- Hệ thống Showroom ô tô

Hiện diện tại

63/63

tỉnh thành trên cả nước

QUẦN ĐẢO
HOÀNG SA

QUẦN ĐẢO
TRƯỜNG SA

ĐẢO PHÚ QUỐC

CÔN ĐẢO

Mã Cổ phiếu: HUT

Nơi đăng ký niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024.6668.6863

Website: tasco.com.vn

TỔNG QUAN LĨNH VỰC KINH DOANH

LĨNH VỰC CỐT LÕI



DỊCH VỤ Ô TÔ



HẠ TẦNG GIAO THÔNG THÔNG MINH



Hệ thống phân phối và dịch vụ ô tô lớn nhất Việt Nam

Tasco Auto phân phối 16 thương hiệu xe ô tô: Toyota, Ford, Hyundai, Mitsubishi, Vinfast, Honda, Nissan, MG, Suzuki, Hino, Isuzu, Hyundai Truck & Bus; Lynk & Co, Zeekr, Geely và thương hiệu xe sang Volvo; chiếm 13,7% thị phần (theo số liệu của VAMA) thông qua hệ thống 106 showroom trải dài từ Bắc vào Nam.



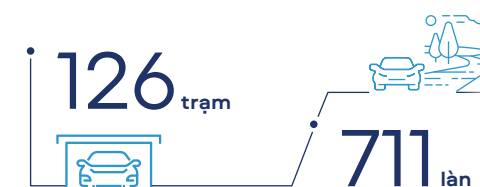
13,7%

Thị phần phân phối xe ô tô



Hạ tầng giao thông thông minh

VETC là đơn vị hàng đầu tiên phong vận hành dịch vụ thu phí điện tử không dừng ETC tại Việt Nam. VETC có mạng lưới kết nối 126 trạm – 711 làn thu phí, phục vụ hơn 3,7 triệu chủ xe và xử lý bình quân 1,8 triệu giao dịch mỗi ngày, cao điểm lên đến 2,3 triệu giao dịch/ngày, tổng cộng có gần 700 triệu giao dịch trong năm 2024.



Bảo hiểm, dịch vụ tài chính, Bất động sản

Dựa trên hạ tầng giao thông số và hạ tầng phân phối và dịch vụ ô tô, Tasco hướng đến cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng và trọn đời cho người đi xe ô tô và chủ sở hữu xe ô tô như các sản phẩm bảo hiểm tài chính được cá nhân hóa, các sản phẩm và dịch vụ bất động sản, và các sản phẩm dịch vụ đa dạng khác đem lại lợi ích tối ưu và thuận tiện cho khách hàng.

CƠ CẤU TỔ CHỨC,
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vũ Đình Độ

Chủ tịch
Hội đồng Quản trị



Ông Vũ Đình Độ là nhà đầu tư, người đồng sáng lập và đồng hành cùng sự phát triển của các công ty phát triển hạ tầng cấp nước, các công ty sản xuất vật tư hạ tầng ngành nước, sản xuất vật liệu xây dựng... trong hệ thống CTCP DNP Holding. Ông có kiến thức sâu rộng và gần 20 năm kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển, kiến trúc tổ chức, hoạt động đầu tư và hoạt động quản trị vận hành doanh nghiệp tại các tổ chức lớn của Việt Nam.

Ông Vũ Đình Độ được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 4 năm 2022.

Trần Đức Huy

Phó Chủ tịch HĐQT
Thành viên độc lập HĐQT



Ông Trần Đức Huy có 25 năm kinh nghiệm và từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các Tập đoàn hàng đầu thế giới và Việt Nam. Ông Huy từng nắm giữ vị trí Tổng Giám đốc của Saint-Gobain Vietnam – Tập đoàn nổi tiếng thế giới về sản xuất và phân phối giải pháp vật liệu xây dựng. Trước đó, ông Huy từng là Tổng Giám đốc Công ty CPCN Vĩnh Tường. Với kinh nghiệm và kiến thức quản trị sâu rộng được công nhận bởi các tổ chức đào tạo hàng đầu như: Chương trình lãnh đạo cao cấp GMP của trường kinh doanh Harvard Business School; Chương trình đào tạo lãnh đạo cấp cao tại Anderson Business School (UCLA), Sloan Business School (MIT). Chứng chỉ giảng viên quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance Trainer) – IFC (Ngân Hàng Thế Giới).

Ông Trần Đức Huy được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Hồ Việt Hà

Phó Chủ tịch
Hội đồng Quản trị



Ông Hồ Việt Hà đã có gần 25 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành cấp cao tại nhiều tổ chức hàng đầu trong nước và quốc tế, trong đó có 10 năm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiểm toán của Công ty Kiểm toán hàng đầu thế giới như KPMG, AA; hơn 10 năm là Giám đốc Điều hành cấp Tập đoàn và thành viên HĐQT của Thiên Minh Group tập trung phát triển dịch vụ du lịch cao cấp và gần 5 năm giữ chức Chủ tịch điều hành tổ chức lớn về hạ tầng ngành nước tại Việt Nam.

Ông Hồ Việt Hà được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Nguyễn Danh Hiếu

Phó Chủ tịch
Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Danh Hiếu đóng vai trò quan trọng trong việc kiến trúc hệ thống và chuyển đổi hệ thống theo hướng số hóa hiện đại nâng cao năng suất và phục vụ mục tiêu kinh doanh trên nền tảng số. Ông Hiếu hiện đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Carpla.

Ông Nguyễn Danh Hiếu được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Nguyễn Thế Minh

Phó Chủ tịch
Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Thế Minh đã có gần 30 năm kinh nghiệm và rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các công ty Chứng khoán như: Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank và Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB. Ngoài ra, Ông có thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp khác.

Ông Nguyễn Thế Minh được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Phan Thị Thu Thảo

Thành viên
Hội đồng Quản trị



Bà Phan Thị Thu Thảo có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành, đầu tư và kiểm toán, đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đầu tư đa ngành sản xuất, nước sạch, chức vụ Quản lý danh mục đầu tư tại Vietfund Management và kiểm toán tại KPMG. Bà có hiểu biết sâu rộng trong việc xây dựng tổ chức mô hình công ty Holding, xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo thị trường, tài chính, vận hành trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam.

Bà Phan Thị Thu Thảo chính thức tham gia vào HĐQT Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đinh Đức Tùng

Thành viên
Hội đồng Quản trị



Ông Đinh Đức Tùng có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kiểm toán và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các công ty, tổ chức tài chính lớn như KPMG Việt Nam, KPMG Singapore, Phó Giám đốc kiểm soát tài chính Tập đoàn Sovico, Trưởng ban tài chính tập đoàn BIM và nhiều năm liền đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài Chính tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark.

Ông Đinh Đức Tùng chính thức tham gia HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Đàm Bích Thủy

Thành viên độc lập
Hội đồng Quản trị



Bà Đàm Bích Thủy từng nắm giữ chức vụ Chủ tịch trường Đại học Fulbright Việt Nam hơn 08 năm. Trước đó, Bà từng giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Ngân hàng ANZ Việt Nam, Tổng Giám đốc Ngân hàng quốc tế VIB. Bà Đàm Bích Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị tại Đại học Harvard và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Kinh doanh Wharton, Đại học Pennsylvania.

Bà Đàm Bích Thủy chính thức tham gia HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2023.

Bùi Quang Bách

Thành viên độc lập
Hội đồng Quản trị



Ông Bùi Quang Bách tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông từng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đảm nhiệm qua các vị trí quản lý cấp cao như Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long; Hiện nay ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Capella Việt Nam, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia...

Ông Bùi Quang Bách chính thức tham gia HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2023.

BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Minh Hiếu

Trưởng Ban kiểm soát



Ông Nguyễn Minh Hiếu là cử nhân Kiểm toán – ĐH Kinh tế quốc dân. Ông Hiếu có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, đặc biệt là kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và kế toán trưởng tại các công ty trong lĩnh vực bất động sản, thương mại dịch vụ

Hoàng Thị Soa

Thành viên
Ban kiểm soát



Bà Hoàng Thị Soa là cử nhân ngành Pháp luật Kinh tế, Luật sư. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Pháp chế tại Công ty chứng khoán, ngân hàng và đầu tư bất động sản.

Trần Thị Linh

Thành viên
Ban kiểm soát



Bà Trần Thị Linh là Cử nhân kinh tế, chuyên ngành thuế. Trước khi gia nhập Tasco, Bà Linh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản lý tài chính các đơn vị kiểm toán như Công ty TNHH DVTC Tài Chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh phía Bắc.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Việt Hà

Tổng Giám đốc



Ông Hồ Việt Hà đã có gần 25 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành cấp cao tại nhiều tổ chức hàng đầu trong nước và quốc tế, trong đó có 10 năm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiểm toán của Công ty Kiểm toán hàng đầu thế giới như KPMG, AA; hơn 10 năm là Giám đốc Điều hành cấp Tập đoàn và thành viên HĐQT của Thiên Minh Group tập trung phát triển dịch vụ du lịch cao cấp và gần 5 năm giữ chức Chủ tịch điều hành tổ chức lớn về hạ tầng ngành nước tại Việt Nam. Ông Hồ Việt Hà được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Phan Thị Thu Thảo

Phó Tổng Giám đốc
Vận hành



Bà Phan Thị Thu Thảo có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành, đầu tư và kiểm toán, đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đầu tư đa ngành sản xuất, nước sạch, chức vụ Quản lý danh mục đầu tư tại Vietfund Management và kiểm toán tại KPMG. Bà có hiểu biết sâu rộng trong việc xây dựng tổ chức mô hình công ty Holding, xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo thị trường, tài chính, vận hành trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam.

Bà Phan Thị Thu Thảo được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc vận hành Công ty cổ phần Tasco từ tháng 10 năm 2021.

Nguyễn Thế Minh

Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Thế Minh đã có gần 30 năm kinh nghiệm và rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các công ty Chứng khoán như: Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Tín, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank và Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB. Ngoài ra, Ông có thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp khác. Ông Nguyễn Thế Minh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 11 năm 2021.

Phan Thùy Giang

Phó Tổng Giám đốc



Bà Phan Thùy Giang là Thạc sỹ chuyên ngành tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng tại các tổ chức lớn. Bà Giang cũng đảm nhiệm các vị trí chủ chốt trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của các công ty thuộc ngành nước và vật liệu xây dựng. Trước khi được bổ nhiệm, Bà Phan Thùy Giang là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SVC Holdings, Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư Tasco và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các dự án lớn trong lĩnh vực tài chính, đầu tư của Công ty cho đến nay.

Bà Phan Thùy Giang được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tasco kể từ tháng 10 năm 2023.

Phạm Đức Minh

Phó Tổng Giám đốc



Trước khi gia nhập Tasco, ông Phạm Đức Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng cầu đường và trực tiếp tham gia chỉ huy, thi công nhiều công trình lớn tại nhiều tỉnh thành Việt Nam. Ông cũng đã có nhiều năm đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Tasco và các đơn vị thành viên.

Ông Phạm Đức Minh được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco từ năm 2022.

Nguyễn Hải Hà

Phó Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Hải Hà là Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Solvay Brussels (Bỉ). Trước khi gia nhập Tasco, ông từng nắm giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại các công ty trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại, đầu tư, xây dựng, y tế và gần đây nhất là đảm nhiệm vị trí Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Savico Hà Nội. Ông Nguyễn Hải Hà cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và điều hành hoạt động kinh doanh, hợp tác với các doanh nghiệp tổ chức lớn. Ông Nguyễn Hải Hà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco kể từ tháng 10 năm 2023.



CHƯƠNG

02.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

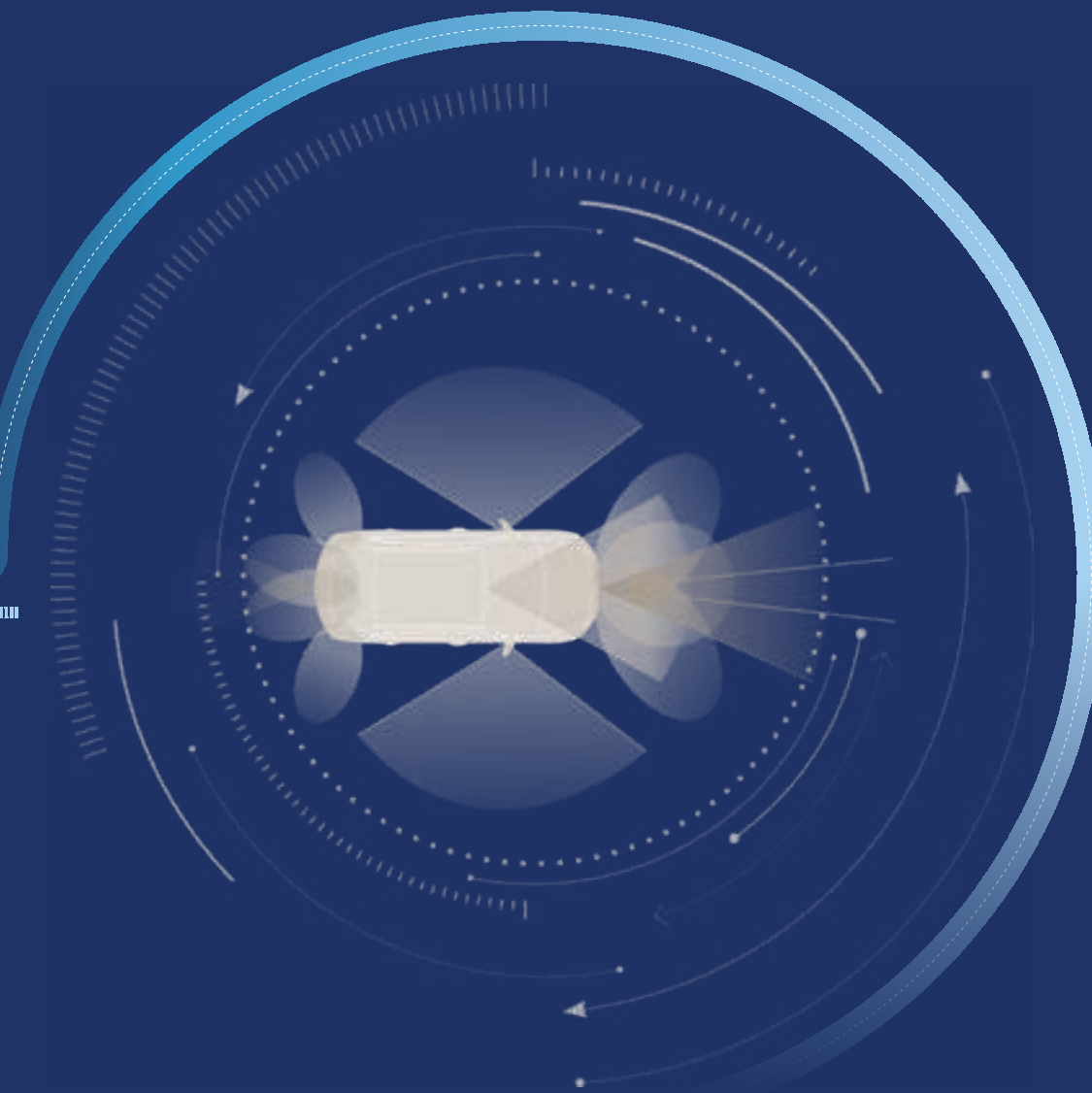
- 34 Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030
- 36 Định hướng chiến lược



Tầm nhìn

TRỞ THÀNH LỰA CHỌN SỐ 1

về dịch vụ ô tô
và hạ tầng giao thông
thông minh tại Việt Nam.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2025-2030



Với lợi thế từ mảnh ghép Tasco Auto cộng hưởng với hạ tầng giao thông số VETC, bảo hiểm, tài chính, Tasco thực hiện chiến lược hoàn thiện chuỗi dịch vụ trọn vòng đời phương tiện, hiện thực hóa tầm nhìn trở thành lựa chọn số 1 về dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh tại Việt Nam.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2025-2030

Định hướng chiến lược



CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG

- Gia tăng số lượng showroom và phân phối thêm các thương hiệu ô tô mới nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và khai thác tiềm năng tăng trưởng dài hạn của thị trường. Đặc biệt, tập trung triển khai dự án lắp ráp ô tô trong nước (CKD) để phục vụ thị trường nội địa và hướng đến xuất khẩu sang các quốc gia có hiệp định thương mại tự do với Việt Nam.
- Phát triển dịch vụ giao thông thông minh và trung gian thanh toán, mở rộng dịch vụ thu phí không dừng, ví điện tử VETC. Cung cấp các giải pháp giao thông không tiền mặt, bao gồm thanh toán xăng dầu, thấu chi tài chính, thu phí sân bay, bãi đỗ xe và các dịch vụ tiện ích khác cho chủ phương tiện.
- Tăng tốc chuyển đổi số và tối ưu hiệu quả chuỗi giá trị trọn vòng đời phương tiện, từ mua xe mới, bán xe cũ, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, bảo hiểm, thu phí tự động đến đăng ký – đăng kiểm. Tăng cường kết nối và khai thác sức mạnh nội bộ nhằm tối ưu chi phí và phát huy lợi thế cạnh tranh từ sự hợp lực giữa các đơn vị thành viên.



CHIẾN LƯỢC KHÁC BIỆT HOÁ

- Tạo khác biệt thông qua mô hình kinh doanh tích hợp theo chiều dọc, hướng lên thượng nguồn của chuỗi giá trị ngành ô tô từ nhập khẩu, phân phối đến dự án lắp ráp xe (CKD) hợp tác với nhà sản xuất ô tô top 10 thế giới...; Chủ động tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu một cách có chọn lọc, phù hợp với thế mạnh cốt lõi, tối ưu hóa năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.
- Tạo ra trải nghiệm khách hàng toàn diện (end to end), có tính cá nhân hóa cao nhờ lợi thế sở hữu tệp khách hàng chất lượng và kinh nghiệm phục vụ 670.000 lượt và 3,7 triệu khách hàng VETC dịch vụ ô tô mỗi năm, cung cấp thông tin giá trị để thấu hiểu khách hàng.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, big data & AI để tạo ra các DNA, platform có thể ứng dụng trên toàn hệ thống, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ, cải thiện hiệu suất và tối ưu chi phí.



CHIẾN LƯỢC NỀN TẢNG

- Thu hút nhân tài, phát triển con người, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp trên tinh thần linh hoạt, tốc độ, quyết liệt.
- Triển khai mô hình quản trị hiện đại để tối ưu vận hành, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả ra quyết định.
- Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút nguồn vốn đầu tư dài hạn tạo nền tảng phát triển bền vững.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2025-2030

Giải pháp thực hiện chiến lược

Trong năm 2025 và giai đoạn tiếp theo, Tasco sẽ tập trung tối đa nguồn lực để đầu tư phát triển các lĩnh vực cốt lõi và kết nối thực chất với tầm nhìn thông qua các giải pháp cụ thể như sau:

LĨNH VỰC KINH DOANH CỐT LÕI

Lĩnh vực dịch vụ ô tô

Phát triển theo chiều sâu, tích hợp chuỗi giá trị ngành ô tô: Tasco tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua mô hình tích hợp theo chiều dọc, hướng lên thượng nguồn trong chuỗi giá trị ngành ô tô – từ nhập khẩu, phân phối đến dự án lắp ráp xe (CKD) nhằm gia tăng hiệu suất, biên lợi nhuận và phát triển bền vững.

Mở rộng mạng lưới showroom (dự kiến đạt 180 showroom vào năm 2025) và thương hiệu ô tô mới (xe sang và xe năng lượng mới), gia tăng hiện diện trên toàn quốc nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và tận dụng dư địa tăng trưởng dài hạn của ngành ô tô.

Hoàn thiện chuỗi giá trị toàn diện cho xe thông qua phát triển Carpla trở thành sàn thương mại điện tử ô tô chính hãng đã qua sử dụng số 1 tại Việt Nam, nhiều tiện ích từ online đến offline; Cung cấp dịch vụ sửa chữa – phụ tùng, dành cho xe đã hết thời gian bảo hành trên toàn quốc với phụ tùng nhập khẩu chính hãng, nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi, dịch vụ cho thuê xe.

Giao thông thông minh

Duy trì vị thế dẫn đầu và nâng cao chất lượng dịch vụ ETC: Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, hạ tầng và tối ưu hóa nguồn lực để giữ vững vị trí số 1 thị phần tại Việt Nam, nâng cao chất lượng phục vụ 3,7 triệu khách hàng hiện hữu và dự kiến tăng lên 5 triệu vào năm 2026. Hoàn thiện các giải pháp thu phí điện tử, sẵn sàng triển khai các cải tiến mang tính đột phá như thanh toán trước – sau (Buy now – Pay Later) và loại bỏ barie từ năm 2026.

Mở rộng dịch vụ giá trị gia tăng và hệ sinh thái tài khoản giao thông: Tối ưu trải nghiệm người dùng qua việc tích hợp tài khoản giao thông với ví điện tử VETC. Ra mắt các tính năng như: nạp tiền nhanh – an toàn, tìm kiếm bãi đỗ theo nhu cầu, đặt lịch lái thử xe linh hoạt và các dịch vụ tài chính.

Trong trung và dài hạn, thị trường ô tô Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ CAGR đạt 14% – 15%/năm, dự kiến đạt 1,1 triệu xe vào 2030, khẳng định tiềm năng mạnh mẽ của thị trường ô tô Việt Nam trong khu vực châu Á. Theo đó, các lựa chọn chiến lược của Tasco sẽ hướng đến việc khai thác tiềm năng thị trường và phát huy các thế mạnh cốt lõi của công ty.

Bảo hiểm

Mở rộng mạng lưới kinh doanh: Tăng cường hiện diện trên toàn quốc với mục tiêu đạt 40 trung tâm kinh doanh và chi nhánh, ưu tiên phát triển tại các thành phố trọng điểm.

Đa dạng hoá và cá nhân hoá sản phẩm: Tập trung cung cấp các sản phẩm bảo hiểm cá nhân hoá dành cho xe và chủ xe, đồng thời mở rộng sang lĩnh vực bảo hiểm con người và bảo hiểm tài sản kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Chuyển đổi số toàn diện: Triển khai các giải pháp công nghệ số trong quản trị và vận hành, rút ngắn thời gian cấp đơn bảo hiểm. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ hiện đại vào hệ thống tra cứu bảo hiểm trực tuyến, giúp khách hàng dễ dàng kiểm tra thông tin hợp đồng chỉ với vài thao tác đơn giản. Tasco Insurance hướng tới trở thành đơn vị tiên phong trong lĩnh vực bảo hiểm số tại Việt Nam.

Tối ưu hoá quy trình giám định và bồi thường: Ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong công tác giám định, đảm bảo xử lý nhanh chóng và chính xác. Cung cấp dịch vụ cứu hộ 24/7, kết hợp với hệ thống bảo lãnh và sửa chữa rộng khắp gồm 106 showroom Tasco Auto và hơn 650 garage liên kết trên toàn quốc, mang đến sự an tâm và tiện lợi tối đa cho khách hàng.

Dịch vụ tài chính

Hợp tác với đối tác tài chính, ngân hàng cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt cho khách hàng, triển khai các chương trình cho vay mua xe với lãi suất tốt. Thiết kế các sản phẩm tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

Tiếp tục phát triển các sản phẩm tài chính vi mô để mở rộng dịch vụ thanh toán giao thông, xăng dầu theo mô hình mua trước – trả sau (Buy Now Pay Later)...

Bất động sản

Tiếp tục vận hành và nâng cao hiệu quả khai thác 2 khu nghỉ dưỡng 5 sao quốc tế gồm Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt theo định hướng gắn với thiên nhiên, lịch sử, nghệ thuật, điều kiện đặc thù của Việt Nam và các nguyên tắc bảo tồn để phát triển bền vững.

Triển khai các dự án trong quỹ đất hiện hữu: kết hợp với Tasco Auto/Savico khai thác hiệu quả các bất động sản và dự án với quỹ đất hiện có khoảng 159ha.

Trên cơ sở đánh giá các cơ hội và thách thức, Tasco luôn bám sát diễn biến thị trường, tập trung triển khai các giải pháp để kết nối thực chất với tầm nhìn, tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt dựa trên chuỗi dịch vụ toàn diện về xe ô tô, giúp tối ưu chi phí, nâng cao trải nghiệm và sự yên tâm cho khách hàng trong suốt vòng đời sử dụng xe.



03.

CHƯƠNG

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 42 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2024 và dự báo 2025
- 48 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024
- 58 Tình hình tài chính Công ty
- 61 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 62 Kế hoạch kinh doanh 2025

TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ 2024 VÀ DỰ BÁO 2025

Kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam, **↑ 7,09%** so với năm 2023

476,3
Tỷ USD

Xuất nhập khẩu năm 2024

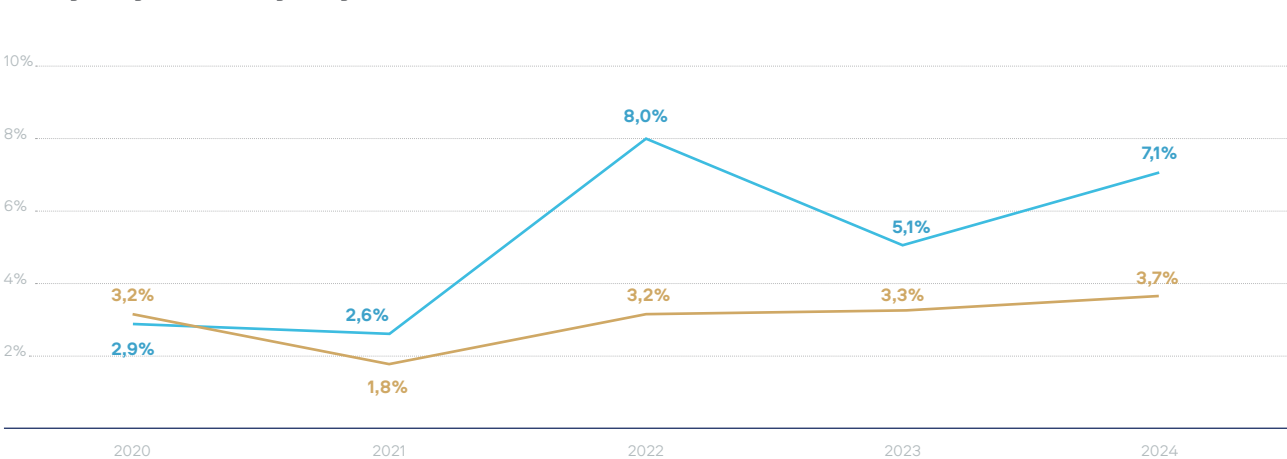
15,5%

Kinh tế thế giới năm 2024 phục hồi ở mức 3,3% (IMF) nhưng không đồng đều. Lạm phát hạ nhiệt giúp NHTW nới lỏng chính sách, hỗ trợ tăng trưởng. Tuy nhiên, rủi ro vẫn cao do các vấn đề căng thẳng địa chính trị (Trung Đông, Ukraine), cạnh tranh thương mại – công nghệ, bảo hộ gia tăng, an ninh năng lượng, lương thực, và khí hậu cực đoan. Lạm phát, lãi suất dù giảm nhưng vẫn cao, khiến rủi ro tài chính – tiền tệ vẫn hiện hữu.

Về triển vọng 2025, các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức khoảng 3–3,2%, các đầu tàu kinh tế đều tăng trưởng chậm lại, trong khi các nền kinh tế đang phát triển hồi phục tốt hơn.

Tại Việt Nam, bức tranh kinh tế 2024 ghi nhận nhiều điểm sáng tích cực, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đạt khoảng 476,3 tỷ USD, tăng 7,09% so với năm 2023. Theo Tổng cục Thống kê, GDP bình quân đầu người ước đạt 114 triệu đồng, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm trước. Lạm phát được kiểm soát khi CPI bình quân năm 2024 tăng 3,66%, phù hợp với mục tiêu Quốc hội đề ra. Xuất nhập khẩu – một trong những động lực chính của nền kinh tế – tăng trưởng 15,5%, giúp Việt Nam đạt mức xuất siêu 24,7 tỷ USD trong bối cảnh thương mại toàn cầu phục hồi. Cùng với đó, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục khởi sắc với vốn đăng ký đạt 38,2 tỷ USD, tăng 4,4%, trong khi vốn giải ngân đạt 25,4 tỷ USD, tăng 9,3% so với năm trước. PMI trung bình năm 2024 đạt 51 điểm, có xu hướng giảm nhẹ vào cuối năm. Tổng mức doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2024 đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước; Tăng trưởng tín dụng năm 2024 đạt 15,08% so với cuối năm 2023, mặt bằng lãi suất cơ bản ổn định, góp phần hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, tỷ giá trong tầm kiểm soát.

Tăng trưởng GDP & CPI

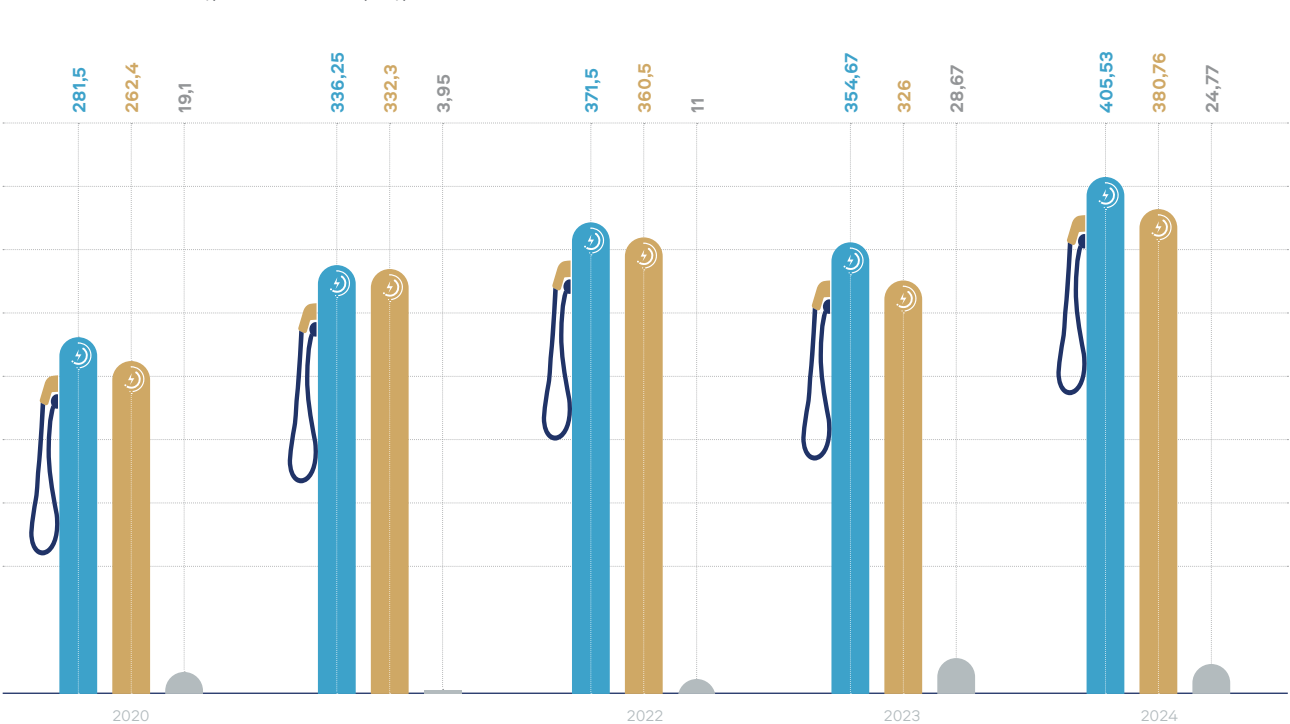


8%

Dự báo GDP năm 2025

Năm 2025 được dự báo sẽ là năm tăng trưởng mạnh mẽ với GDP ước đạt khoảng 8%, theo mục tiêu của Chính phủ. Động lực chính đến từ nền kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, lãi suất duy trì ở mức thấp, tỷ giá biến động quanh mức 3%, cùng với các cân đối lớn như cán cân thanh toán, ngân sách, nợ công và an ninh năng lượng, lương thực được đảm bảo. Bên cạnh đó, môi trường đầu tư – kinh doanh tiếp tục được cải thiện nhờ các đạo luật quan trọng có hiệu lực, đặc biệt là những cải cách thể chế và tinh gọn bộ máy của Đảng, Nhà nước, đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, nền kinh tế cũng đối mặt với thách thức từ những thay đổi trong chính sách thương mại quốc tế, đặc biệt dưới tác động của chính quyền Donald Trump. Dù vậy, Việt Nam vẫn có dư địa để điều chỉnh và cân bằng cán cân thương mại.

Quy mô xuất nhập khẩu của Việt Nam



TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ 2024 VÀ DỰ BÁO 2025



Thị trường ô tô

Tổng lượng ô tô tiêu thụ năm 2024

450.147 xe

Dự báo 2025, thị trường ô tô trong nước được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng

8%-10%

Năm 2024, thị trường ô tô Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng tích cực so với năm 2023. Theo số liệu từ VAMA, HTC và VinFast, tổng lượng ô tô tiêu thụ đạt 450.147 xe, tăng 19,7% so với cùng kỳ. Môi trường lãi suất thấp cùng chính sách miễn giảm phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước đã thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng, góp phần duy trì đà tăng trưởng của thị trường.

Xu hướng ô tô điện và xe hybrid tiếp tục mở rộng với sự gia nhập của nhiều thương hiệu mới.

Đối với lĩnh vực kinh doanh ô tô đã qua sử dụng, thị trường xe cũ ở Việt Nam có nhiều cơ hội để phát triển. Thị trường này dự kiến tăng trưởng cùng với sự gia tăng quy mô của thị trường xe mới và xu hướng mua bán xe cũ để đổi xe mới ngày càng phổ biến. Tỷ lệ xe cũ ở Việt Nam còn khá thấp so với khu vực, chỉ khoảng 0,4 lần so với lượng ô tô mới bán ra (thấp hơn nhiều so với Thái Lan 2,4 xe cũ/1 xe mới bán ra, Indonesia 1,5 lần, Malaysia 2 lần). Thị trường xe cũ ước tính tăng trưởng 24% hàng năm với giá trị thị trường lên đến 18 tỷ USD vào năm 2028.

Dự báo 2025, thị trường ô tô trong nước được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng 8-10%, ngay cả trong kịch bản không còn

các chính sách hỗ trợ. Tuy nhiên, sự cạnh tranh sẽ ngày càng gay gắt với sự tham gia của nhiều hãng xe mới và làn sóng xe điện.

Về dài hạn, thị trường ô tô còn nhiều tiềm năng khi tỷ lệ sở hữu ô tô đối với người dân Việt Nam hiện nay vẫn còn thấp so với khu vực. Theo báo cáo của Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia, lũy kế tổng số xe đã đăng ký tính đến cuối năm 2023 là 6,31 triệu ô tô, theo đó Việt Nam chỉ đạt 63 xe/1.000 dân, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực như Thái Lan (280 xe), Malaysia (535 xe). Tầng lớp trung lưu gia tăng và hạ tầng tiếp tục phát triển, đạt 5.000 km đường cao tốc đến 2030 sẽ thúc đẩy tiêu thụ ô tô.

Ngành ô tô Việt Nam đang phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, với các doanh nghiệp trong nước hợp tác cùng OEM toàn cầu, thúc đẩy Việt Nam trở thành một trung tâm xuất khẩu ô tô của khu vực. Dịch vụ phụ trợ như bảo dưỡng, spa xe và kinh doanh xe cũ cũng phát triển mạnh mẽ. Theo dự báo tại dự thảo “Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” của Bộ Công Thương, tổng lượng ô tô bán ra trên thị trường Việt Nam vào năm 2030 có thể đạt khoảng 1 đến 1,1 triệu chiếc, gấp đôi mức kỷ lục năm 2022.



Dịch vụ thu phí không dừng

5,5 Triệu
Phương tiện dán thẻ

171
Trạm thu phí

931
Làn áp dụng hình thức thu phí không dừng

Sau hơn hai năm triển khai thu phí không dừng, cả nước đã có gần 5,5 triệu phương tiện dán thẻ, đạt khoảng 97% tổng số phương tiện lưu thông. Hiện có 171 trạm thu phí với 931 làn áp dụng hình thức thu phí không dừng, nâng tổng số giao dịch khoảng 2 triệu mỗi ngày. Trên các tuyến cao tốc, thu phí không dừng (ETC) đã được triển khai hoàn toàn, trong khi các tuyến quốc lộ chỉ còn duy nhất một làn hỗn hợp mỗi chiều, phần còn lại là thu phí thuần ETC.

Dù Việt Nam áp dụng hình thức này muộn hơn nhiều quốc gia khác, tốc độ triển khai được đánh giá là nhanh và hiệu quả. Theo nghiên cứu của GS. TS Vũ Minh Khương được Đại học quốc gia Singapore công bố tháng 8/2024, việc triển khai thu phí không dừng tại Việt Nam ước tính tiết kiệm tổng chi phí lên đến 442,7 triệu USD, tương đương 11,2 nghìn tỷ VNĐ trong năm 2023. Tính chung giai đoạn 2019-2023, lợi ích Việt Nam có từ triển khai ETC có giá trị gần 1 tỷ USD.

Không chỉ giới hạn tại các trạm thu phí BOT trên cao tốc, ngành giao thông đang mở rộng phạm vi ứng dụng ETC sang các lĩnh vực khác. Từ tháng 5/2024, Bộ Giao thông Vận tải phối hợp với Tổng công ty Cảng

hàng không Việt Nam (ACV) triển khai thu phí điện tử không dừng tại sân bay lớn: Nội Bài (Hà Nội), Cát Bi (Hải Phòng), Phú Bài (Thừa Thiên Huế), Đà Nẵng (Đà Nẵng) và Tân Sơn Nhất (TP.HCM). Sau khi hoàn tất triển khai tại sân bay, Bộ Giao thông Vận tải dự kiến mở rộng ETC sang các dịch vụ khác như thu phí cảng biển, bãi đỗ xe, bảo hiểm, và đăng kiểm.

Theo chương trình chuyển đổi số của Bộ Giao thông Vận tải đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tất cả tuyến cao tốc sẽ được lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh và thu phí điện tử không dừng. Đến năm 2030, Việt Nam đặt mục tiêu loại bỏ hoàn toàn giao dịch tiền mặt trong lĩnh vực giao thông vận tải, 100% phương tiện ô tô sử dụng tài khoản thu phí điện tử để thanh toán các dịch vụ giao thông đường bộ.

Với vai trò tiên phong, VETC đang nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu trên, đồng thời mở rộng các dịch vụ giá trị gia tăng cho người tham gia giao thông, góp phần xây dựng đô thị thông minh với hệ thống giao thông hiện đại và tiện ích vượt trội.

TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ 2024 VÀ DỰ BÁO 2025



Thị trường bảo hiểm

Tổng doanh thu
phí bảo hiểm năm 2024
227.500
Tỷ đồng

Năm 2025, Bộ Tài chính
dự kiến tổng doanh thu
phí bảo hiểm
239.636
Tỷ đồng

Năm 2024 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ thị trường bảo hiểm Việt Nam. Ước tính, tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2024 đạt 227.500 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,25% so với năm trước. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 149.200 tỷ đồng, giảm 5%, trong khi mảng bảo hiểm phi nhân thọ ghi nhận mức tăng trưởng 10,2%, đạt 78.300 tỷ đồng.

Với định hướng chiến lược rõ ràng cùng khung pháp lý mới, ngành bảo hiểm được kỳ vọng sẽ có những bước tiến mạnh mẽ cả về quy mô lẫn chất lượng trong những năm tới. Đà tăng trưởng của bảo hiểm phi nhân thọ chủ yếu đến từ sự đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là các giải pháp bảo hiểm được thiết kế linh hoạt theo nhu cầu từng nhóm khách hàng, kết hợp với quy trình số hóa hiện đại. Hòa chung xu hướng này, Tasco Insurance triển khai sản phẩm Autosure. Sản phẩm nhanh chóng ghi nhận doanh số tích cực, giúp Tasco Insurance lọt vào top 10 thị phần bảo hiểm xe cơ giới.

Năm 2025, Bộ Tài chính dự kiến tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 239.636 tỷ đồng, trong đó: Bảo hiểm phi nhân thọ: Doanh thu dự kiến 85.938 tỷ đồng, tăng 9,77%, nhờ sự phát triển mạnh của bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới – hai sản phẩm chủ đạo của thị trường.

Chính phủ đặt ra hai mục tiêu quan trọng để thúc đẩy thị trường bảo hiểm: i) Tăng tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ lên 15% vào năm 2025, so với mức 12% năm 2023; ii) Nâng tỷ lệ thâm nhập của tổng doanh thu phí bảo hiểm (GWP) lên 3,5% GDP vào năm 2025.

Hiện tại, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm/GDP tại Việt Nam dao động từ 2,3–2,8%, thấp hơn mức trung bình 3,35% của ASEAN, 5,37% của châu Á, và 6,3% của thế giới (theo thống kê của Vietnam Report). Điều này cho thấy dư địa phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn còn rất lớn, đặc biệt khi kết hợp với các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và xu hướng số hóa mạnh mẽ.



Thị trường bất động sản

81.000 Căn
Tổng số sản phẩm chào
bán năm 2024

17,5 Triệu lượt
Khách du lịch quốc tế
đến Việt Nam

Thị trường bất động sản năm 2024 ghi nhận các tiến đề quan trọng, tạo nền cho chu kỳ phát triển mới. Theo Hội Môi giới bất động sản Việt Nam (VARIS), năm 2024 tổng số sản phẩm chào bán đạt gần 81.000 căn, tăng hơn 40% so với năm trước. Trong đó, nguồn cung mới chiếm 65.376 sản phẩm, gấp gần ba lần so với năm 2023. Lượng giao dịch cũng tăng trưởng ổn định nhờ nguồn cung dồi dào, hành lang pháp lý hoàn thiện và nhu cầu mua bất động sản tiếp tục ở mức cao. Tính chung cả năm, hơn 47.000 giao dịch thành công, tương đương tỷ lệ hấp thụ 72%, trong đó hơn 50% là giao dịch sơ cấp từ nhóm nhà đầu tư.

Phân khúc bất động sản nghỉ dưỡng hưởng lợi từ sự phục hồi của tiêu dùng và du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2024 ước đạt 6.800–6.900 nghìn tỷ đồng, tăng 9–10% so với năm trước. Du lịch Việt Nam đón 17,5 triệu lượt khách quốc tế, tăng 38,9% so với năm 2023, trong khi khách nội địa đạt 110 triệu lượt, tăng 1,6%.

Triển vọng năm 2025 được đánh giá tích cực khi hàng loạt luật sửa đổi như Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản chính thức có hiệu lực, tạo môi trường minh bạch hơn. Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và niềm tin nhà đầu tư trở lại, thị trường bất động sản năm 2025 được kỳ vọng sẽ tăng tốc mạnh mẽ, đặc biệt trong các phân khúc nhà ở, bất động sản nghỉ dưỡng và thương mại.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024



Năm 2024, doanh thu hợp nhất của Tasco đạt 30.248 tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với cùng kỳ năm 2023, phản ánh sự mở rộng đáng kể trong quy mô hoạt động. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận 304,7 tỷ đồng tăng trưởng 441% so với năm trước. Nếu loại trừ ảnh hưởng của việc phân bổ lợi thế thương mại và giá trị đánh giá lại tài sản, lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt 663 tỷ đồng, cơ bản hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã được ĐHCĐ thường niên 2024 thông qua.

Dù thị trường còn nhiều thách thức, kết quả này cho thấy Công ty đã linh hoạt thích ứng và tận dụng hiệu quả xu hướng phục hồi của ngành ô tô trong năm qua, đồng thời đạt được các kết quả quan trọng trong các mảng kinh doanh cốt lõi.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

01.

Giao thông thông minh – thu phí không dừng

126/171

Tổng số trạm ETC trên toàn quốc

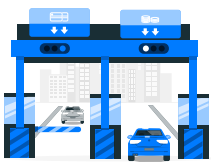
711

Lần ETC



Năm 2024, VETC đạt doanh thu 494 tỷ đồng, tăng trưởng 14% so với năm 2023. Cùng với việc tiếp tục mở rộng kết nối thêm tuyến cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hào và BOT Phú Hữu và thời gian lưu thông qua trạm được rút ngắn, lưu lượng phương tiện giao thông và giá phí qua các trạm thu phí tăng lên trong năm qua là các nguyên nhân chính giúp kết quả hoạt động thu phí không dừng tăng trưởng cao hơn kế hoạch đề ra.

VETC tiếp tục dẫn đầu thị phần thu phí không dừng, với hệ thống kết nối 126 trạm thu phí, 711 làn cao tốc trên các tuyến giao thông huyết mạch, chiếm 75% thị phần và phục vụ hơn 3,7 triệu khách hàng sở hữu xe ô tô. Cùng với đó, hưởng ứng Đề án 06 của Chính phủ, VETC tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực giao thông thông minh, đặc biệt với việc triển khai dịch vụ gửi xe không tiền mặt tại Hà Nội, Hồ Chí Minh với gần 300 bãi đỗ xe, giúp giải quyết hiệu quả tình trạng quá tải tại các điểm đỗ xe. VETC mở rộng phương thức thanh toán không tiền mặt tại gần 900 cửa hàng xăng dầu PVOIL, mang lại sự thuận tiện tối đa cho người dùng.



“

Không chỉ là bước tiến quan trọng trong phát triển giao thông thông minh, ETC còn mở ra cơ hội mở rộng sang các dịch vụ thanh toán điện tử trong hệ thống giao thông công cộng, cảng biển và các dịch vụ đô thị khác, góp phần đẩy nhanh tiến trình xây dựng đô thị thông minh tại Việt Nam. Điều này minh chứng những đóng góp quan trọng của VETC vào sự phát triển bền vững của hạ tầng giao thông Việt Nam, hướng tới một hệ thống giao thông hiện đại, minh bạch và hiệu quả hơn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

02.

Phân phối ô tô và dịch vụ ô tô

Đầu tư nhà máy CKD
168
Triệu USD

Trong năm, Tasco Auto đạt doanh số hơn 40.555 xe, chiếm 13,7% thị phần ô tô Việt Nam, tăng 0,4 điểm % so với năm trước (theo VAMA). Tổng doanh thu hợp cộng đạt 36.577 tỷ đồng, tăng trưởng 15% so với năm 2023 nhờ chiến lược bán hàng linh hoạt, tận dụng đà hồi phục của thị trường ô tô. Hệ thống showroom mở rộng lên 106 địa điểm, củng cố vị thế dẫn đầu trong phân phối ô tô.

Volvo tiếp tục tăng trưởng mạnh, với doanh thu toàn chuỗi tăng 20,3%, sản lượng bán ra tăng trưởng 35% chiếm gần 11% thị phần xe sang. Hãng ra mắt mẫu xe điện Volvo EC40, đánh dấu bước tiến trong phân khúc xe xanh. Lynk & Co có năm đầu tiên hoạt động tại Việt Nam với 06 showroom chuyên biệt và tận dụng hệ thống 106 showroom của Tasco Auto để mở rộng thị phần. Dải sản phẩm ra mắt gồm 05 mẫu xe, trong đó Lynk & Co 06 nhận giải “Xe triển vọng của năm” từ VNEPress.



“

Tổng doanh thu
hợp cộng Tasco Auto
36.577
Tỷ đồng

Những bước đi chiến lược này không chỉ giúp Tasco mở rộng hệ sinh thái ô tô mà còn tạo tiền đề phát triển ô tô thông minh, ứng dụng công nghệ kết nối và tự động hóa tại Việt Nam.



5.833
Giao dịch thành công

Đối với mảng ô tô đã qua sử dụng, sau 2 năm hoạt động, Carpla đã phát triển mạnh về hệ thống Automall, showroom, tập trung tại các thành phố lớn ở 3 miền Bắc – Trung – Nam, khẳng định uy tín và cam kết chất lượng qua các chính sách khác biệt. Kết hợp cùng với 43 showroom kinh doanh xe cũ trong hệ thống Tasco Auto, tổng số xe cũ bán ra trong năm 2024 đạt 5.833 xe. Mỗi chiếc xe tại Carpla đều trải qua quy trình kiểm định nghiêm ngặt 160 bước, đi kèm chế độ bảo hành lên tới 20.000 km hoặc 1 năm. Đặc biệt, Carpla là đơn vị tiên phong áp dụng chính sách hoàn tiền 100% trong 5 ngày nếu khách hàng có nhu cầu đổi trả, giúp gia tăng trải nghiệm và củng cố niềm tin nơi người mua.

Nhằm tối ưu vận hành và phát huy lợi thế cạnh tranh, Carpla tái cấu trúc mô hình kinh doanh với 4 mảng chính: Kinh doanh xe cũ, Thương mại điện tử (Carpla.vn), Dịch vụ sửa chữa – phụ tùng (Carpla Services), và Dịch vụ cho thuê xe, tập trung vào nhóm khách hàng B2B.

Dựa trên lợi thế chuỗi dịch vụ ô tô toàn diện của Tasco, Carpla cung cấp giải pháp khép kín từ mua bán xe, tài chính, bảo hiểm, bảo trì, nâng cấp, phụ tùng đến hậu mãi, triển khai theo mô hình Online to Offline (O2O) nhằm tối ưu trải nghiệm khách hàng và đảm bảo minh bạch trong mọi giao dịch.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

03.

Bảo hiểm – Dịch vụ tài chính – Bất động sản

BẢO HIỂM

Năm 2024 đánh dấu một bước phát triển mạnh mẽ của Bảo hiểm Tasco với hệ thống ngày càng mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Hiện tại, công ty sở hữu gần 40 chi nhánh trên toàn quốc, cùng hơn 650 showroom và gara trong hệ sinh thái Tasco Auto, giúp tối ưu hóa khả năng hỗ trợ khách hàng nhanh chóng và hiệu quả. Đặc biệt, doanh thu bảo hiểm đạt 650 tỷ đồng, vượt 670% so với năm 2023, đặc biệt doanh thu các tháng cuối năm đạt khoảng 105 đến 120 tỷ đồng/tháng, đưa Bảo hiểm Tasco vào Top 10 công ty bảo hiểm hàng đầu về xe cơ giới tại Việt Nam.



Không ngừng đổi mới, Bảo hiểm Tasco đã áp dụng công nghệ hiện đại để nâng cao trải nghiệm khách hàng, từ khâu tra cứu thông tin, tư vấn đến xử lý yêu cầu bồi thường. Công cụ tra cứu bảo hiểm trực tuyến giúp khách hàng dễ dàng kiểm tra hợp đồng bảo hiểm chỉ với vài thao tác đơn giản, tiết kiệm thời gian và nâng cao sự tiện lợi. Điều này cho phép đơn vị hỗ trợ khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Đặc biệt, việc áp dụng công nghệ hiện đại đã mang đến sự cải tiến vượt bậc trong trải nghiệm khách hàng, từ tra cứu, tư vấn đến xử lý yêu cầu và giải quyết bồi thường. Công cụ tra cứu bảo hiểm trực tuyến của Tasco giúp khách hàng dễ dàng kiểm tra thông tin chỉ với vài thao tác đơn giản, tiết kiệm thời gian tối đa. Đồng thời, Bảo hiểm Tasco cũng mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác ngân hàng, công ty bảo hiểm khác, để mở rộng phạm vi dịch vụ và hỗ trợ người dùng tốt nhất.

DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Tasco hợp tác với các đối tác cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt, hỗ trợ khách hàng mua xe và mở rộng dịch vụ thanh toán giao thông, xăng dầu theo mô hình mua trước – trả sau (Buy Now Pay Later). Năm 2024, tổng dư nợ cho vay mua xe của Tasco Finance đạt 3.500 tỷ đồng. Theo nghiên cứu, nhu cầu chi tiêu hàng năm cho xăng dầu, bảo dưỡng, phụ tùng và vận hành ô tô khoảng 80 triệu đồng/xe.

Với quy mô 3,7 triệu khách hàng VETC hiện hữu, dung lượng thị trường ước tính gần 300.000 tỷ đồng và tiếp tục tăng khi nhu cầu sở hữu ô tô mở rộng. Trong 3 năm tới, mảng tài chính sẽ có dư địa lớn để phát triển, kỳ vọng đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của công ty trong các năm tới.



BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2024, Tasco Land ghi nhận những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực bất động sản nghỉ dưỡng với tổng doanh thu đạt 419 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ các khu nghỉ đạt 410 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt hơn 223 tỷ đồng, tăng trưởng 16% so với năm 2023. Kết quả này đến từ chiến lược vận hành tối ưu, kiểm soát chi phí hiệu quả và tận dụng đà phục hồi của ngành du lịch Việt Nam.

Trong năm, Việt Nam đón hơn 17,5 triệu lượt khách quốc tế, tăng 39,5% so với năm 2023, trong khi khách nội địa đạt 110 triệu lượt, tăng 1,6%. Du khách từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ và châu Âu gia tăng, với thời gian lưu trú dài hơn, giá thuê phòng cải thiện. Các khu nghỉ dưỡng của Tasco Land nhờ đổi mới dịch vụ, tối ưu marketing và thu hút phân khúc khách hàng cao cấp, đã duy trì tỷ lệ lấp đầy ở mức cao, vượt trội so với các đối thủ cùng phân khúc. Hoạt động kiểm soát chi phí được thực hiện thường xuyên đã giúp biên lợi nhuận hoạt động của các khu nghỉ dưỡng tiếp tục cải thiện, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Dưới tác động tích cực từ sự phục hồi của thị trường bất động sản nhà ở, cùng với sự hỗ trợ từ các cơ chế, chính sách của Nhà nước khi ba bộ luật gồm Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, và Luật Nhà ở chính thức có hiệu lực từ tháng 8/2024, Tasco Land tiếp tục tập trung nguồn lực cho công tác chuẩn bị, hoàn thiện thủ tục pháp lý đối với các dự án hiện hữu, cũng như các dự án đang phát triển tại các tỉnh, thành phố lân cận Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để sớm đưa các dự án vào triển khai khi thị trường có những tín hiệu thuận lợi.



Dựa trên các tiêu chuẩn chất lượng 5 sao đã được khẳng định tại Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Villas Đà Lạt, từ chất lượng dịch vụ, cơ sở vật chất, trang thiết bị đến quản lý vận hành và trải nghiệm khách hàng, Tasco sẽ kế thừa và nhân rộng những giá trị cốt lõi (DNA) này để nâng tầm chất lượng sản phẩm, dịch vụ trên toàn hệ thống.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024



Đối với bất động sản thương mại, Tasco Mall tọa lạc tại Quận Long Biên là một trong những trung tâm thương mại (TTTM) lớn nhất Hà Nội, với quy mô 4,6 hecta, sở hữu không gian trẻ trung, hiện đại, được thiết kế hướng đến nhóm khách hàng trọng tâm là các gia đình trẻ và những người đam mê ô tô. Tasco Mall tích hợp đa dạng các dịch vụ từ siêu thị, đồ gia dụng, thời trang, giáo dục, ẩm thực đến khu vui chơi, thu hút gần 7 triệu lượt khách mỗi năm.

Với định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, Tasco Mall không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm thông qua việc tối ưu các không gian sinh hoạt chung, mở rộng thêm các mảng xanh nhằm mang lại cảm giác thân thiện, gần gũi với thiên nhiên. Đặc biệt, trung tâm sẽ đa dạng hóa các hoạt động trải nghiệm dành cho gia đình, trẻ em và giới trẻ, lồng ghép các chủ đề và thông điệp ý nghĩa, tạo nên những khoảnh khắc gắn kết và lan tỏa cảm hứng theo phong cách năng động, hiện đại.

Nơi đây còn là điểm hội tụ của các showroom ô tô hàng đầu Việt Nam trực thuộc hệ thống Tasco như: Volvo, Lynk & Co, Geely, Toyota và Carpla, đồng thời quy tụ nhiều thương hiệu nổi tiếng như Starbucks, Levi's, Big C (GO), Decathlon. Tasco Mall trở thành địa điểm được lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện lớn trong năm 2025, tiêu biểu như Volvo – Recharge to Shine, chương trình lái thử và trao giải "Xe của Năm 2025" do Otofun tổ chức, cùng các sự kiện cộng đồng của quận Long Biên.



HOẠT ĐỘNG KHÁC

Tasco hiện đang sở hữu và vận hành 5 dự án BOT trọng điểm với tổng mức đầu tư lên tới 6.180 tỷ đồng, giữ vị thế là một trong những nhà đầu tư hạ tầng giao thông lớn nhất khu vực miền Bắc. Trong năm 2024, hoạt động thu phí tại các trạm BOT ghi nhận tăng trưởng ấn tượng, với doanh thu đạt 738 tỷ đồng, hoàn thành 115% kế hoạch năm và tăng 23% so với năm 2023.

Doanh thu BOT

738

Tỷ đồng

Hoàn thành 115% kế hoạch năm
↑ 23% so với 2023

Kết quả tích cực này đến từ hai động lực chính:

- (i) Việc điều chỉnh tăng phí tại hai dự án BOT có tỷ trọng doanh thu lớn nhất là BOT Hải Phòng và BOT Quảng Bình, đã được cơ quan chức năng phê duyệt trong năm;
- (ii) Sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế kéo theo lưu lượng phương tiện qua các trạm thu phí gia tăng, đặc biệt trên các tuyến giao thông trọng yếu.

Triển vọng trong các năm tới vẫn tích cực, khi chính sách điều chỉnh giá phí theo trình cùng xu hướng hồi phục vận tải tiếp tục là động lực hỗ trợ cho doanh thu BOT của Tasco.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY



Tài sản của Tasco bao gồm các tài sản có giá trị như hạ tầng thu phí điện tử không dừng VETC, hạ tầng BOT, các trạm VETC, quỹ đất bao gồm các trung tâm thương mại, quỹ đất các khu trung tâm, bất động sản...

Tổng tài sản/nguồn vốn của Công ty năm 2024 đạt 28.987 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2023. Trong đó, tài sản ngắn hạn ghi nhận mức tăng 19%, chủ yếu do gia tăng tiền gửi ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các đơn vị thành viên. Đặc biệt, sự gia tăng tại VETC phản ánh xu hướng khách hàng nạp ví nhiều hơn để thanh toán phí.

Tình hình tài sản/nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng

Tổng tài sản
28.987
Tỷ đồng

8%
Tỷ lệ tăng trưởng
năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG NĂM 2024	
Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Giá trị	Tỷ lệ
A Tài sản ngắn hạn	12.304	10.300	2.004	19%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.876	1.702	1.174	69%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	568	358	209	58%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.494	5.575	(81)	-1%
IV. Hàng tồn kho	3.177	2.487	690	28%
V. Tài sản ngắn hạn khác	189	178	12	7%
B Tài sản dài hạn	16.683	16.449	234	1%
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.274	680	594	87%
II. Tài sản cố định	7.096	7.178	(82)	-1%
III. Bất động sản đầu tư	1.391	1.342	49	4%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	2.279	2.420	(140)	-6%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	999	1.076	(77)	-7%
VI. Tài sản dài hạn khác	3.645	3.753	(109)	-3%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	28.987	26.749	2.238	8%
C Nợ phải trả	17.436	15.436	2.001	13%
I. Nợ ngắn hạn	8.876	8.203	673	8%
II. Nợ dài hạn	8.561	7.233	1.328	18%
D Vốn chủ sở hữu	11.551	11.313	238	2%
I. Vốn chủ sở hữu	11.551	11.313	238	2%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	28.987	26.749	2.238	8%

Tình hình tài chính của Công ty

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
Tổng giá trị tài sản/Tổng nguồn vốn	28.987	26.749
Tài sản ngắn hạn	12.304	10.300
Tài sản dài hạn	16.683	16.449
Nợ phải trả	17.436	15.436
Doanh thu thuần	30.229	10.982
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	295	67
Lợi nhuận khác	130	(11)
Lợi nhuận trước thuế	426	56
Lợi nhuận sau thuế	305	56

ĐVT: Lần

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,39	1,26
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,03	0,95
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,60	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,51	1,36
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	9,72	7,70
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,04	0,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	1,01%	0,51%
Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH bình quân	2,67%	0,74%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	1,05%	0,21%
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	0,98%	0,61%

Tình hình tài chính của công ty ghi nhận nhiều điểm sáng với sự cải thiện đáng kể ở các chỉ số quan trọng. Hệ số khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán ngắn hạn đều vượt trội so với năm 2023, với hệ số thanh toán nhanh năm 2024 đạt mức an toàn (>=1). Vòng quay hàng tồn kho tăng 26% so với năm trước, cho thấy hiệu quả quản lý hàng tồn kho tốt hơn, từ đó cải thiện dòng tiền và quản lý tài chính. Công ty cũng ghi nhận sự cải thiện tích cực ở các chỉ tiêu sinh lời so với năm 2023. Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân tăng gấp 3,6 lần, từ 0,74% lên 2,67%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu được cải thiện mạnh. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản tăng gấp 5 lần, từ 0,21% lên 1,05%, phản ánh việc sử dụng tài sản hiệu quả hơn trong việc tạo ra lợi nhuận. Bên cạnh đó, Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần tăng gấp hơn 2 lần từ 0,51% lên 1,01%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần cũng tiếp tục gia tăng, cho thấy hiệu quả sinh lời từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ



Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh thông qua một số chính sách và giải pháp đổi mới như sau:

Công tác phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng, với việc áp dụng Bộ tiêu chí mới về đánh giá năng lực định kỳ hàng năm đối với toàn thể cán bộ nhân viên. Từ đó, xây dựng các kế hoạch và chương trình đào tạo phù hợp nhằm phát triển đội ngũ nhân sự chất lượng cao và chuẩn bị lực lượng kế cận.

Hệ thống OKR (Mục tiêu – Kết quả chính) được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống, từ các đơn vị thành viên, khối phòng ban đến từng cá nhân. Việc này góp phần thúc đẩy chuyển đổi mạnh mẽ văn hóa làm việc theo hướng lấy kết quả và tốc độ làm trọng tâm, phù hợp với định hướng phát triển của Tasco.

Hoạt động chuyển đổi số được tăng cường bằng việc áp dụng phần mềm quản lý tự động, giúp tối ưu quy trình và giảm sai sót. Trí tuệ nhân tạo (AI) được ứng dụng trong phân tích dữ liệu, dự đoán xu hướng kinh doanh, hỗ trợ ra quyết định hiệu quả hơn và nâng cao hiệu suất công việc.

Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được vinh danh “Top 10 doanh nghiệp niêm yết thực hiện quản trị công ty tốt nhất trong năm 2023 – 2024” do HNX bình chọn. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh hoạt động Quan hệ cổ đông, thường xuyên tổ chức



các buổi gặp gỡ, trao đổi với nhà đầu tư, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và chuyên gia phân tích và tham gia các sự kiện đầu tư quốc tế lớn như Invest Asean 2024 và Goldman Sachs, nhằm tăng cường tính minh bạch và kết nối thị trường.

Hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường thông qua việc xây dựng hệ thống quy định, quy trình kiểm soát chặt chẽ các hoạt động và giao dịch trong Công ty. Quy chế phân quyền được thiết lập rõ ràng, minh bạch, đảm bảo có cơ chế kiểm tra, giám sát chéo giữa các bộ phận, phòng ban và đơn vị. Công ty cũng định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động nghiệp vụ nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, đồng thời ngăn ngừa, kiểm soát xung đột lợi ích phát sinh.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2025



“ ”

Trong bối cảnh 2025 dự báo tiếp tục còn nhiều thách thức, Tasco đã xây dựng Kế hoạch kinh doanh bám sát tình hình thực tế, đảm bảo theo hướng linh hoạt, thực tiễn, đảm bảo tăng trưởng bền vững, tối ưu hiệu suất và thích ứng nhanh với thị trường.



Tasco bước vào năm 2025

với tinh thần chủ động, sẵn sàng đón nhận thách thức, phát huy lợi thế, khai thác cơ hội để bứt phá và phát triển bền vững.

Lợi nhuận hợp nhất
trước thuế

571
TỶ ĐỒNG

Doanh thu hợp nhất

39.878
TỶ ĐỒNG



04.

CHƯƠNG

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 66 Tổng quan về quản trị tại Tasco
- 70 Quản trị rủi ro
- 74 Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 84 Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- 87 Hoạt động quan hệ cổ đông năm 2024

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TẠI TASCO

Mô hình quản trị

Xem mục **Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị** tại Chương I Báo cáo thường niên Tasco 2024.

Nguyên tắc quản trị

Tại Tasco, Quản trị Công ty được xác định là một trong những yếu tố then chốt để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn.

Để tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Tasco không chỉ quan tâm đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong ngắn hạn, mà đã từng bước tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp và tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn.

Công ty cam kết thực hành quản trị Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Công ty đang tham chiếu, hoàn thiện, áp dụng theo các thông lệ quản trị tốt như Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho Công ty đại chúng Việt Nam, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, tích hợp các tiêu chuẩn về phát triển bền vững (ESG) vào hoạt động của doanh nghiệp... nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp trên nguyên tắc trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.

Xây dựng Quy tắc ứng xử và Đạo đức kinh doanh

Chính sách chống tham nhũng, chống hối lộ

Vận hành hệ thống quản trị kế hoạch - mục tiêu theo OKR

Chính sách minh bạch thông tin

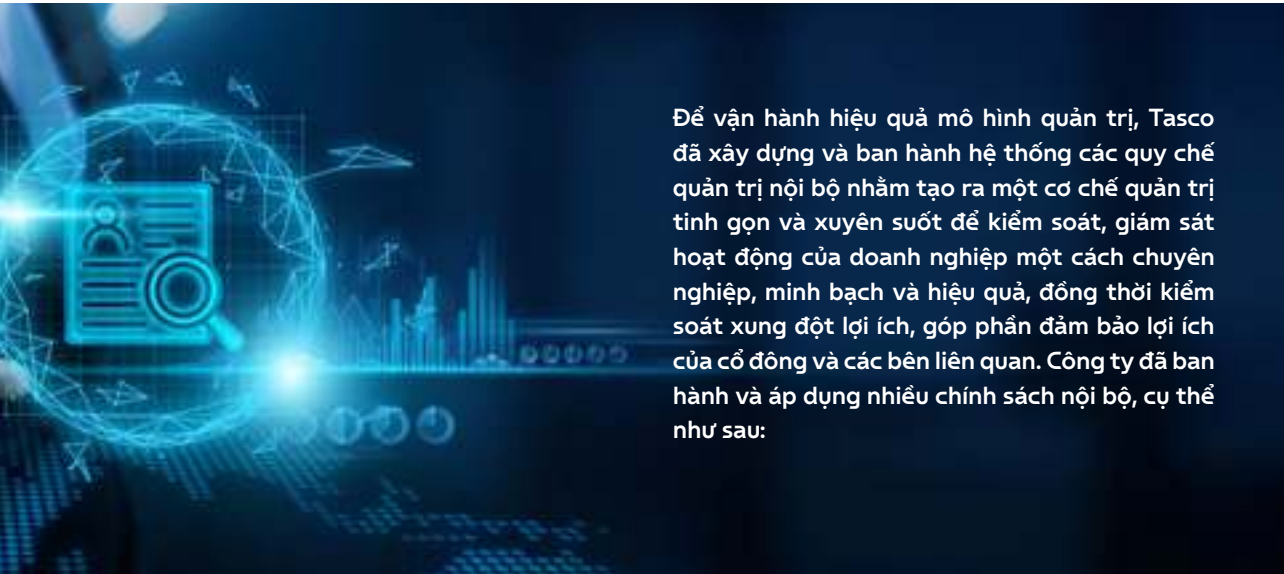
Hệ thống kiểm soát nội bộ và chính sách kiểm soát giao dịch nội bộ

Về kiểm soát giao dịch với bên liên quan

VẬN HÀNH MÔ HÌNH QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ
THÔNG QUA HỆ THỐNG QUY CHẾ
QUẢN TRỊ NỘI BỘ

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ TẠI TASCO

Xây dựng Quy chế quản trị nội bộ



01. XÂY DỰNG QUY TẮC ỨNG XỬ VÀ ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

- Quy tắc về ứng xử và Đạo đức kinh doanh được Tasco triển khai theo Quyết định ban hành ngày 20/9/2022, theo đó nêu rõ:
- Chính sách về Đạo đức kinh doanh của Tasco nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành một cách trung thực và có trách nhiệm. Do đó, toàn hệ thống cam kết không chấp nhận các hành vi gian lận và vi phạm các quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào. Đồng thời, Tasco luôn nỗ lực hành động một cách chuyên nghiệp, công bằng, liêm chính và có đạo đức trong các giao dịch và mối quan hệ kinh doanh.
 - Công ty luôn luôn tôn trọng tính trung thực, liêm chính và minh bạch trong kinh doanh. Yêu cầu nhân viên thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cao nhất và mong đợi điều tương tự từ các đối tác kinh doanh với Công ty.

02. CHÍNH SÁCH CHỐNG THAM NHŨNG, CHỐNG HỐI LỘ

- Tasco luôn ủng hộ và vận dụng các chính sách chống tham nhũng, hối lộ do nhà nước ban hành cũng như nỗ lực áp dụng dưới mọi hình thức nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong sạch hơn.
- Tasco quy định về việc không đưa hoặc nhận hối lộ dưới mọi hình thức.

03. VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN TRỊ KẾ HOẠCH – MỤC TIÊU THEO OKR

Áp dụng và duy trì Hệ thống báo cáo theo OKR (Mục tiêu – Kết quả chính) trong toàn hệ thống, gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty – các Khối – các Phòng và từng cán bộ nhân viên Công ty, từ đó giúp quản trị, giám sát và đảm bảo được các thành viên trong Công ty đang bám sát định hướng chung, ưu tiên thực hiện những mục tiêu trọng điểm của Công ty.

04. CHÍNH SÁCH MINH BẠCH THÔNG TIN

Hoạt động công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của pháp luật và các quy định, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước. Bên cạnh đó, đẩy mạnh và chú trọng công tác Quan hệ cổ đông, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, các nhà môi giới, chuyên gia phân tích của các công ty chứng khoán.

05. HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ CHÍNH SÁCH KIỂM SOÁT GIAO DỊCH NỘI BỘ

- Tasco triển khai kiểm soát các hoạt động, quy trình nghiệp vụ thông qua chức năng kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, kiểm soát xung đột lợi ích, phát hiện và xử lý các vi phạm tạo môi trường kinh doanh trong sạch, minh bạch.
- Kiểm soát nội bộ được Tasco thực hiện theo các hình thức sau: Xây dựng hệ thống quy định, quy trình nhằm kiểm soát toàn bộ các hoạt động, giao dịch của Công ty, đảm bảo sự phân quyền rõ ràng, minh bạch và có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận/phòng ban/đơn vị để đảm bảo tính minh bạch.
- Xây dựng Điều lệ Kiểm soát nội bộ áp dụng trên toàn hệ thống với sứ mệnh tăng cường và bảo vệ các giá trị của tổ chức bằng việc thực hiện các hoạt động kiểm toán và tư vấn kiểm soát theo định hướng rủi ro và khách quan. Giúp Công ty đạt được các mục tiêu bằng cách áp dụng cách tiếp cận có hệ thống, có nguyên tắc để đánh giá và cải thiện sự hiệu quả của các quy trình quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Xây dựng Quy trình Kiểm toán nội bộ nhằm đưa ra các nội dung công việc thực hiện hoạt động Kiểm toán nội bộ tại các bộ phận/Đơn vị thành viên trong Công ty, giúp các Kiểm soát viên có thể thực hiện chính xác và hiệu quả nội dung công việc của mình một cách thống nhất, có hệ thống và có nguyên tắc.
- Quy định trách nhiệm, sự phối hợp của các Khối/phòng/ban liên quan đảm bảo kiểm soát vấn đề chi phí và sử dụng chi phí, tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm soát chi phí nội bộ và nâng cao tính minh bạch.

06. VỀ KIỂM SOÁT GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

HĐQT quy định chính sách khung hạn mức giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan để đảm bảo, kiểm soát hạn mức giao dịch theo đúng quy định.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Nguyên tắc

Tasco xác định quản trị rủi ro là hoạt động song hành và đóng vai trò quan trọng với hoạt động của Công ty. Rủi ro luôn đi kèm với cơ hội do đó Quản trị rủi ro không chỉ tập trung vào giảm thiểu rủi ro thiệt hại mà còn dựa trên các cơ sở phân tích, đánh giá và dự đoán các rủi ro trong tương lai để đưa ra các quyết định, chiến lược phát triển phù hợp.

Quản trị rủi ro tại Tasco được thực hiện dựa trên các nguyên tắc sau:

1

Quản trị rủi ro được thực hiện một cách toàn diện trên tất cả các hoạt động sản kinh doanh, đồng thời xác định rõ vai trò, trách nhiệm của tất cả các đơn vị thành viên, bộ phận/phòng ban và các thành viên đối với chiến lược quản trị rủi ro của Tasco.

2

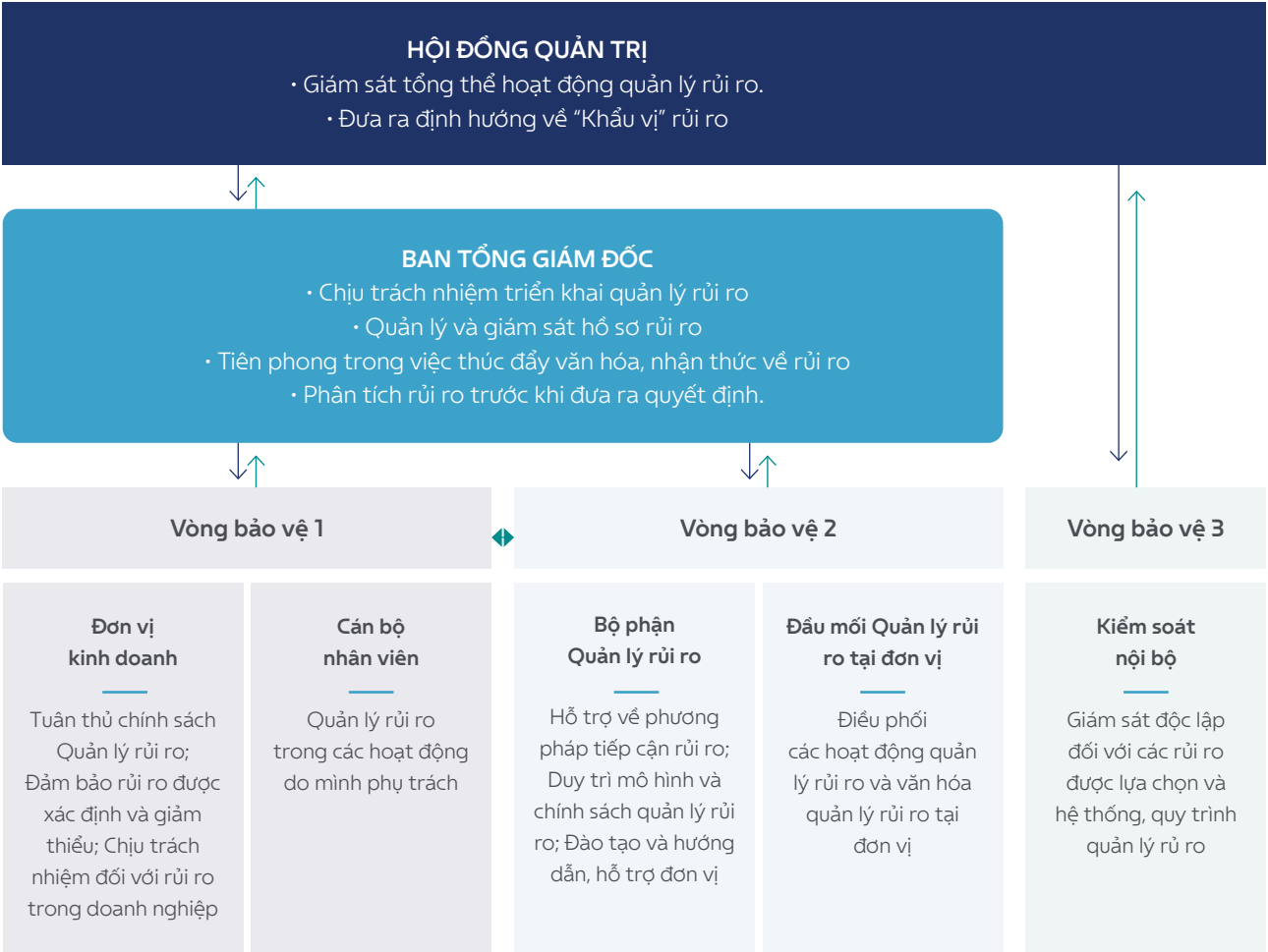
Các rủi ro sẽ được nhận diện, đánh giá và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên dựa trên mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra.

3

Thực hiện truyền thông nội bộ về chiến lược quản trị rủi ro đến tất cả nhân sự từ quản lý cấp cao đến các thành viên thuộc Tasco. Đảm bảo tất cả các thành viên đều hiểu và nhận thức chính xác về chiến lược quản trị rủi ro.



Cấu trúc quản trị rủi ro



Quy trình quản lý rủi ro



QUẢN TRỊ RỦI RO

CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Xu hướng:

↔ Trung bình

↗ Cao

Trong quá trình hoạt động, Tasco luôn chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh, để nắm bắt các yếu tố rủi ro và cơ hội có khả năng ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Tasco để có biện pháp quản trị phù hợp. Các rủi ro được nhận diện, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành và Hội đồng quản trị, đảm bảo việc kiểm soát hiệu quả những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh và danh tiếng của Công ty.

01. RỦI RO CHIẾN LƯỢC

- ↔

Loại rủi ro: Rủi ro phát triển bền vững
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh từ các yếu tố, tác động đến sự phát triển bền vững của Công ty.
Biện pháp:

 - Chiến lược phát triển kinh doanh luôn ưu tiên các mục tiêu phát triển bền vững.
 - Theo dõi các chỉ số tài chính, phi tài chính.
- ↗

Loại rủi ro: Rủi ro vĩ mô, nhu cầu sụt giảm
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do nhu cầu tiêu dùng của thị trường giảm sút, dẫn đến giảm doanh số và lợi nhuận của Công ty.
Biện pháp:

 - Lập kế hoạch mục tiêu tổng thể cho từng giai đoạn.
 - Cụ thể hóa mục tiêu đến từng đơn vị thành viên, bộ phận, phòng ban.
 - Thực hiện chiến lược tinh gọn.
 - Ưu tiên thực hiện phát triển theo chiều sâu đối với các hoạt động cốt lõi, thế mạnh của Công ty.
- ↔

Loại rủi ro: Rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do gián đoạn, không đảm bảo nguồn cung ứng cho hoạt động kinh doanh.
Biện pháp:

 - Lập kế hoạch cụ thể đối với nhu cầu về vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
 - Thường xuyên theo dõi và bám sát biến động của thị trường để kịp thời điều chỉnh.
 - Chủ động trao đổi, đàm phán với các nhà cung cấp để đa dạng nguồn cung ứng.
- ↗

Loại rủi ro: Rủi ro danh tiếng
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do các thông tin, tin tức tiêu cực gây bất lợi, ảnh hưởng đến danh tiếng, thương hiệu của Công ty.
Biện pháp:

 - Xây dựng quy chế và quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông.
 - Giám sát, theo dõi các tin tức, bài viết từ cơ quan báo chí, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, người lao động..
 - Tổ chức, đào tạo, truyền thông đến các Cán bộ Lãnh đạo trong Tập đoàn về xử lý khủng hoảng truyền thông.

02. RỦI RO TÀI CHÍNH

- ↔

Loại rủi ro: Rủi ro mất cân đối dòng tiền
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do khả năng tính toán, dự báo dòng tiền không chính xác gây mất cân đối về dòng tiền, gây áp lực về khả năng thanh toán.
Biện pháp:

 - Lập kế hoạch dòng tiền, kế hoạch ngân sách cụ thể cho từng bộ phận, từng hoạt động và từng khoảng thời gian (tuần, tháng, năm).
 - Theo dõi và bám sát dòng tiền thực tế phát sinh để có cập nhật lại kế hoạch dòng tiền cho phù hợp.
 - Lập kế hoạch huy động vốn bám sát nhu cầu, đảm bảo thanh khoản.

03. RỦI RO TUÂN THỦ

- ↔

Loại rủi ro: Rủi ro không tuân thủ Quy định, quy trình
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do cán bộ, nhân viên không thực hiện đúng theo các quy định, quy trình của Công ty, dẫn đến thiệt hại hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty (chất lượng sản phẩm, dịch vụ, ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng).
Biện pháp:

 - Cập nhật và sửa đổi hệ thống quy trình phù hợp với tình hình thực tế.
 - Tổ chức đào tạo, truyền thông đến toàn bộ cán bộ công nhân viên về các giá trị văn hóa, đạo đức trong doanh nghiệp.
 - Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ về tính tuân thủ.
- ↔

Loại rủi ro: Rủi ro không tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước có liên quan
Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do vi phạm hoặc nắm bắt không đầy đủ, không kịp thời các quy định của Nhà nước liên quan đến các hoạt động kinh doanh.
Biện pháp:

 - Cập nhật và đào tạo thường xuyên về các chính sách, văn bản của Nhà nước có liên quan đến hoạt động kinh doanh: Văn bản, chính sách thuế, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán...
 - Bộ phận pháp chế kiểm soát vấn đề pháp lý có liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty.

04. RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

- ↔

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do tác động hai chiều của biến đổi khí hậu đến hoạt động của công ty hoặc tác động của công ty đối với môi trường xã hội.
Biện pháp:

Rủi ro về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty là không cao. Tuy nhiên, Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường bằng các giải pháp cụ thể như:

 - Thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện các dự án;
 - Xây dựng các định mức chi phí để tiết kiệm việc tiêu thụ năng lượng trong văn phòng...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2024



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	2.000.000	
3	Ông Nguyễn Danh Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0
4	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	10.000	
5	Ông Trần Đức Huy	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập HĐQT)	0	0
6	Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT	0	0
7	Ông Đinh Đức Tùng	Thành viên HĐQT	0	0
8	Ông Bùi Quang Bách	Thành viên độc lập HĐQT	0	0
9	Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên độc lập HĐQT	0	0

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị (HĐQT) bao gồm 09 THÀNH VIÊN trong đó có 03 thành viên độc lập, các thành viên HĐQT được ĐHCĐ bầu và hoạt động theo nhiệm kỳ 2022 - 2027.

HĐQT luôn đảm bảo các quy định về số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty từng thời kỳ. Hoạt động của HĐQT được duy trì theo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng.

HĐQT Công ty đã duy trì và tổ chức nhiều cuộc họp định kỳ, bất thường qua nhiều phương thức khác nhau theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để kịp thời đưa ra các quyết định/nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Công ty. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Trong năm 2024, HĐQT luôn bám sát diễn biến thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, linh hoạt chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc để đưa Công ty vượt qua thách thức và đạt được kết quả khả quan, cụ thể như sau:

01.

Về công tác hoạch định chiến lược, hoạt động đầu tư

Năm 2024, HĐQT đã phát huy vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh với trọng tâm đẩy mạnh các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, khai thác thế mạnh của toàn hệ thống.

Bám sát các nội dung đã thông qua của ĐHCĐ thường niên 2024, HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm làm định hướng cho Ban TGD triển khai.

02.

Về công tác quản trị

Nâng cao chất lượng quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế, trong năm 2024, HĐQT đã nâng cao năng lực, cải thiện hoạt động quản trị về chất và lượng, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, 100% thành viên tham gia 14 cuộc họp HĐQT trong năm, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số.
- HĐQT giám sát việc thực hiện của Ban TGD đối với các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHCĐ.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

03.

Về công tác chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo tuân thủ và phù hợp các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã ban hành trong năm 2024. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát các nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra trong năm 2024.
- Giám sát đảm bảo hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính bán niên và năm 2024 đã kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2024, Báo cáo tài chính Quý 1, Quý 2, Quý 3 và Quý 4 năm 2024.
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 vào ngày 31/05/2024 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty để thông qua các Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS năm 2023; thông qua các phương án phân phối lợi nhuận 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024...
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 10 – tháng 11 năm 2024 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty để thông qua việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng.
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định pháp luật;
- Đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2024;
- Đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.

04.

Kết quả giám sát

Năm 2024, mặc dù hoạt động kinh doanh đối mặt với nhiều thách thức từ vĩ mô, Ban Tổng Giám đốc và ban lãnh đạo Tasco đã linh hoạt trong quản trị điều hành, tận dụng các cơ hội thị trường, giúp công ty hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng.

Về kết quả kinh doanh: Tasco ghi nhận doanh thu hợp nhất 30.248 tỷ đồng, gấp 2,8 lần so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 304,7 tỷ đồng, tăng 441%. Nếu loại trừ ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại, lợi nhuận đạt 663 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tasco cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng trong các mảng kinh doanh cốt lõi như dịch vụ ô tô, thu phí không dừng, bảo

hiểm, tài chính, bất động sản, cung cấp chuỗi dịch vụ toàn diện cho ô tô và khách hàng sử dụng ô tô.

Công ty cũng đạt được các thỏa thuận hợp tác chiến lược với các đối tác hàng đầu quốc tế, cụ thể như: Mitsui, một trong những tập đoàn đầu tư hàng đầu Nhật Bản, chính thức trở thành cổ đông chiến lược của Tasco Auto vào tháng 8/2024, hỗ trợ nâng cao quản trị và vận hành. Tasco cũng ký thỏa thuận hợp tác với Geely Auto Group – Top

05.

Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024

- Công ty đã và đang triển khai các thủ tục tại UBCKNN và các cơ quan nhà nước có liên quan để thực hiện Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2024 theo Nghị quyết 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ, Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 16/12/2024 Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán và các Nghị quyết HĐQT có liên quan.
- Với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 (theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) thông qua việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng: do tình hình thị trường không thuận lợi nên HĐQT chưa tiếp tục triển khai theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và sẽ báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2025 tới.
- Bên cạnh đó, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2024: lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, chi trả thù lao HĐQT, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty; Báo cáo UBCKNN về nội dung một số cổ đông sở hữu cổ phần hoán đổi mong muốn chuyển nhượng cổ phần hoán đổi cho nhà đầu tư đã được ĐHĐCĐ thường niên 2024 lựa chọn...

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong năm 2024,
HĐQT tiến hành
14
cuộc họp và ban hành
19
Nghị quyết

Chủ yếu về các vấn đề sau đây:

- Hoạt động đầu tư, kinh doanh theo định hướng chiến lược: Ban hành các Nghị quyết, quyết định thông qua việc tái cấu trúc, tăng vốn, thoái vốn tại một số công ty con để thuận lợi hoạt động, Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng; Các cam kết của Công ty; Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán, Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm năm 2024....
- Hệ thống quản trị: Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị năm 2024; công bố thông tin đầy đủ khi giao dịch với người có liên quan; Lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của năm tài chính 2024; giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bằng cho các Cổ đông.
- Quan hệ cổ đông: Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2024 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên. Từng thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.

Về Báo cáo các giao dịch có liên quan của Công ty

Ngày 17/01/2024, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch với Người có liên quan của Công ty. Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, trong năm 2024, Công ty đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con thông qua hoạt động đầu tư, cung

cấp/sử dụng dịch vụ, mua bán hàng hóa của Công ty và các Công ty con theo quy định; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp. Thông tin về các giao dịch cụ thể đã được Công ty báo cáo chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Năm 2024, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty có 03/09 thành viên đáp ứng các tiêu chí là Thành viên độc lập HĐQT. Các Thành viên độc lập HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên độc lập HĐQT của Công ty đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn và đáp ứng

đúng các tiêu chí theo quy định. Bên cạnh đó, Các thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ, tích cực vào hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm, góp phần đảm bảo việc ra quyết định được khách quan, độc lập.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2024, thành viên độc lập HĐQT nhận định chung như sau:

Về cơ cấu tổ chức và các cuộc họp HĐQT

- Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực;
- HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp theo đúng nguyên tắc, quy định về trình tự thủ tục triệu tập và ra quyết định;
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý...đều được thảo luận, kiểm soát chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD.

Về công tác quản trị và giám sát

- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- Thành viên HĐQT giữ chức danh trong Ban TGD thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban TGD. HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban TGD thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025



Trên cơ sở đánh giá những mặt thách thức và thuận lợi của thị trường, Hội đồng quản trị hoạch định chiến lược kinh doanh năm 2025 trên cơ sở thận trọng, đồng thời đề ra phương hướng hoạt động nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và linh hoạt thích ứng với những thay đổi của thị trường.

Theo đó, Hội đồng quản trị Tasco sẽ chỉ đạo bám sát các mục tiêu chiến lược để hiện thực hóa tầm nhìn “trở thành lựa chọn số 1 về dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh tại Việt Nam” thông qua:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình kinh doanh tích hợp theo chiều dọc, hướng tới phục vụ khách hàng trọn vòng đời sử dụng dịch vụ ô tô; phát triển lên thượng nguồn và tham gia chuỗi giá trị cao hơn của ngành công nghiệp ô tô.
- Tối ưu hóa công nghệ trong chuỗi dịch vụ ô tô, thiết kế hạ tầng data cho toàn hệ thống, phát triển giải pháp thông minh và đột phá, đẩy mạnh biên độ của tiến bộ công nghệ, từ việc nghiên cứu đến triển khai. Qua đó, mang lại những sản phẩm và dịch vụ với hiệu suất tối đa, gia tăng giá trị khách hàng và đảm bảo lợi ích cổ đông.
- Tăng cường kiểm soát rủi ro, dự báo thị trường để điều chỉnh kịp thời định hướng chiến lược kinh doanh.
- Quản trị công ty theo tiêu chuẩn quốc tế, để gia tăng hiệu quả mỗi Công ty thành viên và sự phát triển bền vững của hệ thống.
- Phát triển đội ngũ nhân sự tinh nhuệ, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân sự lãnh đạo kế cận, tổ chức tinh gọn chuyên nghiệp và linh hoạt.
- Mở rộng hợp tác với đối tác toàn cầu, tìm kiếm thêm những giải pháp tối ưu nhằm cải thiện lợi nhuận và đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Đào tạo về quản trị Công ty

“

Trong năm 2024, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo về quản trị công ty trong và ngoài nước.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo của Ban Kiểm soát

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Bà Trần Thị Linh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng BKS	02/02	100%	100%
2	Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên BKS	02/02	100%	100%
3	Bà Trần Thị Linh	Thành viên BKS	01/02	100%	100%

Năm 2024, BKS đã hoàn thành việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ở nhiều hoạt động, bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai và ghi nhận Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thực hiện đúng kế hoạch đề ra trong Nghị quyết.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2024 và Báo cáo tài chính năm kiểm toán: Thông qua hoạt động của Phòng Kế toán, Bộ phận kiểm toán nội bộ, trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong các đợt soát xét năm 2024 để kịp thời cập nhật, đánh giá kết quả kiểm toán trước khi Công ty phát hành báo cáo ra công chúng.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.
- BKS đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2024

- Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, trên cơ sở kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT xem xét thực hiện. Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số VIII (mục Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt) trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 (đã được kiểm toán) tại Chương VI Báo cáo thường niên Tasco 2024.

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo
Danh sách cổ đông tại
ngày chốt 21/10/2024
do Tổng Công ty lưu ký
và bù trừ chứng khoán
Việt Nam cung cấp.



Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	180.890.000	20,27%
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	711.621.965	79,73%

Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	32.561.134	3,65%
2	Cổ đông là cá nhân	859.950.831	96,35%

Phân loại cổ đông trong nước và nước ngoài

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	878.112.674	98,39%
2	Cổ đông nước ngoài	14.399.291	1,61%
	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	50%	

Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông khác	892.511.965	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời gian	Lý do tăng vốn	Giá trị phát hành (đồng)	Tổng vốn sau phát hành (đồng)
6/2000	Thời điểm cổ phần hóa		7.000.000.000
4/2003	Phát hành cổ phiếu thường từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu	3.000.000.000	10.000.000.000
4/2003	- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. - Phát hành cổ phiếu thường từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu.	6.000.000.000	16.000.000.000
8/2007	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu; - Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; - Phát hành cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP. HCM; - Phát hành cho đối tác chiến lược; - Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các công ty con.	39.000.000.000	55.000.000.000
12/2009	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Phát hành cho cổ đông chiến lược - Phát hành cho CBCNV Công ty và các công ty con	80.000.000.000	135.000.000.000
3/2010	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu	214.976.000.000	349.976.000.000
21/05/2013	Tăng vốn chủ sở hữu do trả cổ tức năm 2011 + 2012 bằng cổ phiếu	69.994.710.000	419.970.710.000
07/06/2013	Chuyển đổi trái phiếu HUT – CB2012 thành cổ phiếu	226.504.200.000	646.474.910.000
07/04/2014	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	200.000.000.000	846.474.910.000
30/12/2014	Chuyển đổi trái phiếu HUT- CB2013 thành cổ phiếu	100.000.000.000	946.474.910.000
10/04/2015	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược	200.000.000.000	1.146.474.910.000
10/06/2015	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm cho cổ đông hiện hữu	137.572.420.000	1.284.047.330.000
01/06/2016	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu ra công chúng	400.126.830.000	1.684.174.160.000
25/09/2016	Giá trị chuyển đổi trái phiếu HUTCB2015 thành cổ phiếu	79.120.000.000	1.763.294.160.000
20/06/2017	Cổ tức năm 2016 trả bằng cổ phiếu (7%) cho cổ đông	141.054.970.000	1.904.349.130.000
03/08/2017	Tăng vốn do phát hành tăng 50.000.000 cổ phiếu – Winstar góp	500.000.000.000	2.404.349.130.000
25/09/2017	Giá trị chuyển đổi trái phiếu HUTCB2015 thành cổ phiếu (lần 2)	106.240.000.000	2.510.589.130.000
07/12/2018	Cổ tức năm 2017 trả bằng cổ phiếu (7%) cho cổ đông	175.730.520.000	2.686.319.650.000
17/12/2021	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	800.000.000.000	3.486.319.650.000
15/09/2023	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	5.438.800.000.000	8.925.119.650.000

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không

CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH TẠI THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI: Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty/ Mối quan hệ đối với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại
1	Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.000.000	0,224%
2	Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,001%
3	Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc	30.000	0,003%
4	Vũ Khánh Din	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin	100	0,000%
5	Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,001%



Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Nguyễn Quỳnh Phương	Người có liên quan của ông Nguyễn Danh Hiếu	59.000	0,0066%	0	0%	Bán



Hoạt động quan hệ cổ đông năm 2024

Trong năm 2024, Phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IR) của Tasco đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động trọng tâm với mục tiêu nâng cao tính minh bạch và chủ động trong đối thoại.

Một trong những ưu tiên hàng đầu là nâng cao chất lượng công bố thông tin ra thị trường. Tasco không chỉ tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin định kỳ và bất thường, mà còn chủ động chia sẻ những định hướng chiến lược quan trọng của công ty. Các tài liệu như báo cáo tài chính, bản tin nhà đầu tư và thông tin cập nhật được đăng tải công khai tại chuyên mục **“Quan hệ Cổ đông”** trên website chính thức: www.tasco.com.vn, đảm bảo mọi cổ đông – cá nhân hay tổ chức, trong nước hoặc quốc tế – đều được tiếp cận thông tin một cách minh bạch và công bằng.

Bên cạnh đó, Tasco chủ động tổ chức các buổi gặp gỡ nhà đầu tư dưới cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đây là cơ hội để công ty không chỉ truyền tải thông tin một cách đầy đủ và kịp thời mà còn lắng nghe ý kiến, giải đáp thắc mắc và tiếp nhận phản hồi từ cộng đồng đầu tư – qua đó củng cố lòng tin và sự đồng hành lâu dài.

Năm qua, Tasco cũng đã tham dự nhiều sự kiện đầu tư uy tín trong khu vực như ASEAN Corporate Day 2024 do Maybank tổ chức và Vietnam Corporate Day 2024 đồng tổ chức bởi Goldman Sachs và SSI. Thông qua các diễn đàn này, Tasco có cơ hội trực tiếp chia sẻ tầm nhìn dài hạn, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh với các quỹ đầu tư lớn trong và ngoài nước, qua đó mở rộng mạng lưới kết nối và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp trên thị trường vốn.

Trong vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp và cộng đồng tài chính, Phòng IR của Tasco tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ bền vững, dựa trên nền tảng minh bạch, tin cậy và đồng hành cùng cổ đông, nhà đầu tư, tổ chức tài chính và công ty chứng khoán.

Kế hoạch năm 2025, Tasco đặt mục tiêu tiếp tục tham gia các sự kiện đầu tư lớn do các định chế tài chính hàng đầu tổ chức, đồng thời nâng cao chất lượng thông tin công bố, đảm bảo phản hồi nhanh chóng trước mọi yêu cầu từ nhà đầu tư và giới phân tích.

Mọi yêu cầu vui lòng liên hệ Phòng IR Tasco qua email: ir@tasco.com.vn



05.

CHƯƠNG

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

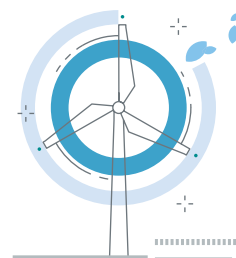
- 90 Tổng quan về phát triển bền vững
- 94 Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường của Tasco
- 98 Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2024

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TASCO

Định hướng chiến lược phát triển bền vững

Tasco theo đuổi sứ mệnh xây dựng một chuỗi dịch vụ toàn diện, hướng đến việc giải quyết các thách thức xã hội và hiện thực hóa tầm nhìn “Trở thành lựa chọn số 1 về dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh tại Việt Nam”. Chúng tôi đặt trọng tâm vào tăng trưởng kinh tế song hành cùng bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp tinh gọn, hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

Trên cơ sở đó, hoạt động phát triển bền vững của Tasco tập trung vào các định hướng sau:



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm số hóa các hoạt động để giảm thiểu tác động đến môi trường;

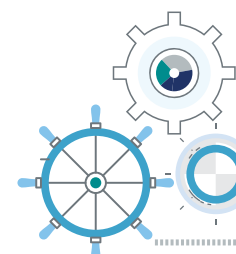
Xanh hóa hoạt động kinh doanh thông qua nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động kinh doanh.



THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Thực hiện trách nhiệm xây dựng cộng đồng bền vững thông qua việc kiến tạo chuỗi dịch vụ toàn diện từ hạ tầng giao thông thông minh, dịch vụ ô tô, tài chính, bảo hiểm, nghỉ dưỡng tái tạo sức lao động và đầu tư cho tương lai vì sự an toàn và sức khỏe con người, lấy con người làm trung tâm, từ đó góp phần bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng bền vững

Tích cực triển khai các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.



QUẢN TRỊ TINH GỌN, HIỆU QUẢ

Áp dụng các mô hình tổ chức quản trị hiện đại, linh hoạt; tối ưu hóa bộ máy quản trị và nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực mũi nhọn và có ưu thế

Tích hợp các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường trong hoạt động kinh doanh, đánh giá chuỗi giá trị và quản trị rủi ro hoạt động.

TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TASCO

Kế hoạch hành động

Tại Tasco, Hội đồng Quản trị giữ vai trò then chốt trong việc định hướng chiến lược, giám sát và bảo đảm rằng phát triển bền vững không chỉ dừng ở cam kết, mà được triển khai thành hành động xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Dưới sự giám sát trực tiếp của thành viên HĐQT độc lập phụ trách phát triển bền vững, Tasco tích hợp các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc vào chiến lược và vận hành, nhằm thúc đẩy tăng trưởng có trách nhiệm và đồng hành cùng cộng đồng trong hành trình kiến tạo một tương lai xanh, công bằng và thịnh vượng.

LỘ TRÌNH HƯỚNG ĐẾN

NET ZERO

2030

Mục tiêu cắt giảm

20%

lượng phát thải
khí nhà kính
vào năm 2030

2050

Mục tiêu phát thải ròng bằng

0%

Net zero
vào năm 2050

HÃY BẮT ĐẦU TỪ NHỮNG HÀNH ĐỘNG NHỎ
ĐỂ TẠO NÊN NHỮNG

THAY ĐỔI LỚN

HÀNH ĐỘNG



GIẢI PHÁP

Tiết giảm khí thải CO₂ ra môi trường

Bảo vệ môi trường

Sử dụng tiết kiệm giấy

Sử dụng tiết kiệm năng lượng
(điện, nước)

Sử dụng tiết kiệm
tài nguyên nước

Tái sử dụng nguồn nước sinh hoạt

Sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng. Tắt công tắc khi không sử dụng

Áp dụng nguyên tắc 3R (Reduce – Reuse – Recycle). Ứng dụng công nghệ RFID để
bỏ vé giấy khi thu phí, tận dụng in 2 mặt...

Sử dụng chất liệu thân thiện với môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học (các loài động vật,
thực vật tự nhiên tại Six Senses Ninh Vân Bay, Ana Mandara Đà Lạt...)

Trồng thêm cây xanh, cây cảnh. Sử dụng dịch vụ thu phí không dừng, giảm ùn tắc và phát
thải ra môi trường

Tasco xác định doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh tế, quản trị doanh nghiệp với thực hiện đóng góp cho phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Nếu không kết hợp các mục tiêu, doanh nghiệp khó có thể phát triển bền vững do sẽ phải gánh chịu tác động từ sự bất ổn và mất cân đối về kinh tế, xã hội và môi trường.



Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu về phát triển bền vững, trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Tasco đã bám sát theo định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực chỉ đạo triển khai các hoạt động ESG song hành với đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

Các tác động về kinh tế, xã hội, môi trường được chúng tôi xem xét và đánh giá trên các khía cạnh sau:

TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ

- Hoạt động kinh doanh ổn định và tăng trưởng, đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung
- Hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC) tiết giảm cho xã hội lên tới hơn **11.000** tỷ đồng từ việc tiết kiệm thời gian lưu thông của người và hàng hóa, tiết kiệm nhiên liệu, tăng tuổi thọ của xe; chi phí in vé và các chi phí khác.
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ ưu việt, thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng bền vững.

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI

- Tạo công ăn việc làm, giúp người dân ổn định cuộc sống (tạo ra **6.726** việc làm cho người lao động)
- Giải quyết các thách thức của xã hội về ùn tắc giao thông, tiết kiệm thời gian di chuyển của người dân
- Ủng hộ gần **4 tỷ đồng** cho MTTQ, chung tay cùng đồng bào bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão Yagi, giúp họ sớm ổn định cuộc sống và tái thiết sau thiên tai.
- Đầu tư xe phòng cháy chữa cháy chuyên dụng nhằm tăng cường an toàn cho TTTM Tasco Mall, sẵn sàng hỗ trợ kịp thời cho các khu vực lân cận, đảm bảo ứng phó hiệu quả trong mọi tình huống khẩn cấp.

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

- Giảm phát thải ra môi trường thông qua hệ thống thu phí giao thông thông minh
- Tiết kiệm nhiên liệu, tăng tuổi thọ của xe nhờ thu phí không dừng, thời gian qua trạm của các phương tiện giảm xuống trung bình còn 3s - 5s (so với 4-5 phút/xe của thu phí thủ công)
- Thu gom **11.945** kg rác thải
- Khôi phục **111** loài san hô
- Trồng khôi phục **10** hecta rừng
- **400+** loài động thực vật được phát hiện và bảo vệ
- **10.000** học sinh được tiếp cận nước sạch

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG CỦA TASCO



Tasco đang từng bước tích hợp các Mục tiêu SDGs vào hoạt động của doanh nghiệp, với mong muốn góp phần tạo nên những thay đổi tích cực cho cộng đồng, môi trường và thế hệ tương lai.



1. Tác động về Kinh tế



Giá trị kinh tế tạo ra Tiết kiệm chi phí cho nền kinh tế

36.537 Tỷ đồng
Doanh thu (+924,5% yoy)

426 Tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế

978 Tỷ đồng
Số thuế nộp vào ngân sách nhà nước

443 Triệu USD
Hệ thống thu phí ETC đã tiết giảm cho xã hội tổng chi phí lên tới gần 443 triệu USD trong năm.
Trong đó: Giảm 191.860 tấn CO₂, tiết kiệm 60.816 tấn nhiên liệu, 93,3 triệu giờ lao động và 37,3 triệu giờ tuổi thọ phương tiện.
Dự báo đến năm 2030, giá trị kinh tế mà hệ thống ETC mang lại cho xã hội dự kiến tăng 1.77 lần (kịch bản cơ sở) và 2.21 lần (kịch bản tích cực) so với năm 2023.



2. Tác động về Xã hội



Phát triển cộng đồng bền vững Đầu tư cho giáo dục và thế hệ tương lai

7.652
Tạo ra công ăn việc làm cho cộng đồng

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC
108 Số giờ đào tạo
165 Tổng số lớp đào tạo
3.834 Tổng số lượt đào tạo



3. Tác động về Môi trường



Bảo vệ môi trường và xanh hóa hoạt động kinh doanh Giảm thiểu khí thải ô nhiễm môi trường

111 Loài san hô được khôi phục trên vịnh Ninh Vân

10 Hecta rừng được trồng khôi phục từ 2023 - 2026

400+ động thực vật được phát hiện và bảo vệ nghiêm ngặt

407.036 Ước tính giảm khoảng 407.036 tấn CO₂ (giai đoạn 2019-2023) phát thải ra môi trường khi áp dụng hệ thống thu phí tự động ETC tại Việt Nam.

10.000 Học sinh được tiếp cận nước sạch

11.945 kg rác được thu gom

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



01.

Phát triển sản phẩm, dịch vụ bền vững

Lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, Tasco tập trung nguồn lực vào phát triển chuỗi dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh, thanh toán số hướng đến các giải pháp an toàn, hiệu quả cho xã hội.

THU PHÍ KHÔNG DỪNG VETC - GIẢM PHÁT THẢI VÀ TIẾT GIẢM HÀNG NGHÌN TỶ ĐỒNG CHI PHÍ CHO XÃ HỘI MỖI NĂM

Là đơn vị tiên phong triển khai và vận hành thu phí không dừng tại Việt Nam, VETC luôn xác định sứ mệnh đóng góp tích cực vào việc xây dựng hạ tầng giao thông thông minh tại Việt Nam, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội. Với quyết tâm cao và hành lang pháp lý dần hoàn thiện, VETC đã vượt qua rất nhiều khó khăn để hoàn thành và đưa vào khai thác hệ thống thu phí tự động bằng công nghệ RFID trên các tuyến cao tốc huyết mạch từ ngày 01/08/2022, vượt tiến độ cam kết với Chính phủ.

Theo tính toán của các chuyên gia, tính đến năm 2021, Việt Nam 1.290 km đường cao tốc và đang đặt mục tiêu có 5.000 km vào năm 2030. Quá trình đó cũng gắn liền với việc chuyển đổi quyết liệt từ hệ thống thu phí thủ công (MTC) sang ETC trên các tuyến quốc lộ, cao tốc từ 2019 đến nay. Những kết quả ấn tượng mang lại: giảm đáng kể thời gian di chuyển, loại bỏ tình trạng tắc nghẽn giao thông tại các trạm thu phí, giảm mức tiêu thụ nhiên liệu và giảm lượng khí thải tương đương CO₂. Qua đó, hiệu quả vận chuyển, môi trường và sức khỏe cộng đồng được cải thiện rõ rệt.



Theo nghiên cứu của Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Minh Khương – Giảng viên Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Quốc gia Singapore (NUS), năm 2023 là năm đầu tiên triển khai đầy đủ ETC trên đường cao tốc tại Việt Nam, tổng lượng khí thải CO₂ giảm được lên tới 191.860 tấn, nhờ giảm 60.816 tấn xăng và nhiên liệu diesel tiêu thụ tại các trạm thu phí. Cùng năm đó, xã hội tiết kiệm được 93,3 triệu giờ cho nhân lực và 37,3 triệu giờ cho tuổi thọ của phương tiện. Xét về giá trị tương đương bằng tiền, Báo cáo chỉ ra tổng chi phí tiết kiệm được cho xã hội trong năm 2023 qua bốn thước đo – năng lượng, nhân lực, tuổi thọ phương tiện và chi phí vận hành – lên tới 442,7 triệu USD (tương đương hơn 11.000 tỷ VNĐ). So với thời điểm bắt đầu thúc đẩy ETC năm 2019, lợi ích của việc giảm lượng khí thải tương đương CO₂ và tổng tiết kiệm tương đương tiền đã tăng 14 lần. Tính chung cả giai đoạn 2019–2023, giá trị lợi ích mà Việt Nam thu được từ việc triển khai ETC tương đương giá trị gần 1 tỷ USD.

Ước tính cả giai đoạn 2019–2030, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc áp dụng thu phí tự động ETC tại Việt Nam có thể giúp giảm 2,3 triệu tấn khí thải CO₂, tiết kiệm 727 nghìn tấn xăng và dầu diesel, hơn 1 tỷ giờ nhân lực, 445 triệu giờ tuổi thọ phương tiện và 465 triệu USD chi phí vận hành cho việc thu phí. Tính theo giá trị tương đương tiền, tổng lợi ích kinh tế mang lại cho xã hội trong giai đoạn nêu trên khoảng 5,3 tỷ USD.

Dù còn gặp nhiều khó khăn, VETC vẫn không ngừng nỗ lực mang lại những giải pháp tổng thể về hạ tầng giao thông thông minh, đóng góp tích cực cho xã hội. Hiện nay, VETC có mạng lưới kết nối 126 trạm – 711 làn thu phí, phục vụ hơn 3,6 triệu chủ xe và xử lý bình quân 1,8 triệu giao dịch mỗi ngày, cao điểm lên đến 2,3 triệu giao dịch/ngày, tổng cộng có gần 700 triệu giao dịch trong năm 2024.

VETC MỞ RỘNG ỨNG DỤNG RFID VÀO BÃI ĐỖ XE THÔNG MINH VÀ CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG TIỀN MẶT



Tiếp nối thành công của dịch vụ thu phí điện tử không dừng (ETC) theo công nghệ RFID, VETC tiếp tục mở rộng ứng dụng ETC vào bãi đỗ xe thông minh (E-Parking). Tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh hiện có hơn 300 điểm thu phí đậu xe không dừng tiền mặt, bao gồm bãi đỗ ô tô và xe máy. Hệ thống đã ghi nhận hơn 500.000 lượt giao dịch, với 100% thanh toán qua ví VETC & mã QR.

Bên cạnh đó, sau khi VETC được Ngân hàng Nhà nước cấp phép cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, ví điện tử, Công ty đã tích hợp thanh toán đa dịch vụ trên Ví. Theo đó, Ví điện tử VETC không chỉ hỗ trợ thanh toán phí trên cao tốc & bãi đỗ xe, mà còn mở rộng trả phí vào cảng sân bay, bến tàu, mua xăng dầu, nhiên liệu & tiêu dùng bán lẻ.

Sự phát triển của hệ thống ETC là tất yếu để hiện đại hóa cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ. Thông qua giảm tắc nghẽn, giảm lượng khí thải và nâng cao hiệu quả hoạt động, hệ thống ETC cung cấp các giải pháp bền vững cho những thách thức về di chuyển trong và ngoài đô thị.

Trong thời gian tới, VETC sẽ tối ưu hạ tầng ETC hiện có để nâng cao chất lượng dịch vụ trung gian thanh toán, đặt nền móng cho mô hình bỏ barie, bỏ trạm thu phí, chỉ sử dụng thiết bị ETC trên giá long môn, tương tự hệ thống tại Đài Loan & Singapore. Chủ phương tiện có thể trả sau, thanh toán online theo nhu cầu, góp phần thúc đẩy đô thị thông minh, hiện đại và tiện lợi hơn cho người dân.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



ĐƯA XE NĂNG LƯỢNG MỚI VỀ VIỆT NAM - THÚC ĐẨY XU HƯỚNG GIAO THÔNG XANH

Trong bối cảnh các thách thức từ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, chất lượng không khí đang suy giảm thì xu hướng điện hóa và “di chuyển xanh” đang lan tỏa nhanh chóng trong ngành ô tô trên toàn cầu. Chính phủ các nước đưa ra những quy định về việc thay đổi loại phương tiện từ thuần xăng, dầu sang điện hóa như xe hybrid và xe thuần điện để giảm thiểu tác động đến môi trường. Trên toàn cầu, các nhà sản xuất ô tô đang nhanh chóng triển khai các công nghệ xe điện mới, tập trung vào việc kiểm soát chi phí và nâng cao trải nghiệm của người dùng xe điện, đặc biệt là hạ tầng, công nghệ sạc, pin.



Là hệ thống phân phối và dịch vụ ô tô lớn nhất tại Việt Nam, Tasco đã nhìn nhận và chuẩn bị cho xu thế điện hóa trong lĩnh vực ô tô. Theo đó, năm 2024, sau khi sở hữu nhà nhập khẩu chính hãng thương hiệu xe sang Volvo (thông qua Sweden Auto), Tasco đã thành công đưa mẫu xe thuần điện Volvo EC40 về Việt Nam sau khi hoàn thiện dải sản phẩm xe xăng, xe Plug-in Hybrid. Cũng trong tháng 9/2024, Tasco ký thỏa thuận phân phối thương hiệu xe điện cao cấp Zeekr (thuộc tập đoàn Geely) và dự kiến sẽ cho ra mắt thị trường vào 2025.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



02.

Xây dựng cộng đồng bền vững

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, bên cạnh các hoạt động phát triển kinh doanh, Tasco cũng luôn mong muốn được chung tay sẻ chia những khó khăn, mang đến những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng. Đây cũng là định hướng chung của công ty, được hiện thực hóa thông qua những hành động thiết thực, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

**TASCO ỦNG HỘ
3,8 TỶ ĐỒNG GIÚP
ĐỒNG BÀO KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ BÃO YAGI**

3,8 TỶ ĐỒNG
Hỗ trợ khắc phục hậu quả sau bão



Tháng 09/2024, cơn bão lịch sử Yagi đổ bộ vào miền Bắc Việt Nam, gây ra những thiệt hại nặng nề về người và tài sản, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân. Nhằm sẻ chia khó khăn đến đồng bào bị bão lũ, Tasco đã kịp thời ủng hộ 3,8 tỷ đồng để hỗ trợ công tác khắc phục hậu quả và giúp bà con sớm nhân dân sớm ổn định cuộc sống. Trong đó, 1 tỷ đồng được trao cho Ủy ban MTTQ tỉnh Bắc Giang – một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, và 2,8 tỷ đồng còn lại được gửi đến Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam để hỗ trợ các địa phương khác. Khoản hỗ trợ này không chỉ là sự giúp đỡ về vật chất mà còn thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội và tấm lòng nhân ái của người Tasco. Chúng tôi tin rằng, với sự chung tay của cộng đồng, người dân vùng bão sẽ sớm vượt qua khó khăn, tái thiết cuộc sống và vững vàng trước những thử thách của thiên tai.

**BẢO TRỢ 3 TRẺ EM MỔ
CÔI VÌ DỊCH COVID 19,
CÙNG CÁC CON ĐI TIẾP
CUỘC ĐỜI**

03

Bảo trợ cho 3 trẻ em mồ côi
do dịch Covid 19



Năm 2024, Tasco tiếp tục đồng hành cùng báo Thanh Niên, là một trong những nhà bảo trợ chính trong chương trình “Cùng con đi tiếp cuộc đời”, bảo trợ cho 3 trẻ em mồ côi do dịch Covid 19.

Theo thỏa thuận, Công ty nhận bảo trợ 3 em nhỏ là Nguyễn Hoàng Khang (5 tuổi, TP.HCM), Trần Kim Ánh (9 tuổi, TP.HCM) và Lưu Đức Phát (16 tuổi, TP.HCM) trong vòng 2 năm với tổng số tiền bảo trợ là 168 triệu đồng. Các em đều là trẻ mồ côi cha sau đại dịch Covid-19, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, không có nguồn thu nhập ổn định.

Đồng hành cùng với Báo Thanh Niên, Tasco mong muốn góp một phần nhỏ bé, chia sẻ khó khăn với cộng đồng, đặc biệt là các em nhỏ mồ côi vì dịch bệnh và hỗ trợ dài hạn cho các em trong chặng đường tương lai.

**SỰ KIỆN
“HÀNH TRÌNH ĐỎ –
GIỌT HỒNG YÊU THƯƠNG
2024”**

132

Đơn vị máu góp phần
cùng cộng đồng cung cấp kịp thời
nguồn máu, đem lại sự sống cho
nhiều bệnh nhân



Với mong muốn phát huy và lan tỏa những giá trị tốt đẹp thông qua những đóng góp thiết thực đến với cộng đồng, xã hội, năm 2024, Tasco đã phối hợp cùng Viện Huyết học và truyền máu TW tổ chức chương trình hiến máu “Hành trình đỏ – Giọt hồng yêu thương 2024”. Máu là một dược phẩm vô giá, là một loại thuốc điều trị đặc biệt mà cho đến nay chưa có một loại thuốc nào có thể thay thế được. Tuy nhiên, để có máu dùng trong điều trị và cấp cứu trong tất cả các cơ sở y tế hiện nay, chỉ trông chờ vào nguồn máu duy nhất đó là máu của những người tình nguyện hiến. Chính vì vậy, hoạt động hiến máu cứu người luôn được phát động và khích lệ các CBNV Tập đoàn tham gia. Chương trình này đã đóng góp được 132 đơn vị máu, góp phần cùng cộng đồng cung cấp kịp thời nguồn máu, đem lại sự sống cho nhiều bệnh nhân.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



TASCO MALL ĐẦU TƯ, CHÚ TRỌNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY



Không chỉ là điểm đến mua sắm và giải trí, Tasco Mall còn đặt an toàn khách hàng lên hàng đầu với đội phòng cháy chữa cháy (PCCC) chuyên trách và xe cứu hỏa riêng.

Tháng 5/2024, Tasco Mall đầu tư xe chữa cháy chuyên dụng HINO 5M3, trở thành một trong những trung tâm thương mại đầu tiên tại Việt Nam sở hữu xe chữa cháy riêng, giúp chủ động ứng phó hỏa hoạn, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

Đội PCCC của Tasco Mall không chỉ đảm bảo an toàn trong trung tâm thương mại mà còn hỗ trợ các khu vực lân cận khi cần thiết. Minh chứng cho sự chủ động này, đội PCCC Tasco Mall đã tham gia hỗ trợ dập lửa tại kho xưởng thiết bị gara ô tô số 3 – 5, đường Nguyễn Văn Linh, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Hà Nội trong vụ cháy tháng 10/2024.



VÌ TA CẦN NHAU

Được thành lập từ năm 2018, Quỹ thiện nguyện Vì Ta Cần Nhau đã sớm trở thành sợi dây kết nối những tấm lòng hảo tâm của tập thể Tasco đến với chính những cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn tại Công ty và vươn xa hơn nữa là cộng đồng xã hội. Tasco đã thực hiện rất nhiều hoạt động ý nghĩa như: Hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, chương trình “Bữa cơm nhân ái”, “góp lửa” cùng đồng bào và lực lượng y tế trong cuộc chiến với Covid-19... Những hành động nhỏ nhưng ý nghĩa lớn, góp phần lan tỏa sự yêu thương, sẻ chia của người Tasco đến với cộng đồng.

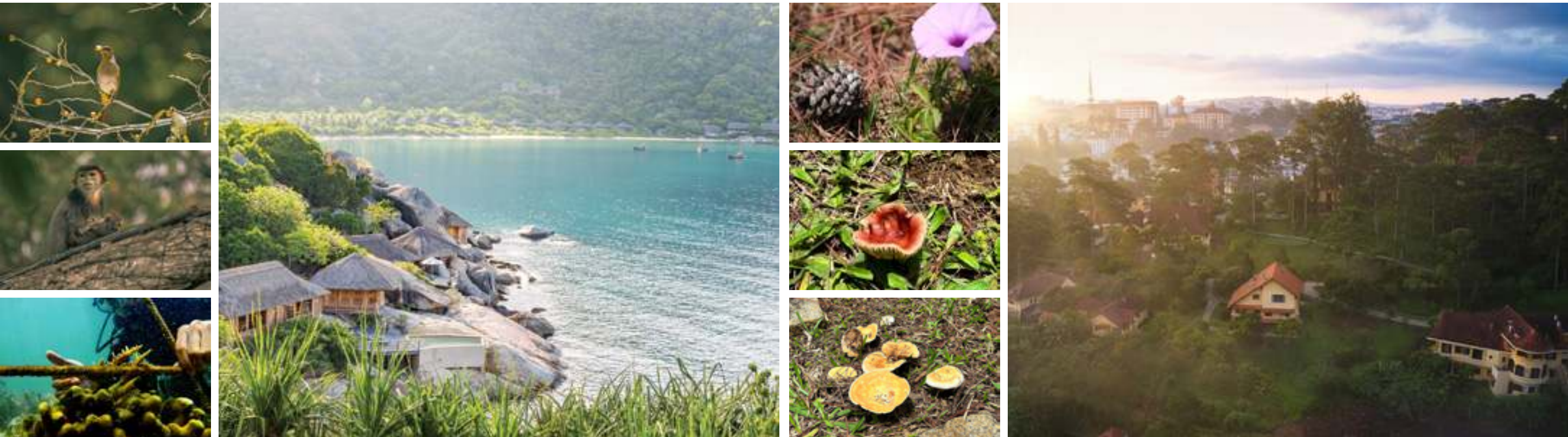


03.

Bảo vệ môi trường và xanh hóa hoạt động kinh doanh

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều “điểm nóng”, nhất là các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, làm nảy sinh nhiều vấn đề liên quan đến chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững. Ý thức rõ vai trò của doanh nghiệp, Tasco luôn tuân thủ nghiêm túc các chỉ tiêu chất lượng và quản lý các vấn đề về môi trường một cách toàn diện.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



TASCO - HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG & BẢO TỒN HỆ SINH THÁI TỰ NHIÊN

Tasco hướng đến việc kiến tạo một cuộc sống thông minh, an toàn, bền vững cho thế hệ hôm nay và mai sau. Vì vậy, chúng tôi luôn tôn trọng thiên nhiên, gìn giữ lịch sử và phát triển hài hòa với điều kiện đặc thù của Việt Nam.

Các nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững được áp dụng chặt chẽ tại các khu nghỉ dưỡng cao cấp như Six Senses Ninh Vân Bay & Ana Mandara Đà Lạt, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ hệ sinh thái.

Tại các khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay, chúng tôi áp dụng các nguyên tắc bảo tồn, tôn trọng thiên nhiên và phát triển hài hòa với hệ sinh thái địa phương thông qua các hành động cụ thể:

- Quỹ Phát Triển Bền Vững (thành lập từ 2015) hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển hệ sinh thái.
- Bảo tồn đa dạng sinh học: Hợp tác với Green Viet, bảo tồn Vọc Chà Và Chân Đen, tăng số lượng từ 109 cá thể (2020) lên 165 cá thể (2024).
- Bảo tồn san hô: Phối hợp với Viện Hải Dương Học Nha Trang, đã cấy ghép thành công 245 cá thể san hô, nâng tổng số rạn san hô lên 43 khung dọc vịnh Ninh Vân.
- Phát hiện loài hoa mới: “Six Senses turmeric” – loài hoa nghệ quý hiếm được phát hiện trong dự án Bảo vệ đa dạng sinh học bán đảo Hòn Hèo và đặt tên theo khu nghỉ dưỡng. Khám phá này không chỉ giúp nâng cao nhận thức về sự đa dạng sinh học trên đảo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và bảo tồn một loài cây hoa quý hiếm mới trên thế giới.

Tại Ana Mandara Villas Dalat Resort & Spa, khu nghỉ dưỡng lưu giữ được hệ sinh thái nguyên bản của Đà Lạt. Các nhà khoa học đã phát hiện nhiều loài thực vật quý, đặc biệt là địa y, chỉ sống và sinh trưởng mạnh trong môi trường không hóa chất, không ô nhiễm khí bụi. Đây là những sinh vật đã trở thành chỉ thị của môi trường, cho thấy công tác chăm sóc, bảo vệ môi trường tự nhiên rất tốt của khu nghỉ.

Khu nghỉ dưỡng áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường bền vững, chỉ sử dụng phương pháp cơ học thay vì thuốc bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó, 100% phương tiện di chuyển trong khu vực sử dụng xe điện, giúp giảm thiểu khí thải, duy trì sự cân bằng và phát triển hài hòa với thiên nhiên.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TIÊU BIỂU NĂM 2024



TIẾT KIỆM NƯỚC, KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI VÀ GIẢM THiểu RÁC THẢI

Trong mọi công tác thi công, xây dựng hay vận hành dịch vụ, sản xuất, Tasco luôn chú trọng đến công tác tiết kiệm, ưu tiên sử dụng nguồn nước tự nhiên và kiểm soát nguồn thải cũng như chất lượng nước thải ra ngoài môi trường

Ở các khu nghỉ dưỡng, tiêu biểu là Six Senses Ninh Vân Bay, Tasco đã và đang thử nghiệm thành công các phương pháp tái chế, tận dụng rác thải để tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất và vận hành, hướng đến mô hình Zero Waste, trở thành một trong những khu nghỉ dưỡng không sử dụng nhựa từ năm 2020.

- Toàn bộ nước uống tinh khiết được sản xuất trực tiếp tại khu nghỉ dưỡng bằng công nghệ RO (thẩm thấu ngược) và được đóng chai thủy tinh có thể tái sử dụng. Six Senses Ninh Vân Bay còn cung cấp hệ thống lọc giúp hơn 10.000 em nhỏ tại các tỉnh Khánh Hòa và Lâm Đồng được tiếp cận nguồn nước uống sạch mỗi ngày.
- Sản xuất 11.000 lít nước/tháng, sử dụng 130.000 chai thủy tinh, giúp giảm 4 tấn nhựa thải ra môi trường.
- CBCNV công ty giảm 3% lượng nước & rác thải sinh hoạt/người mỗi năm nhờ phong trào tiết kiệm nước.

Nhằm nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, khu nghỉ dưỡng tổ chức các workshop thủ công như làm xà phòng, trang sức từ nhựa, bông tẩy da chết từ thảo mộc, thu hút sự hưởng ứng tích cực từ khách lưu trú. Ngoài ra, các lớp chuyên sâu về pha chế sản phẩm làm đẹp từ nguyên liệu tự nhiên cũng diễn ra thường xuyên, sử dụng nguồn nguyên liệu được thu hái trực tiếp từ vườn hữu cơ của khu nghỉ.



TIẾT KIỆM VÀ ƯU TIÊN CHO NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Tasco xác định tiết kiệm năng lượng và đầu tư vào năng lượng tái tạo là một trong những mục tiêu trọng tâm trong những năm qua.

Công ty đã thực hiện thông qua các hành động cụ thể:

- 100% hệ thống chiếu sáng đã được thay thế bằng đèn LED, tiết kiệm điện năng đáng kể so với đèn sợi đốt và huỳnh quang.
- Thiết bị điện & điều hòa sử dụng công nghệ inverter, tối ưu hiệu suất tiêu thụ điện.
- Văn hóa tiết kiệm điện đã trở thành thói quen của CBCNV, giúp công ty tiết kiệm hàng chục triệu đồng mỗi năm.

Năm 2022, khu phức hợp Ninh Van Greens ra đời và Six Senses được xem là khu nghỉ có hệ sinh thái năng lượng mặt trời đầu tiên tại Việt Nam, cung cấp năng lượng bền vững cho khu nghỉ như điện, rau sạch hữu cơ, và nước nóng. Hệ thống 800 tấm pin năng lượng mặt trời được lắp đặt từ trên các mái nhà và dựng dọc sườn đồi phía sau khu nghỉ dưỡng, một số ở khu vườn hữu cơ. Trung bình mỗi tháng, khu phức hợp Ninh Van Greens đã sản xuất được hơn 60.000 kWh điện, cung cấp 20% năng lượng điện cho toàn hệ thống vận hành của khu nghỉ.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tasco tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường, hướng đến bảo vệ lợi ích cộng đồng, hạn chế biến đổi khí hậu và khắc phục tác động tiêu cực do con người gây ra.

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO & hệ thống quản trị chất lượng, rủi ro chặt chẽ trên toàn hệ thống, đặc biệt trong thi công & giám sát công trình.
- Xử lý rác thải, chất thải theo quy định, đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các công trình, dự án.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động trồng cây, làm sạch môi trường, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV.
- Hỗ trợ người dân miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai, chung tay giảm thiểu tác động của bão lũ, hạn hán do biến đổi khí hậu.

Năm 2024, công ty hoàn thành đầy đủ thủ tục môi trường cho các dự án, không vi phạm hay bị xử phạt. Về dài hạn, Tasco tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường nhằm tạo giá trị dài hạn cho xã hội.



06.

CHƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

114	Thông tin về công ty
115	Báo cáo của Ban Điều hành
116	Báo cáo kiểm toán độc lập
117	Bảng cân đối kế toán hợp nhất
120	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
121	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
123	Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Tasco (dưới đây được gọi là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 30 được cấp ngày 08/07/2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là HUT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|-----------------------------------|
| - Ông Vũ Đình Độ | Chủ tịch |
| - Ông Hồ Việt Hà | Phó Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Danh Hiếu | Phó Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Thế Minh | Phó Chủ tịch |
| - Ông Trần Đức Huy | Phó Chủ tịch (thành viên độc lập) |
| - Bà Phan Thị Thu Thảo | Thành viên |
| - Ông Đinh Đức Tùng | Thành viên |
| - Bà Đàm Bích Thủy | Thành viên độc lập |
| - Ông Bùi Quang Bách | Thành viên độc lập |

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Hồ Việt Hà | Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Thế Minh | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Phan Thị Thu Thảo | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Phạm Đức Minh | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Phan Thùy Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Hải Hà | Phó Tổng Giám đốc |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- | | | |
|------------------------|----------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Minh Hiếu | Trưởng Ban Kiểm soát | |
| - Bà Hoàng Thị Soa | Thành viên | |
| - Bà Trần Thị Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 31/05/2024 |
| - Bà Đặng Thùy Linh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 31/05/2024 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Việt Hà – Chức danh: Tổng Giám đốc.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1 và tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Điều hành Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đính kèm được trình bày từ trang 117 đến trang 177. Theo ý kiến của Ban Điều hành Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Điều hành,



Phó Tổng Giám đốc
Phan Thị Thu Thảo

Theo Giấy ủy quyền số 40D/2023/UQ-TASCO
ngày 26/10/2023 của Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tasco
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số: BC/BDO/2025. 241
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: **CỔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Tasco, được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 117 đến trang 177, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Bùi Văn Vương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2023-038-1



Nguyễn Hương Giang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 5118-2021-038-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-DN/HH

			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.304.365.044.699	10.300.054.191.510
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.876.158.716.774	1.701.723.734.047
I. Tiền	111		2.287.981.707.808	1.581.227.686.418
2. Các khoản tương đương tiền	112		588.177.008.966	120.496.047.629
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		567.615.627.606	358.488.446.834
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	28.274.992.543	28.274.992.543
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(17.170.413.738)	(15.756.098.581)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2.1	556.511.048.801	345.969.552.872
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.493.836.857.775	5.575.074.417.400
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	1.618.813.796.668	1.401.535.413.697
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.1	759.717.289.768	449.925.147.884
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.1	29.799.000.000	541.405.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	3.241.928.490.359	3.335.951.279.101
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(156.421.719.020)	(153.742.423.282)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	3.177.372.538.020	2.487.164.779.827
1. Hàng tồn kho	141		3.180.337.280.522	2.489.622.210.452
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.964.742.502)	(2.457.430.625)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189.381.304.524	177.602.813.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.1	48.589.052.714	45.892.695.089
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		89.638.042.831	120.154.954.456
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18.2	51.154.208.979	11.555.163.857

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.682.948.332.648	16.448.944.940.776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.274.068.077.720	680.381.099.250
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	6.250.000.000	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.2	103.618.779.409	326.346.850.000
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.2	30.216.000.000	282.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	1.138.968.330.137	358.737.281.076
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(4.985.031.826)	(4.985.031.826)
II. Tài sản cố định	220		7.095.559.464.254	7.177.955.409.673
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	6.227.417.965.201	6.382.126.902.117
Nguyên giá	222		9.619.775.166.416	9.188.804.681.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.392.357.201.215)	(2.806.677.779.432)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	24.103.295.454	37.829.866.169
Nguyên giá	225		29.712.955.440	41.504.694.168
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.609.659.986)	(3.674.827.999)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	844.038.203.599	757.998.641.387
Nguyên giá	228		983.509.956.972	862.303.245.918
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(139.471.753.373)	(104.304.604.531)
III Bất động sản đầu tư	230	V.13	1.390.646.940.652	1.342.043.387.731
Nguyên giá	231		1.820.235.913.219	1.699.977.332.615
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(429.588.972.567)	(357.933.944.884)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.279.204.614.118	2.419.506.595.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.14.1	416.704.860.195	539.943.755.608
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14.2	1.862.499.753.923	1.879.562.839.392
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		998.620.149.845	1.075.609.643.514
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	825.479.026.699	1.022.054.520.368
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.4	172.517.579.924	50.931.579.924
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.4	(376.456.778)	(376.456.778)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.2.2	1.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.644.849.086.059	3.753.448.805.608
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.2	1.466.737.636.849	1.292.394.148.071
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		29.578.166.543	46.321.306.340
3. Lợi thế thương mại	269	V.15	2.148.533.282.667	2.414.733.351.197
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		28.987.313.377.347	26.748.999.132.286

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		17.436.446.915.050	15.435.698.347.191
I. Nợ ngắn hạn	310		8.875.691.110.240	8.203.106.901.569
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	1.216.419.633.997	808.160.218.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17.1	334.024.851.724	263.646.632.221
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18.1	271.423.182.220	160.282.823.518
4. Phải trả người lao động	314		283.021.426.500	177.954.212.167
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19.1	213.258.713.037	134.424.958.036
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20.1	408.801.910.767	23.335.140.879
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21.1	1.948.532.411.042	3.215.250.032.504
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23.1	4.074.425.503.531	3.320.054.415.219
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22.1	88.601.102.590	63.278.574.697
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		37.182.374.832	36.719.894.183
II. Nợ dài hạn	330		8.560.755.804.810	7.232.591.445.622
1. Phải trả người bán dài hạn	331		5.800.920.000	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17.2	42.703.951.553	77.999.898.748
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19.2	1.808.699.047	1.514.764.261
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20.2	47.698.778.169	56.401.300.730
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.21.2	1.686.223.346.114	1.537.179.531.474
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23.2	6.141.452.367.019	4.903.655.354.786
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		578.052.263.702	589.999.070.937
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22.2	57.015.479.206	65.841.524.686
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.550.866.462.297	11.313.300.785.095
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	11.550.866.462.297	11.313.300.785.095
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		8.925.119.650.000	8.925.119.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		8.925.119.650.000	8.925.119.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(790.435.631.426)	(790.282.631.426)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.688.472.567	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		125.326.835.329	125.326.835.329
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		190.529.621	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		327.382.257.116	239.587.173.906
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>47.069.449.308</i>	<i>192.391.330.127</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>280.312.807.808</i>	<i>47.195.843.779</i>
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.955.594.349.090	2.813.549.757.286
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		28.987.313.377.347	26.748.999.132.286

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2025

Phó Tổng Giám đốc


Chu Tâm Duyên


Bùi Thị Bình


Phan Thị Thu Thảo

118

TASCO

Báo cáo thường niên 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

119

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.248.751.019.243	10.995.242.821.798
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.865.959.759	13.492.599.834
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.228.885.059.484	10.981.750.221.964
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.554.726.149.903	9.949.960.088.056
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.674.158.909.581	1.031.790.133.908
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	874.739.630.652	376.200.206.685
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	706.004.285.205	405.905.966.955
Trong đó: chi phí lãi vay	23		623.497.739.767	385.698.233.569
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(25.147.933.571)	(18.628.188.003)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.128.818.122.835	378.473.665.460
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.393.438.088.958	538.226.514.225
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		295.490.109.664	66.756.005.950
12. Thu nhập khác	31		162.168.008.767	66.535.447.634
13. Chi phí khác	32		31.835.557.627	77.445.543.396
14. Lợi nhuận khác	40		130.332.451.140	(10.910.095.762)
15. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		425.822.560.804	55.845.910.188
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	114.171.611.453	29.612.771.480
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		6.903.859.260	(30.115.525.855)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		304.747.090.091	56.348.664.563
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		156.254.905.986	47.195.843.779
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		148.492.184.105	9.152.820.784
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	175,07	88,56
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	145,89	72,39

Người lập biểu



Chu Tâm Duyên

Kế toán trưởng



Bùi Thị Bình

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc



Phan Thị Thu Thảo

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		425.822.560.804	55.845.910.188
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		865.411.482.042	494.962.414.253
- Các khoản dự phòng	03		64.300.931.784	41.996.305.673
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		886.541.491	(81.337.739)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(672.226.266.724)	(321.232.659.141)
- Chi phí lãi vay	06		623.497.739.767	385.698.233.569
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.307.692.989.164	657.188.866.803
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.385.157.630.299	(1.064.720.933.180)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(344.354.682.782)	505.121.641.241
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		381.625.510.567	1.625.819.333.822
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(102.116.172.903)	66.364.046.215
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	356.531.560.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(463.649.563.582)	(420.493.414.921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(97.195.576.949)	(133.615.253.863)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.544.027.478)	(88.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.062.616.106.336	1.592.107.846.117
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(711.475.586.949)	(209.017.829.229)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		81.820.095.713	20.358.173.730
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.182.907.999.889)	(1.565.790.902.813)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.614.856.005.410	1.371.273.924.141
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(937.401.046.390)	(174.726.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		736.318.257.962	536.135.658.978
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		223.165.638.708	109.816.452.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.175.624.635.435)	88.049.477.495

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		330.200.500.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(970.200.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 1	21.169.562.271.025	5.872.525.251.834
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(20.090.767.668.493)	(6.804.387.942.458)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(20.163.817.610)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(131.098.429.530)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		287.532.855.392	(931.862.690.624)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.174.524.326.293	748.294.632.988
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.I	1.701.723.734.047	953.430.125.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(89.343.566)	(1.024.564)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.I	2.876.158.716.774	1.701.723.734.047

Người lập biểu



Chu Tâm Duyên

Kế toán trưởng



Bùi Thị Bình

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc



Phan Thị Thu Thảo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sáp nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 30 ngày 08/07/2024.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 11/04/2008 với mã chứng khoán là HUT.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1 và tầng 20, tòa nhà Tasco, lô HH2-Z, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Đại lý xe Ô tô;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Dịch vụ;
- Xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm:

- Kinh doanh ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất điện;
- Dịch vụ thu cước phí và quản lý trạm thu cước phí đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Dịch vụ thu phí tự động đường bộ ETC).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 3,55% vốn điều lệ của Công ty TNHH Tasco Auto, qua đó chuyển đổi Công ty TNHH Tasco Auto trở thành Công ty cổ phần Tasco Auto. Bên cạnh đó, Công ty được gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê đất theo Nghị định 64/2024/NĐ-CP ngày 17/06/2024. Ngoài ra, theo đánh giá của Ban Điều hành Công ty không có sự kiện hay hoạt động nào khác có ảnh hưởng đáng kể đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công ty con trực tiếp</i>				
- Công ty TNHH Tasco BOT	Hà Nội	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty cổ phần VETC	Hà Nội	Dịch vụ	99,26%	99,26%
- Công ty TNHH Tasco Land	Hà Nội	Bất động sản	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	100,00%	100,00%
- Công ty cổ phần Tasco Auto (Tên cũ: Công ty TNHH Tasco Auto)	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	96,45%	96,45%
<i>Công ty con gián tiếp</i>				
- Công ty cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	Xây lắp	99,97%	99,97%
- Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Hà Nội	Dịch vụ thu phí	99,35%	100,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại, bất động sản, dịch vụ tài chính	52,17%	54,09%
- Công ty TNHH New Energy Holdings	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	95,14%	98,64%
- Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	52,60%	80,00%
- Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	52,60%	100,00%
- Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	71,42%	100,00%
- Công ty cổ phần Dana	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	33,32%	59,83%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	27,15%	52,05%
- Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	29,92%	57,35%
- Công ty cổ phần OtoS	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	42,18%	80,86%
- Công ty cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	52,12%	99,90%

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty cổ phần Savico Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	65,36%	99,90%
- Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	33,39%	64,00%
- Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	36,52%	70,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Đà Nẵng	Bất động sản	51,27%	98,29%
- Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh	Bình Phước	Dịch vụ thương mại	28,69%	55,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh	Bình Dương	Dịch vụ thương mại	46,95%	90,00%
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	45,97%	88,12%
- Công ty TNHH Toyota cần Thơ	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	33,39%	64,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	43,91%	84,17%
- Công ty cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	45,39%	87,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ thương mại	26,61%	51,00%
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ô tô Đồng Hiệp	Long An	Dịch vụ thương mại	31,30%	60,00%
- Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Lâm Đồng	Dịch vụ thương mại	27,13%	52,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Bình Dương	Dịch vụ thương mại	42,73%	94,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	36,51%	69,99%
- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Savico Miền Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh BĐS	51,13%	98,00%
- Công ty cổ phần Ô tô New Energy	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	26,61%	51,00%
- Công ty cổ phần Bến Thành Ô tô	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	14,12%	52,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô cần Thơ	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	24,51%	90,25%
- Công ty TNHH FX Auto	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	14,88%	57,26%
- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	16,98%	81,05%
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Viễn Đông	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	29,92%	100,00%
- Công ty TNHH Toyota Long Biên	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	33,33%	51,00%
- Công ty TNHH Toyota Hải Dương	Hải Dương	Dịch vụ thương mại	17,00%	51,00%
- Công ty TNHH Toyota Chí Linh	Hải Dương	Dịch vụ thương mại	8,67%	51,00%

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	Hải Dương	Dịch vụ thương mại	33,33%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sông Hàn	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	18,62%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Bình Định	Bình Định	Dịch vụ thương mại	37,92%	71,00%
- Công ty cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	20,09%	55,00%
- Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	Gia Lai	Dịch vụ thương mại	18,62%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Kon Tum	Kon Tum	Dịch vụ thương mại	18,46%	99,10%
- Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	18,62%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Đại Thịnh	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	29,22%	80,00%
- Công ty cổ phần Toyota Ninh Bình	Ninh Bình	Dịch vụ thương mại	17,03%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	Long An	Dịch vụ thương mại	7,20%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	12,44%	65,00%
- Công ty TNHH Savico Thanh Hóa	Thanh Hóa	Dịch vụ thương mại	33,33%	51,00%
- Công ty TNHH Ô tô Đà Nang	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	18,26%	55,00%
- Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	Quảng Nam	Dịch vụ thương mại	18,26%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Âu Việt	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	30,01%	65,00%
- Công ty TNHH MTV DVTM Đầu tư Ô tô Kiên Giang	Kiên Giang	Dịch vụ thương mại	36,51%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Trường Chinh	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	7,20%	51,00%
- Công ty cổ phần Savico Kỷ Nguyên Mới	Nam Định	Dịch vụ thương mại	33,33%	51,00%
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	59,50%	91,03%
- Công ty cổ phần Carpla	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	66,88%	100,00%
- Công ty cổ phần G-Lynk	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	59,47%	99,96%
- Công ty cổ phần phân phối xe thương mại Tasco	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	67,52%	70,00%
- Công ty cổ phần ô tô Bến Thành Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	7,20%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Đông Bình Dương	Bình Dương	Dịch vụ thương mại	30,52%	65,00%
- Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	67,67%	100,00%
- Công ty TNHH Đầu tư Savico	Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	52,17%	100,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Bình Thuận	Dịch vụ thương mại	13,85%	51,00%

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	13,85%	51,00%
- Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tasco	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	96,45%	100,00%
- Công ty TNHH Sweden Auto	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	96,45%	100,00%
- Công ty cổ phần Giải pháp Ô tô	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	52,17%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Bình Thuận	Bình Thuận	Dịch vụ thương mại	11,00%	65,00%
- Công ty TNHH MTV Premium EV	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	96,45%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	67,67%	100,00%
- Công ty TNHH Kinh doanh Ô tô Tasco	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	96,45%	100,00%
Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty cổ phần NVT Holdings	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	50,00%	50,00%
- Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Phú Thọ	Hạ tầng giao thông	30,00%	30,00%
- Công ty cổ phần Toyota Đồng Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	15,81%	30,30%
- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	8,15%	30,00%
- Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Quảng Nam	Dịch vụ thương mại	18,26%	50,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	9,50%	35,00%
- Công ty cổ phần GreenLynk Automotives	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	18,93%	36,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Tri thức Tương Lai	Hà Nội	Kinh doanh BĐS và giáo dục	24,59%	47,13%

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2024 là 7.652 người (tại ngày 31/12/2023 là 6.586 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở của việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200"), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính gần nhất.

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua

Tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỉ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung là hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các doanh nghiệp tham gia hợp nhất chịu sự kiểm soát lâu dài bởi cùng một bên hoặc nhiều bên kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài.

Công ty thực hiện hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung bởi một nhóm cá nhân có quyền kiểm soát doanh nghiệp khi họ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, theo thoả thuận hợp đồng.

Phương pháp hạch toán áp dụng cho hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh, không thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý;
- Không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội hay giảm trừ trong nguồn vốn chủ sở hữu;
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị hợp nhất kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Công ty chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất đã được ghi nhận vào chỉ tiêu "Vốn khác của chủ sở hữu" tại ngày hợp nhất kinh doanh sẽ được kết chuyển sang chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinli bằng ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch

- Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Doanh thu, Thu nhập khác, Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản, vốn chủ sở hữu, Các khoản phải thu, vốn bằng tiền, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả, Nhận trước tiền của người mua.

Trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ có liên quan đến doanh thu nhận trước, hoặc nhận trước tiền của người mua: Doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

Trường hợp mua tài sản có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán: Giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:*

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các tài khoản tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá tại cuối kỳ

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.

Giá trị ghi sổ: Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc , bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Cuối niên độ kế toán, Công ty thực hiện lập dự phòng giảm giá trong trường hợp giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, tiên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng cách tập hợp toàn bộ các chi phí xây dựng theo từng công trình xây lắp đang thi công chưa hoàn thành hoặc các dịch vụ đang thực hiện chưa hoàn thành.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tại ngày 31/12/2024, Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng hàng bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời....

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

a. Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 42 năm
Máy móc thiết bị	03 – 20 năm
Phương tiện vận tải	03 –10 năm
Thiết bị quản lý	02 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	02 – 07 năm

TSCĐ khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

b. Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

c. Tài sản cố định thuê tài chính

TSCĐ thuê tài chính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

d. Bất động sản đầu tư (BĐSĐT)

BĐSĐT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, cơ sở hạ tầng nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BĐSĐT được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSĐT được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

8. Nguyên tắc kế toán thuê tài sản

a) Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê của hợp đồng thuê.

b) Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng thuê.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

10. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện áp mái: Công ty được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế. Trường hợp 3 năm đầu không có thu nhập chịu thuế thì thời gian tính từ năm thứ 4 trở đi kể từ khi phát sinh doanh thu, hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm. Năm 2024 là năm thứ 5 Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

Ba dự án BOT (Dự án BOT Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào Trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Dự án BOT đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Dự án BOT Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng) của công ty đang được hưởng ưu đãi thuế hiện hành đối với dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển đường bộ.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp, hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại là khoản thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế, ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây cũng được xem xét lại và được ghi nhận – nếu chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại này.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Thuế TNDN hoãn lại phải trả là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế suất thuế TNDN.

Bù trừ

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ với điều kiện các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả này có liên quan đến việc tính thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị tiền thuê đất trả tiền một lần, công cụ, dụng cụ, chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Chi phí lãi vay được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ trọng doanh thu thực hiện/Tổng doanh thu từ Dự án. Các chi phí trả trước còn lại được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

12. Nguyên tắc kế toán nợ, phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2024 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (xem thêm Thuyết minh IV.2).

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

	Công ty phát hành trái phiếu ngang giá (giá phát hành bằng mệnh giá) do đó không phát sinh Chiết khấu trái phiếu hoặc Phụ trội trái phiếu Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.
15.	Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay <i>Ghi nhận chi phí đi vay</i> Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...). Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"). <i>Chi phí đi vay được vốn hóa</i> Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Trong năm, Công ty phát sinh 449.866.667 VND (năm trước phát sinh 68.817.455 VND) chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản dở dang. Chi phí lãi vay của Công ty đối với các khoản vay cho các Dự án BOT được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo tỷ trọng doanh thu thực hiện/Tổng doanh thu từ Dự án, riêng đối với 2 Dự án BOT: Đầu tư xây dựng trên quốc lộ 21 (trạm BOT Mỹ Lộc) và quốc lộ 10 (trạm BOT Đông Hưng) chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.
16.	Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. <i>Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả</i> - Trích trước chi phí tiền điện, nước, điện thoại, phí kiểm toán, phí tham gia hội nghị, học tập, chi phí truyền thông, cước dịch vụ vận tải: Căn cứ Giấy báo thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc hợp đồng kinh tế đã ký với nhà cung cấp. - Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép: Căn cứ Bảng theo dõi số ngày phép và đơn giá áp dụng. - Trích trước chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu phải trả trong trường hợp vay/phát hành trái phiếu trả lãi sau: Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng. - Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán: Căn cứ phần chênh lệch giữa chi phí theo đơn giá dự toán và chi phí thực tế tổng hợp.
17.	Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

	Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng". <i>Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả</i> Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập kỳ này so với số dự phòng phải trả đã lập kỳ trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán. <i>Căn cứ trích lập dự phòng phải trả</i> <i>Dự phòng chi phí đại tu Dự án BOT định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật):</i> được trích lập căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch sửa chữa TSCĐ định kỳ của Công ty. <i>Dự phòng chi phí bảo dưỡng:</i> được trích lập căn cứ vào giá trị còn lại của gói bảo dưỡng khách hàng được tặng kèm khi ký hợp đồng mua bán xe ô tô. <i>Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, bao gồm: dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng bồi thường tổn thất đã phát sinh và dự phòng bồi thường dao động lớn về tổn thất:</i> được trích lập căn cứ theo các quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ("Thông tư 50") ngày 15/05/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh Bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Quy định mới nhất về trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm là Thông tư 67/2023/TT-BTC ("Thông tư 67") ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 01/07/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm. Các quy định trong Thông tư 67 về trích lập dự phòng nghiệp vụ không mâu thuẫn với Thông tư 50, đồng thời việc áp dụng Thông tư 67 cần được đăng ký với Bộ Tài chính, do đó, Công ty vẫn áp dụng quy định về trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo Thông tư 50.
18.	Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận được tiền khách hàng trả trước liên quan đến các khoản sau: Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản, phí quản lý vận hành, mua hóa đơn điện tử, phí hợp đồng bảo hiểm và khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm, căn cứ thời gian, kỳ hạn của số tiền nhận trước.
19.	Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu <i>a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu</i> Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Vốn khác của chủ sở hữu là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản. <i>b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển</i> Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau: - Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. - Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác của vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ bắt buộc, được trích lập theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm.

d) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức cho cổ đông).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm bất động sản được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý vận hành khu đô thị, dịch vụ thu phí đường bộ, dịch vụ thu phí tự động không dừng, dịch vụ cung cấp hóa đơn điện tử, dịch vụ cung cấp sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ tư vấn quản lý và dịch vụ sửa chữa, bảo trì xe ô tô, xe gắn máy được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng và giá bán điện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập từ kinh doanh chứng khoán và thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán: Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính: Được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu khoản đầu tư được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết). Thu nhập này được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu chuyển nhượng bất động sản cũng bao gồm doanh thu chuyển nhượng các dự án bất động sản thông qua hình thức chuyển nhượng dự án.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm".

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với công trình xây lắp được xác định là đã hoàn thành, bàn giao (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính, lỗ bán chứng khoán ngắn hạn, dự phòng các khoản đầu tư tài chính ...

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp).

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm bao gồm hoàn nhập dự phòng phải trả: chi phí bảo dưỡng xe ô tô.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm bao gồm hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

25. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo bộ phận cung cấp các thông tin về các loại sản phẩm, dịch vụ tại các khu vực có địa lý khác nhau được gọi là thông tin bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Điều hành Công ty cho rằng, Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là: Xây lắp và hoạt động khác, Đầu tư kinh doanh bất động sản, Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT, Dịch vụ thu phí theo hình thức điện tử không dừng, Kinh doanh ô tô và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được trình bày ở Thuyết minh số VIII.4.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.3.

27. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh. Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí đầu tư xây dựng các dự án bất động sản để bán chưa hoàn thành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng TSCĐ hoặc bất động sản đầu tư. Các bất động sản xây dựng sử dụng cho nhiều mục đích (làm văn phòng, cho thuê hoặc để bán, ví dụ như tòa nhà chung cư hỗn hợp) được tập hợp chi phí đầu tư xây dựng trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" và được kết chuyển phù hợp khi công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ cách thức sử dụng tài sản trong thực tế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	565.183.533.061	19.831.497.962
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.722.737.744.686	1.561.391.662.045
Tiền đang chuyển	60.430.061	4.526.411
Cộng	2.287.981.707.808	1.581.227.686.418
Các khoản tương đương tiền (**)	588.177.008.966	120.496.047.629
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	2.876.158.716.774	1.701.723.734.047

(*): Tại ngày 31/12/2024 số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm 1.267.838.272.462 VND (tại ngày 31/12/2023 là 1.086.723.240.541 VND) là số dư các tài khoản thu phí và tài khoản ví điện tử VETC. Tài khoản thu phí được quản lý, sử dụng tuân theo quy định trong hợp đồng BOO được ký với Bộ Giao thông vận tải và các quy định pháp lý có liên quan. Tài khoản ví điện tử được quản lý và sử dụng tuân theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 47/VBHN-NHNN.

(**): Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất từ 1,3% - 4,8%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	13.500.000.000	5.130.000.000	(8.259.545.455)	13.500.000.000	5.670.000.000	(7.830.000.000)
Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh - Mã HTE (1.350.000 CP)	13.500.000.000	5.130.000.000	(8.259.545.455)	13.500.000.000	5.670.000.000	(7.830.000.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.774.992.543	(*)	(8.910.868.283)	14.774.992.543	(*)	(7926.098.581)
Công ty cổ phần Bến Thành Non Nước (1.477.294 CP)	14.772.940.000		(8.910.868.283)	14.772.940.000		(7926.098.581)
Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (771 CP)	2.052.543	-	-	2.052.543	-	-
Cộng	28.274.992.543		(17.170.413.738)	28.274.992.543		(15.756.098.581)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các chứng khoán này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này có thể khác với giá trị ghi sổ.

2.2Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

2.2.1Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Tiền gửi có kỳ hạn	556.511.048.801	556.511.048.801	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại	556.511.048.801	556.511.048.801	-	-
Cộng	556.511.048.801	556.511.048.801	-	-

2.2.2Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối năm			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Trái phiếu dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

Số đầu năm			
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
345.969.552.872	345.969.552.872	-	-
345.969.552.872	345.969.552.872	-	-
345.969.552.872	345.969.552.872	-	-

Số đầu năm			
Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
3.000.000.000	3.000.000.000	-	-

2.3Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	69.000.000.000	82.046.902.788	-	-
Công ty cổ phần NVT Holdings	668.100.000.000	598.066.837.818	-	-
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	29.106.059.000	69.147.265.368	-	-
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Savico	-	-	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ ô tô Nam Sài Gòn	3.600.000.000	983.636.413	-	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	-	-	-	-
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	-	-	-	-
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	6.500.000.000	6.198.902.819	-	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	8.750.000.000	15.800.757.612	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sai Gòn Phú Lâm	-	-	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	37.703.000.000	38.491.610.165	-	-
Công ty cổ phần GreenLynk Automotives	18.000.000.000	14.743.113.716	-	-
Cộng	840.759.059.000	825.479.026.699	-	-

Số đầu năm			
Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Dự phòng	
69.000.000.000	81.445.154.105	-	-
668.100.000.000	640.354.249.536	-	-
29.106.059.000	70.284.372.925	-	-
16.925.119.945	33.596.266.403	-	-
64.000.000.000	67.082.986.920	-	-
3.600.000.000	650.208.942	-	-
15.000.000.000	23.634.233.081	-	-
2.500.000.000	16.639.555.556	-	-
6.500.000.000	6.359.781.664	-	-
8.750.000.000	15.574.857.864	-	-
10.000.000.000	10.729.853.372	-	-
37.703.000.000	37.703.000.000	-	-
18.000.000.000	18.000.000.000	-	-
959.184.178.945	1.022.054.520.368	-	-

2.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
Công ty cổ phần COTABIG	300.000.000	-	-	300.000.000
Công ty cổ phần Bất động sản Quảng Phú	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD 8	4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
Công ty TNHH Môi trường Tasco Cù Chi	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Công ty Bảo hiểm Toàn cầu	6.300.000.000	-	-	6.300.000.000
Công ty cổ phần ô tô Bình Thuận	-	-	-	3.750.000.000
Công ty cổ phần Kim khí Thăng Long	92.779.924	-	-	92.779.924
Công ty cổ phần Cơ khí Vinh	488.800.000	(376.456.778)	(376.456.778)	488.800.000
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Công ty cổ phần Tư vấn Nền tảng ETC	38.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Auto Online	1.836.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	85.500.000.000	-	-	-
Cộng	172.517.579.924	(376.456.778)	(376.456.778)	50.931.579.924
				(376.456.778)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường. Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết của các Công ty liên doanh, liên kết, bao gồm ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích được trình bày tại Phần I, mục 6 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Phần VIII, mục 2 – Giao dịch với các bên liên quan của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Phải thu khách hàng

3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	1.600.308.363.189	1.380.393.608.801
Phải thu hoạt động xây lắp	501.836.224.166	362.582.514.886
Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm	244.883.010.283	244.883.010.283
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	89.903.800.000	89.903.800.000
Ban quản lý dự án điện 2 – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	145.843.910.147	6.590.200.867
Các đối tượng khác	21.205.503.736	21.205.503.736
Phải thu kinh doanh Bất động sản	74.494.706.452	73.984.990.871
Phải thu hoạt động bán hàng hóa	797.168.350.750	739.188.843.250
Phải thu hoạt động khác	226.809.081.821	204.637.259.794
Phải thu khách hàng là bên liên quan	18.505.433.479	21.141.804.896
Phải thu kinh doanh Bất động sản	3.393.400.000	-
Phải thu hoạt động bán hàng hóa	14.800.738.537	19.239.964.546
Phải thu hoạt động khác (Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	311.294.942	1.901.840.350
Cộng	1.618.813.796.668	1.401.535.413.697

3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	6.250.000.000	-
Phải thu kinh doanh Bất động sản	6.250.000.000	-
Cộng	6.250.000.000	-

4. Trả trước cho người bán

4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	685.396.131.276	435.214.834.684
Trả trước hoạt động xây lắp	19.249.099.812	30.799.175.602
Trả trước hoạt động dự án	429.701.952.001	249.552.709.634
Công ty cổ phần Truyền thông và Sáng tạo B&A	-	118.261.227.172
Các đối tượng khác	429.701.952.001	131.291.482.462
Trả trước hoạt động bán hàng hóa	129.543.461.713	123.254.370.598
Trả trước hoạt động khác	106.901.617.750	31.608.578.850
Trả trước cho người bán là bên liên quan	74.321.158.492	14.710.313.200
Trả trước hoạt động bán hàng hóa (Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	74.321.158.492	14.710.313.200
Cộng	759.717.289.768	449.925.147.884

4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	103.618.779.409	326.346.850.000
Đối tác doanh nghiệp 1 (*)	98.334.779.409	323.904.850.000
Đối tượng khác	5.284.000.000	2.442.000.000
Cộng	103.618.779.409	326.346.850.000

(*) Khoản tạm ứng cho bên cho thuê tài sản theo hợp đồng nguyên tắc thuê tài sản để thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, kho bãi, nhà xưởng, thiết bị, máy móc tại các vị trí Công ty có thể thực hiện hoạt động kinh doanh showroom ô tô.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên thứ ba	17.059.000.000	535.665.000.000
Cá nhân 1 (i)	-	230.000.000.000
Cá nhân 2 (i)	-	220.000.000.000
Cá nhân 3 (i)	-	68.606.000.000
Các đối tượng khác	17.059.000.000	17.059.000.000
Cho vay bên liên quan (Chi tiết cho vay bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	12.740.000.000	5.740.000.000
Cộng	29.799.000.000	541.405.000.000

(i): Các khoản cho vay cá nhân có thời hạn vay 06 tháng, lãi suất vay 6%/năm.

5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên thứ ba	216.000.000	282.000.000
Cho vay cá nhân	216.000.000	282.000.000
Cho vay bên liên quan (Chi tiết cho vay bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	30.000.000.000	
Cộng	30.216.000.000	282.000.000

6. Phải thu khác

6.1 Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ bên thứ ba	3.200.291.972.702	(28.142.327.216)	3.333.208.931.674	(28.142.327.216)
Tạm ứng	131.547.731.321	(7.123.997.047)	58.660.322.722	(7.123.997.047)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	206.255.311.593		440.697.440.199	
Phải thu giá trị hoàn trả suất đầu tư	123.315.692.170		48.324.177.720	
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	1.525.665.410.060		1.885.503.923.835	
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	448.530.000.000		287.500.000.000	
Phải thu tiền đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng hộ khách hàng	327.373.050.297		227.742.362.457	
Phải thu khác	437.604.777.261	(21.018.330.169)	384.780.704.741	(21.018.330.169)
Phải thu khác từ bên liên quan	41.636.517.657	-	2.742.347.427	-
Phải thu khác (Chi tiết phải thu khác từ bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	41.636.517.657	-	2.742.347.427	-
Cộng	3.241.928.490.359	(28.142.327.216)	3.335.951.279.101	(28.142.327.216)

6.2 Phải thu khác dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ bên thứ ba	1.138.718.330.137	(4.985.031.826)	355.822.859.724	(4.985.031.826)
Ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	222.866.855.721	(3.150.000.000)	179.471.555.278	(3.150.000.000)
Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	878.899.162.769	-	157.624.049.617	-
Phải thu khác	36.952.311.647	(1.835.031.826)	18.727.254.829	(1.835.031.826)
Phải thu khác từ bên liên quan (Chi tiết phải thu khác từ bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	250.000.000	-	2.914.421.352	-
Cộng	1.138.968.330.137	(4.985.031.826)	358.737.281.076	(4.985.031.826)

(*): Công ty thực hiện ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn phục vụ bảo lãnh cho các hợp đồng vay và bảo lãnh thực hiện dự án.

7. Nợ xấu

a. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu ngắn hạn						
Sở GTVT tỉnh Thái Bình	89.903.800.000	89.903.800.000	-	89.903.800.000	89.903.800.000	-
Ông Bùi Văn Khoa	19.800.000.000	19.800.000.000	-	19.800.000.000	19.800.000.000	-
Các đối tượng khác	49.923.612.800	46.717.919.020	3.205.693.780	45.501.009.837	44.038.623.282	1.462.386.555
Các khoản phải thu dài hạn						
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	3.150.000.000	-	3.150.000.000	3.150.000.000	-
Các đối tượng khác	1.835.031.826	1.835.031.826	-	1.835.031.826	1.835.031.826	-
Cộng	164.612.444.626	161.406.750.846	3.205.693.780	160.189.841.663	158.727.455.108	1.462.386.555

b. Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ khó có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

c. Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	158.727.455.108	154.109.309.303
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	2.690.238.352	2.887.513.676
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.942.614)	(9.520.403.844)
Tăng do hợp nhất	-	11.251.035.973
Số dư cuối năm	161.406.750.846	158.727.455.108

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	315.582.513.429	-	50.611.295.909	
Nguyên liệu, vật liệu	41.733.868.399	(512.388.092)	27.672.392.983	(699.676.356)
Công cụ, dụng cụ	24.598.317.693	-	39.853.773.107	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	836.582.753.706	-	654.116.040.943	-
Hàng hóa	1.943.901.951.176	(1.901.410.039)	1.699.780.890.829	(1.757.754.269)
Hàng gửi đi bán	15.940.308.582	-	15.263.825.805	-
Thành phẩm	1.997.567.537	(550.944.371)	2.323.990.876	-
Cộng	3.180.337.280.522	(2.964.742.502)	2.489.622.210.452	(2.457.430.625)

(*) Chi tiết số dư Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	585.889.349.048	585.817.218.686
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	41.268.261.307	29.081.699.694
Dự án điện mặt trời	142.119.679.444	3.338.322.255
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang khác	67.305.463.907	35.878.800.308
Cộng	836.582.753.706	654.116.040.943

Thông tin về Hàng tồn kho được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng xem tại Thuyết minh V.23

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	2.457.430.625	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.418.561.104	59.076.209
Cộng: Dự phòng tăng do hợp nhất	259.185.023	2.398.354.416
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.170.434.250)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	2.964.742.502	2.457.430.625

9. Chi phí trả trước

9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.892.129.660	14.160.789.265
Chi phí thuê đất trả trước	1.960.800.000	4.209.545.459
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	8.433.197.734	4.336.025.857
Hoa hồng bảo hiểm chờ phân bổ	6.739.777.752	2.634.503.720
Chi phí trả trước khác	21.563.147.568	20.551.830.788
Cộng	48.589.052.714	45.892.695.089

9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	38.773.663.019	29.450.256.277
Chi phí thuê đất trả trước, mặt bằng	107.228.120.987	10.690.380.783
Chi phí lãi vay các dự án BOT	1.154.400.817.063	1.168.256.540.316
Chi phí dán thẻ ETAG – DA thu phí tự động không dừng	3.471.158.622	30.575.315.899
Chi phí trung tu dự án BOT	60.969.659.668	10.681.598.492
Chi phí cải tạo, sửa chữa, di dời tài sản	69.390.107.873	21.416.340.047
Chi phí trả trước khác	32.504.109.617	21.323.716.257
Cộng	1.466.737.636.849	1.292.394.148.071

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.765.114.987	27.739.579.181	41.504.694.168
Thuê trong năm	586.000.000	4.886.002.727	5.472.002.727
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(17.263.741.455)	(17.263.741.455)
Số cuối năm	14.351.114.987	15.361.840.453	29.712.955.440
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	439.416.725	3.235.411.274	3.674.827.999
Khấu hao trong năm	1.376.905.297	4.591.228.772	5.968.134.069
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(4.033.302.082)	(4.033.302.082)
Số cuối năm	1.816.322.022	3.793.337.964	5.609.659.986
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.325.698.262	24.504.167.907	37.829.866.169
Số cuối năm	12.534.792.965	11.568.502.489	24.103.295.454

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	1.060.002.667.015	328.024.163.983	256.337.346.703	33.357.354.429	7.511.083.149.419	9.188.804.681.549
Mua sắm mới	23.157.688.229	20.149.205.798	183.520.953.600	6.630.288.478	7.271.003.754	240.729.219.859
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	76.377.781.816	-	-	-	4.158.624.996	80.536.406.812
Tăng do hợp nhất kinh doanh	125.121.880.088	65.611.463.769	54.336.477.787	344.981.525	7.648.012.818	253.062.815.987
Tăng khác	-	34.234.539	-	-	140.276.757	174.511.296
Thanh lý, nhượng bán	(893.014.930)	(5.487.912.714)	(107.536.465.546)	(1.195.851.097)	(860.998.346)	(115.974.242.633)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(107.843.755)	(2.184.243.800)	-	-	(254.000.000)	(2.546.087.555)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(349.948.247)	(301.163.893)	-	-	-	(651.112.140)
Giảm khác	(102.127.712)	-	(21.109.476.107)	-	(3.149.422.940)	(24.361.026.759)
Phân loại lại	4.345.853.262	(518.667.900)	(3.934.994.529)	65.000.000	42.809.167	-
Số cuối năm	1.287.553.015.766	405.327.079.782	361.613.841.908	392.017.773.335	7526.079.455.625	9.619.775.166.416
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	403.548.772.981	204.485.635.714	71.971.760.932	25.205.505.171	2.101.466.104.634	2.806.677.779.432
Khấu hao trong năm	81.911.531.653	37.352.556.159	45.147.085.900	1.826.659.172	352.024.089.825	518.261.922.709
Tăng do hợp nhất kinh doanh	41.213.580.963	48.150.528.327	13.033.323.800	77.445.629	7.214.721.151	109.689.599.870
Thanh lý, nhượng bán	(336.862.280)	(4.866.106.110)	(31.382.834.144)	(930.964.104)	(480.575.139)	(37.997.341.777)
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(17.973.960)	(154.451.887)	-	-	(44.987.362)	(217.413.209)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(36.451.795)	(30.903.565)	-	-	-	(67.355.360)
Giảm khác	(1.637.400)	(477.415.23)	(3.949.605.406)	-	8.993.879	(3.989.990.450)
Phân loại lại	(591.847.808)	(1.416.391.794)	1.995.645.476	65.437.778	(52.843.652)	-
Số cuối năm	525.689.112.354	283.473.125.321	96.815.376.558	26.244.083.646	2.460.135.503.336	3.392.357.201.215
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	656.453.894.034	123.538.528.269	184.365.585.771	8.151.849.258	5.409.617.044.785	6.382.126.902.117
Số cuối năm	761.863.903.412	121.853.954.461	264.798.465.350	12.957.689.689	5.065.943.952.289	6.227.417.965.201

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2024 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 923.029.055.963 VND (tại ngày 31/12/2023 là 828.417.251.659 VND). Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2023 đã dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 5.495.729.840.310 VND (tại ngày 31/12/2023 là 5.830.568.062.453 VND).

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	609.842.023.846	252.461.222.072	862.303.245.918
Mua trong năm	-	10.786.476.423	10.786.476.423
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	11.549.448.863	11.549.448.863
Tăng do hợp nhất kinh doanh	91.738.638.454	6.949.581.697	98.688.220.151
Tăng khác	-	182.565.617	182.565.617
Số cuối năm	701.580.662.300	281.929.294.672	983.509.956.972
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	27.985.874.842	76.318.729.689	104.304.604.531
Khấu hao trong năm	9.604.801.142	19.990.412.356	29.595.213.498
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.189.790.449	4.382.144.895	5.571.935.344
Số cuối năm	38.780.466.433	100.691.286.940	139.471.753.373
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	581.856.149.004	176.142.492.383	757.998.641.387
Số cuối năm	662.800.195.867	181.238.007.732	844.038.203.599

(*): Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn 18 năm và 48 năm.

Trong đó:
Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.175.761.987 VND (tại ngày 31/12/2023 là 15.302.093.247 VND).
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2024 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 783.574.302.283 VND (tại ngày 31/12/2023 là 715.649.242.550 VND).

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	159.362.332.080	1.010.073.500.535	530.541.500.000	1.699.977.332.615
Tăng trong năm	-	16.961.767.636	-	16.961.767.636
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	100.750.725.413	-	100.750.725.413
Chuyển từ TSCĐ sang BĐSĐT	-	2.546.087.555	-	2.546.087.555
Số cuối năm	159.362.332.080	1.130.332.081.139	530.541.500.000	1.820.235.913.219
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	19.766.849.311	307.035.068.462	31.132.027.111	357.933.944.884
Khấu hao trong năm	5.716.434.705	33.363.378.657	15.566.013.552	54.645.826.914
Tăng do hợp nhất kinh doanh	.	16.791.787.560	-	16.791.787.560
Chuyển từ TSCĐ sang BĐSĐT	-	217.413.209	-	217.413.209
Số cuối năm	25.483.284.016	357.407.647.888	46.698.040.663	429.588.972.567
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	139.595.482.769	703.038.432.073	499.409.472.889	1.342.043.387.731
Số cuối năm	133.879.048.064	772.924.433.251	483.843.459.337	1.390.646.940.652

(*): Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn 48 năm.

Trong đó:
Nguyên giá Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 64.070.515.740 VND (tại ngày 31/12/2023 là 61.663.261.195 VND).
Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2024 đã dùng thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay là 1.064.661.424.385 VND (tại ngày 31/12/2023 là 1.088.573.599.468 VND).

14. Tài sản dở dang dài hạn

14.1 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án khu đô thị mới (*)	216.870.533.498	216.870.533.498	230.387.966.850	230.387.966.850
Dự án khu nhà ở sinh thái	158.559.571.533	158.559.571.533	309.555.788.758	309.555.788.758
Dự án khu nhà ở đô thị	41.274.755.164	41.274.755.164	-	-
Cộng	416.704.860.195	416.704.860.195	539.943.755.608	539.943.755.608

(*): Theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại bản án số 108/KDTM-PT ngày 30/06/2022 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế, theo đó: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị phải bàn giao cho Công ty cổ phần Tasco diện tích đất còn thiếu tại dự án là 12.870 m2 hoán đổi phần diện tích chênh lệch do điều chỉnh quy hoạch của các lô đất BT01, LK03, LK24, LK25 theo cam kết tại Biên bản cuộc họp ngày 28/12/2017 sang các lô LKM3, LKM5, LKM6, LKM7, LKM8 và một phần diện tích của lô LKM5 với các chỉ tiêu theo quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/07/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

14.2 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Long Hoà – Cần Giở	715.354.171.944	715.354.171.944
Dự án Mercure, Sơn Trà, Đà Nẵng	504.734.696.066	496.654.848.040
Dự án 104 Phố Quang	267.400.650.953	267.398.040.345
Dự án xây dựng tuyến đường BT	189.143.448.611	189.143.448.611
Dự án khu chức năng đô thị	54.410.953.846	54.410.953.846
Dự án tòa nhà văn phòng	30.791.935.255	30.366.386.267
Các dự án khác	100.663.897.248	126.234.990.339
Cộng	1.862.499.753.923	1.879.562.839.392

15. Lợi thế thương mại

	Công ty cổ phần Tasco Auto (*)	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.882.006.261.541	99.678.880.326	2.981.685.141.867
Tăng trong năm (i)	32.530.262.125	-	32.530.262.125
Số cuối năm	2.914.536.523.666	99.678.880.326	3.014.215.403.992
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	554.491.930.629	12.459.860.041	566.951.790.670
Khấu hao trong năm	288.762.442.622	9.967.888.033	298.730.330.655
Số cuối năm	843.254.373.251	22.427.748.074	865.682.121.325
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.327.514.330.912	87.219.020.285	2.414.733.351.197
Số cuối năm	2.071.282.150.415	77.251.132.252	2.148.533.282.667

(*): Lợi thế thương mại không phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi 100% cổ phần của Công ty cổ phần SVC Holdings (hiện tại là Công ty cổ phần Tasco Auto) do việc hợp nhất BCTC của Công ty cổ phần Tasco Auto được thực hiện theo nguyên tắc Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung (Chi tiết xem tại thuyết minh IV.I). Giá trị Lợi thế thương mại tăng ở trên là Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty cổ phần Tasco Auto và các Công ty con đầu tư thêm và mua các công ty con trong năm.

(i): Chi tiết Lợi thế thương mại tăng trong năm như sau:

	Số tiền
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	94.034.518
Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Bình Thuận	180.971.179
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	32.255.256.428
Cộng	32.530.262.125

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên thứ ba	782.027.680.649	782.027.680.649	1.200.498.290.074	1.200.498.290.074
Phải trả hoạt động kinh doanh BDS	84.005.353.346	84.005.353.346	65.214.106.519	65.214.106.519
Phải trả hoạt động xây lắp	230.080.268.570	230.080.268.570	294.399.380.258	294.399.380.258
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM	46.563.715.175	46.563.715.175	37.563.715.175	37.563.715.175
Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong	54.474.512.852	54.474.512.852	54.174.512.852	54.174.512.852
Các đối tượng khác	129.042.040.543	129.042.040.543	202.661.152.231	202.661.152.231
Phải trả hoạt động bán hàng hóa	353.875.077.160	353.875.077.160	692.852.881.565	692.852.881.565
Công ty TNHH Ô Tô Isuzu Việt Nam	75.983.124.302	75.983.124.302	87.894.847.113	87.894.847.113
VOLVO CAR CORPORATION	-	-	249.864.572.786	249.864.572.786
Các đối tượng khác	277.891.952.858	277.891.952.858	355.093.461.666	355.093.461.666
Phải trả hoạt động khác	114.066.981.573	114.066.981.573	148.031.921.732	148.031.921.732
Công ty TNHH Giải pháp thẻ vàng	53.504.499.000	53.504.499.000	65.673.573.000	65.673.573.000
Các đối tượng khác	60.562.482.573	60.562.482.573	82.358.348.732	82.358.348.732
Phải trả người bán là bên liên quan	26.132.537.496	26.132.537.496	15.921.343.923	15.921.343.923
Phải trả hoạt động bán hàng hóa	25.487.538.514	25.487.538.514	13.985.908.402	13.985.908.402
Phải trả hoạt động khác (Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII. 2)	644.998.982	644.998.982	1.935.435.521	1.935.435.521
Cộng	808.160.218.145	808.160.218.145	1.216.419.633.997	1.216.419.633.997

17. Người mua trả tiền trước

17.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	334.024.851.724	262.725.732.221
Người mua trả tiền trước hoạt động xây lắp	12.994.364.265	37.677.281.384
Ban quản lý dự án điện 2 – Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam	12.286.084.197	36.969.001.316
Các đối tượng khác	708.280.068	708.280.068
Người mua trả tiền trước hoạt động đầu tư	30.699.304.107	28.290.472.658
Người mua trả tiền trước hoạt động cho thuê Trung tâm Thương mại	16.236.538.800	11.531.973.760
Người mua trả tiền trước hoạt động bán hàng hóa	185.449.609.867	128.504.590.174
Người mua trả tiền trước hoạt động khác	88.645.034.685	56.721.414.245
Tổng công ty đầu tư phát triển đường Cao tốc Việt Nam – Công ty TNHH MTV	36.215.897.510	35.047.191.530
Các đối tượng khác	52.429.137.175	21.674.222.715
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	920.900.000
Người mua trả tiền trước hoạt động bán hàng hóa (Chi tiết người mua trả tiền trước là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	-	920.900.000
Cộng	334.024.851.724	263.646.632.221

17.2 Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	42.703.951.553	77.999.898.748
Tổng công ty đầu tư phát triển đường Cao tốc Việt Nam – Côngty TNHH MTV	28.021.114.817	63.449.638.708
Các đối tượng khác	14.682.836.736	14.550.260.040
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Cộng	42.703.951.553	77.999.898.748

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

18.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp/tăng do hợp nhất trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	47.685.624.446	341.288.309.578	320.780.039.149	68.193.894.875
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	87.703.546.190	186.256.289.446	94.115.562.701	179.844.272.935
Thuế thu nhập cá nhân	16.230.993.252	100.922.779.416	101.387.070.913	15.766.701.755
Các loại thuế khác	8.662.659.630	461.074.012.735	462.118.359.710	7.618.312.655
Cộng	160.282.823.518	1.089.541.391.175	978.401.032.473	271.423.182.220

(i): Phần thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong năm 2024 bao gồm cả thuế TNDN nộp thay cho đối tác liên doanh tương ứng với các sản phẩm thuộc dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương đã bán theo ủy quyền trong hợp đồng liên doanh và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

18.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải thu/tăng do hợp nhất trong năm	Số đã thu/cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	491.602.818	1.094.425.932	-	1.586.028.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.329.623.171	3.080.014.248	324.314.074	8.085.323.345
Thuế thu nhập cá nhân	261.939.596	-	89.039.636	172.899.960
Các loại thuế khác	5.471.998.272	36.501.838.152	663.879.500	41.309.956.924
Cộng	11.555.163.857	40.676.278.332	1.077.233.210	51.154.208.979

19. Chi phí phải trả

19.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	25.380.185.701	15.036.985.349
Trích trước giá vốn bất động sản	59.913.797.529	43.071.616.298
Trích trước giá vốn dịch vụ thu phí tự động không dừng	12.276.871.185	14.480.244.468
Trích trước lương và các chi phí có liên quan	23.683.146.887	14.693.593.041
Trích trước chi phí theo chính sách bán hàng	19.258.754.966	-
Chi phí phải trả khác	72.745.956.769	47.142.518.880
Cộng	213.258.713.037	134.424.958.036

19.2 Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí chương trình khuyến mại	1.808.699.047	1.514.764.261
Cộng	1.808.699.047	1.514.764.261

20. Doanh thu chưa thực hiện

20.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	9.315.903.808	8.054.246.209
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng có điều kiện	8.880.549.974	7.328.781.383
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán bảo hiểm	388.865.462.299	4.235.580.491
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.739.994.686	3.716.532.796
Cộng	408.801.910.767	23.335.140.879

20.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	38.552.799.995	45.023.199.995
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng có điều kiện	7.129.985.838	8.328.482.705
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán bảo hiểm	1.031.298.935	931.857.495
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	984.693.401	2.117.760.535
Cộng	47.698.778.169	56.401.300.730

21. Phải trả khác

21.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác là bên thứ ha	1.947.354.861.750	3.214.784.879.504
Bảo hiểm xã hội	144.813.563	429.658.250
Bảo hiểm y tế	38.930.261	325.058.666
Bảo hiểm thất nghiệp	11.574.697	164.398.520
Kinh phí công đoàn	896.759.083	3.569.399.007
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	2.729.452.741
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.485.062.740	22.614.666.840
Phải trả đối tác liên doanh	208.025.614.337	-
Phần vốn được ủy quyền từ cá nhân	-	1.710.200.000.000
Phải trả khách hàng ETC	997.475.610.470	913.513.735.544
Lãi phải trả theo điều khoản hợp đồng	39.894.965.585	-
Phải trả tiền mua cổ phần	50.000.000.000	104.700.000.000
Phải trả, phải nộp khác	641.381.531.014	456.538.509.936
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết phải trả khác là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII. 2)	1.177.549.292	465.153.000
Cộng	1.948.532.411.042	3.215.250.032.504

21.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác là bên thứ ba	1.685.244.167.914	1.537.179.531.474
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.461.453.668	62.132.017.711
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	979.161.068.277	851.513.824.759
Phải trả, phải nộp khác	649.621.645.969	623.533.689.004
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết phải trả khác là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII 1.2)	979.178.200	-
Cộng	1.686.223.346.114	1.537.179.531.474

22. Dự phòng phải trả

22.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	71.758.744.785	50.220.055.573
Dự phòng chi phí bảo dưỡng hàng hóa đã bán	16.842.357.805	13.058.519.124
Cộng	88.601.102.590	63.278.574.697

22.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí bảo dưỡng hàng hóa đã bán	18.554.733.747	27.380.779.227
Dự phòng chi phí đại tu Dự án BOT định kỳ	38.460.745.459	38.460.745.459
Cộng	57.015.479.206	65.841.524.686

23. Vay và nợ thuế tài chính

23.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
			Vay mới	Do hợp nhất kinh doanh		
Vay ngắn hạn	2.921.750.706.020	2.921.750.706.020	20.160.942.713.577	737.965.606.254	20.261.465.868.262	3.559.193.157.589
Vay ngân hàng	2.537.420.166.239	2.537.420.166.239	19.361.815.387.290	737.965.606.254	19.222.510.127.016	3.414.691.032.767
Vay tổ chức tài chính	382.881.539.781	382.881.539.781	288.347.614.287	-	531.365.845.246	139.863.308.822
Vay đối tượng khác	1.449.000.000	1.449.000.000	510.779.712.000	-	507.589.896.000	4.638.816.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	398.303.709.199	398.303.709.199	359.241.901.613	12.000.000.000	254.313.264.870	515.232.345.942
Vay ngân hàng	386.626.550.303	386.626.550.303	356.029.625.619	12.000.000.000	241.996.730.974	512.659.444.948
Vay tổ chức tài chính	11.677.158.896	11.677.158.896	3.212.275.994	-	12.316.533.896	2.572.900.994
Cộng	3.320.054.415.219	3.320.054.415.219	749.965.606.254	20.515.779.133.132	4.074.425.503.531	4.074.425.503.531

23.2 Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
			Vay mới	Do hợp nhất kinh doanh		
Vay ngân hàng	4.887.097.794.427	4.887.097.794.427	851.688.279.496	190.395.685.214	515.762.479.424	5.413.419.279.713
Vay tổ chức tài chính	16.557.560.359	16.557.560.359	4.310.910.000	-	10.100.497.208	10.767.973.151
Vay đối tượng khác	-	-	239.700.000.000	-	-	239.700.000.000
Trái phiếu	-	-	477.400.000.000	-	(165.114.155)	477.565.114.155
Mệnh giá trái phiếu	-	-	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
Chi phí phát hành	-	-	22.600.000.000	-	165.114.155	22.434.885.845
Cộng vay dài hạn	4.903.655.354.786	4.903.655.354.786	1.573.099.189.496	190.395.685.214	525.697.862.477	6.141.452.367.019

23.3 Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn, dài hạn còn số dư cuối năm

Các bên cho vay		Vay ngắn hạn			Vay dài hạn		
Số dư đến hạn trả	Số dư	Lãi suất/năm	Số dư vay dài hạn đến hạn trả	Số dư vay dài hạn	Tổng số dư	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
Ngân hàng	3.414.691.032.767		572.659.444.948	5.413.419.279.713	5.926.078.724.661		
Ngân hàng 1	1.137.921.915.121	3,5% – 6%	58.539.123.920	784.366.486.607	842.905.610.527	8%– 10%	60 – 120 tháng
Ngân hàng 2	-		174.747.595.615	87.233.397.807	261.980.993.422	6,92% – 8%	107 – 180 tháng
Ngân hàng 3	814.938.041.940	2,8% – 6,6%	211.770.500.000	1.909.987.162.123	2.121.757.662.123	6,2%– 10,3%	36 – 234 tháng
Ngân hàng 4	1.343.017.484.092	3%–6,5%	16.213.573.276	2.044.053.592.899	2.060.267.166.175	7,1%–9%	60–216 tháng
Ngân hàng 5	-		173.400.000	332.350.000	505.750.000	11%	60 tháng
Ngân hàng 6	59.540.498.000	4,5% – 5,7%	47.433.000.000	582.057.304.166	629.490.304.166	7,5%– 10%	60 – 120 tháng
Ngân hàng 7	-		1.603.395.001	3.166.666.682	4.770.061.683	11,25%– 11,55%	60 – 84 tháng
Ngân hàng 8	1.677.979.050	4,75%	-	-	-		
Ngân hàng 9	-		2.178.857.136	1.863.571.429	4.042.428.565	7,43% – 7,94%	22 – 60 tháng
Ngân hàng 10	41.080.688.400	3,8%–5%	-		-		
Ngân hàng 11	16.514.426.164	4% – 5,5%	-	358.748.000	358.748.000	6,46%	48 tháng
Tổ chức tài chính	139.863.308.822		2.572.900.994	10.767.973.151	13.340.874.145		
Tổ chức tài chính 1	113.777.329.866	12,5%	-	-	-		
Tổ chức tài chính 2	26.085.978.956	10,5%	-	-	-		
Tổ chức tài chính 3	-		1.613.838.494	-	1.613.838.494	10,20%	54 tháng
Tổ chức tài chính 4	-		-	8.530.160.651	8.530.160.651	9,30%	60 tháng
Tổ chức tài chính 5	-		959.062.500	2.237.812.500	3.196.875.000	11%	48 tháng
Đối tượng khác	4.638.816.000		-	239.700.000.000	239.700.000.000		
Đối tượng khác 1	4.638.816.000	4,9%	-	-	-		
Đối tượng khác 2	-		-	239.700.000.000	239.700.000.000	11,5%	36 tháng
Cộng	3.559.193.157.589		515.232.345.942	5.663.887.252.864	6.179.119.598.806		

23.4 Thông tin chi tiết về trái phiếu phát hành

Đơn vị tư vấn và bảo lãnh phát hành	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc, lãi	Lãi suất	Mục đích phát hành	Tài sản đảm bảo	Bảo lãnh thanh toán
Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect	477.565.114.155	Kỳ hạn: 3 năm. Tiền gốc và lãi trái phiếu và tiền lãi được trả một lần vào cuối kỳ hạn trái phiếu	Lãi suất năm đầu cố định 10,5%/năm; các năm tiếp theo lãi suất thả nổi biến độ dao động 4% nhưng không thấp hơn 10,5%/năm	Tài cơ cấu nợ	Một phần cổ phần phổ thông của Công ty con được nắm giữ bởi Công ty	Trái phiếu được cam kết bảo lãnh thanh toán bởi một Công ty con của Công ty.

23.5 Thông tin chi tiết về giá trị tài sản dùng đảm bảo khoản vay ngắn hạn, dài hạn như sau:

Khoản mục đảm bảo vay ngắn hạn, dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.201.820.419	22.885.000.000
Phải thu khách hàng	297.361.264.820	279.323.546.468
Hàng tồn kho	1.474.812.553.190	1.088.545.082.212
Ký quỹ, ký cược	40.819.995.927	41.818.810.343
Tài sản cố định hữu hình	5.495.729.840.310	5.830.568.062.453
Tài sản cố định vô hình	783.574.302.283	715.649.242.550
Tiền thuê đất trả trước	58.196.208.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	66.351.352.555
Bất động sản đầu tư	1.064.661.424.385	1.088.573.599.468
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Ngân hạn	248.277.785.971	88.124.799.083
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Dài hạn	-	3.000.000.000
Khoản đầu tư vào Công ty con trong tập đoàn	6.444.257.020.000	499.900.000.000
Cổ phần nắm giữ	809.530.516.320	189.939.990.203
Cộng giá trị tài sản đảm bảo	16.897.422.731.625	99.14.679.485.335

24. Vốn chủ sở hữu

24.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	3.486.319.650.000	84.146.444.796	125.326.835.329	-	-	192.402.394.312	(14.728.258.078)	3.873.467.066.359
Tăng vốn do hoán đổi cổ phiếu (*)	5.438.800.000.000	9.844.228.000.000	-	-	-	-	-	15.283.028.000.000
Tăng/giảm do hoán đổi cổ phiếu	-	(10.718.569.076.222)	-	-	-	-	2.819.125.194.580	(7.899.443.881.642)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	47.195.843.779	9.152.820.784	56.348.664.563
Giảm khác	-	(88.000.000)	-	-	-	(11.064.185)	-	(99.064.185)
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	8.925.119.650.000	(790.282.631.426)	125.326.835.329	-	-	239.587.173.906	2.813.549.757.286	11.313.300.785.095
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	28.153.918.039	85.553.927.247	113.707.845.286
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	156.254.905.986	148.492.184.105	304.747.090.091
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(136.352.285.055)	(136.352.285.055)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	-	96.137.142	(1.239.440.360)	(3.892.185.994)	(5.035.489.212)
Tăng vốn vào Công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	5.200.000.000	-	(1.463.945.600)	(8.536.054.400)	(4.800.000.000)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	332.907.500.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(291.918.292.736)	(340.049.344.000)
Phân chia lợi nhuận sau thuế (**)	-	-	-	-	-	(37.825.839.198)	-	(37.825.839.198)
Tăng/Giảm khác	-	(153.000.000)	-	2.488.472.567	94.392.479	(7.953.464.393)	15.789.798.637	10.266.199.290
Số dư cuối năm nay	8.925.119.650.000	(790.435.631.426)	125.326.835.329	7.688.472.567	190.529.621	327.382.257.116	2.955.594.349.090	11.550.866.462.297

(*): Tại ngày 08/09/2023, Công ty đã hoàn thành phát hành 543.880.000 cổ phiếu HUT để hoán đổi lấy 543.880.000 cổ phần của Công ty cổ phần SVC Holdings (nay là Công ty cổ phần Tasco Auto).

(**): Phân chia lợi nhuận sau thuế theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 15/5/2024 và phụ lục 01 Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 30/5/2024.

24.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	8.925.119.650.000	8.925.119.650.000
Cộng	8.925.119.650.000	8.925.119.650.000

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	8.925.119.650.000	3.486.319.650.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	5.438.800.000.000
+ Vốn góp cuối năm	8.925.119.650.000	8.925.119.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	892.511.965	892.511.965
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	892.511.965	892.511.965
- Cổ phiếu phổ thông	892.511.965	892.511.965
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	892.511.965	892.511.965
- Cổ phiếu phổ thông	892.511.965	892.511.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

25. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	263.384.269.021	183.118.404.768
Trên 1 năm đến 5 năm	952.590.466.928	642.423.841.426
Trên 5 năm	1.984.248.372.662	1.223.497.774.150
Cộng	3.200.223.108.611	2.049.040.020.344

26. Tài sản nhận giữ hộ

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty đang có các tài sản nhận giữ hộ, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	716.678.215.975	566.155.217.112
Cộng	716.678.215.975	566.155.217.112

27. Ngoại tệ các loại

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ mà Công ty nắm giữ theo nguyên tệ như sau:

Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	2.966,40	159,13
SGD	-	4.456,28
SEK	866.615	-

28. Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty cổ phần TIC	30.853.699.510	Nợ không có khả năng thu hồi.
Các đối tượng khác	3.255.435.822	Nợ không có khả năng thu hồi.
Tổng	34.109.135.332	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động bán hàng hóa	25.730.534.372.540	8.826.195.451.658
Doanh thu hoạt động thu phí	1.190.927.528.152	1.071.285.675.794
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.885.463.996.907	912.199.437.881
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	285.640.030.564	176.885.503.042
Doanh thu khác	156.185.091.080	8.676.753.423
Cộng	30.248.751.019.243	10.995.242.821.798
Trong đó		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	30.142.645.237.127	10.921.148.877.351
Doanh thu bán cho bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số VIII. 3)	106.105.782.116	74.093.944.447
Cộng	30.248.751.019.243	10.995.242.821.798

2. Giá vốn hàng bán

	Năm trước	Năm nay
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	24.435.947.183.917	8.423.009.298.788
Giá vốn hoạt động thu phí	630.753.126.675	642.213.594.221
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.176.220.794.642	780.611.472.052
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	158.234.409.612	96.976.267.061
Giá vốn khác	153.570.635.057	7.149.455.934
Cộng	27.554.726.149.903	9.949.960.088.056

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm trước	Năm nay
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	235.492.294.544	121.101.884.058
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	467.737.598.923	226.954.062.149
Doanh thu hoạt động tài chính khác	171.509.737.185	28.144,260.478
Cộng	874.739.630.652	376.200.206.685

4. Chi phí tài chính

	Năm trước	Năm nay
Lãi tiền vay	623.497.739.767	385.698.233.569
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.414.315.157	(2.299.779.486)
Chi phí tài chính khác	81.092.230.281	22.507.512.872
Cộng	706.004.285.205	405.905.966.955

5. Chi phí bán hàng

	Năm trước	Năm nay
Chi phí nhân viên	567.084.548.274	158.358.326.989
Chi phí vật liệu, bao bì	44.217.985.762	27.241.431.502
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.836.475.181	23.356.150.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.689.172.150	126.907.426.296
Chi phí bằng tiền khác	148.989.941.468	42.610.330.176
Cộng	1.128.818.122.835	378.473.665.460

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm trước	Năm nay
Chi phí nhân viên quản lý	562.161.313.427	246.200.142.154
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	20.446.076.383	4.761.438.698
Chi phí khấu hao TSCĐ và LTTM	352.006.469.168	103.877.729.526
Chi phí dự phòng	2.679.295.738	(6.632.890.168)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	354.719.646.005	130.630.558.801
Chi phí bằng tiền khác	101.425.288.237	59.389.535.214
Cộng	1.393.438.088.958	538.226.514.225

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm trước	Năm nay
Giá vốn hàng hóa đã bán	24.463.523.999.439	8.409.291.253.451
Chi phí nhân công	1.722.578.134.738	652.645.949.531
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	1.218.494.161.344	394.808.400.928
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ LTTM	906.866.663.845	494.962.414.253
Chi phí dự phòng	62.886.616.627	44.296.085.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.450.947.158.015	582.169.356.177
Chi phí bằng tiền khác	458.586.168.833	149.356.859.190
Cộng	30.283.882.902.841	10.727.530.318.689

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm trước	Năm nay
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	118.791.810.804	29.612.771.480
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(4.620.199.351)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	114.171.611.453	29.612.771.480

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm trước	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	304.747.090.091	56.348.664.563
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	156.254.905.986	47.195.843.779
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	1.143.303.218
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	892.511.965	519.991.417
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	175,07	88,56

(*) Công ty chưa xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay; số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi suy giảm trên cổ phiếu, có tính đến sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm trước	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	304.747.090.091	56.348.664.563
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	156.254.905.986	47.195.843.779
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	1.143.303.218
Số BQGQ của CP phổ thông đang lưu hành trong năm	892.511.965	519.991.417
Số BQGQ của CP phổ thông sẽ được phát hành thêm trong năm (**)	178.502.393	116.210.655
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	145,89	72,39

(*) Công ty chưa xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay; số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty, số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán là 178.502.393 cổ phiếu.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm trước	Năm nay
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	21.252.330.993.073	5.872.525.251.834
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	500.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu đã thanh toán	(11.300.000.000)	-
Bù trừ tiền thu các khoản vay có thời hạn dưới 3 tháng	(571.468.722.048)	-
Cộng	21.169.562.271.025	5.872.525.251.834

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm trước	Năm nay
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.662.236.390.541	29.612.771.480
Bù trừ nợ gốc các khoản vay có thời hạn dưới 3 tháng	(571.468.722.048)	-
Cộng	20.090.767.668.493	6.804.387.942.458

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm, bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần NVT Holdings	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Toyota Bình Thuận	Công ty con của Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	Công ty liên kết
Công ty cổ phần GreenLynk Automotives	Công ty liên kết
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Công ty liên kết (trở thành công ty con từ ngày 03/12/2024)
Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	Công ty con của Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt
Công ty TNHH Đầu tư Savico	Công ty liên kết (trở thành công ty con từ ngày 26/12/2024)
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Công ty liên kết (trở thành công ty con từ ngày 01/10/2024)
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Công ty liên kết (trở thành công ty con từ ngày 09/4/2024)
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm	Công ty liên kết (trở thành công ty con từ ngày 01/10/2024)
Công ty cổ phần Du lịch Hồng Hải	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật	Đơn vị có liên quan của thành viên Ban Điều hành
Công ty cổ phần CMC	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần DNP Holding	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Đơn vị có liên quan của thành viên Ban Điều hành
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	Đơn vị có liên quan của thành viên Ban Điều hành
Công ty TNHH Ana Services	Công ty con đến ngày 31/12/2024 và trở thành đơn vị có liên quan của thành viên Ban Điều hành
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Huy	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập HĐQT)
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Đức Tùng	Thành viên HĐQT
Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Linh	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 31/05/2024)
Bà Đặng Thùy Linh	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 31/05/2024)

2.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	TThu nhập (*)	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	4.240.700.000	2.359.900.000
Chủ tịch	-	-
Phó Chủ tịch 1 (**)	1.741.700.000	961.500.000
Thành viên 1 (**)	1.741.900.000	918.400.000
Thành viên độc lập 1	757.100.000	480.000.000
Các thành viên khác	-	-
Ban Kiểm soát	-	189.845.455
Thành viên 1 (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	-	189.845.455
Các thành viên khác	-	-
Ban Điều hành	-	-
Tổng Giám đốc	-	-
Các thành viên điều hành khác (***)	-	-
Cộng	4.240.700.000	2.549.745.455

(*) Chỉ bao gồm thu nhập được trả cho chức danh vị trí tại Công ty (không tính đến thu nhập nếu có tại các đơn vị khác).

(**) Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức vụ điều hành trong Ban Điều hành có thu nhập từ Lương và phụ cấp chức vụ trong năm được trình bày tổng thu nhập tại mục thu nhập của Hội đồng quản trị.

(***) Các thành viên khác trong Ban Điều hành (trừ các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm).

b. Giao dịch với bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	635.040.269	739.005.640
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)	42.677.291.604	13.955.129.665
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)	1.104.185.914	2.886.470.681
Công ty TNHH Toyota Bình Thuận (*)	1.498.786.214	-
Công ty TNHH Savico Quảng Nam (*)	90.000.000	2.531.481
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives (*)	12.234.989.269	-
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)	14.843.800.142	37.586.162.872
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)	2.692.811.396	206.448.808
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)	15.257.493.731	11.462.930.091
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)	2.878.469.728	1.953.768.000
Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh (**)	1.706.600.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn (**)	-	2.100.000
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An	3.146.153.755	5.299.397.209
Công ty cổ phần Du lịch Hồng Hải	336.317.730	-
Công ty cổ phần DNP Holding	570.206.000	-
Công ty cổ phần CMC	4.713.636.364	-
Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (*)	350.000.000	-
Công ty cổ phần Du thuyền SVC (*)	1.370.000.000	-
Cộng	106.105.782.116	74.093.944.447

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	37.925.000	63.805.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)	44.136.618.133	11.832.278.631
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)	95.361.900	28.505.000
Công ty TNHH Toyota Bình Thuận (*)	685.231.903	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn (*)	2.769.343	28.279.615
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives (*)	300.995.974.168	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)	45.995.200	1.869.840.754
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)	26.949.475.952	70.987.721.874
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)	18.382.937.838	10.339.777.363
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)	1.450.309.164	678.604.091
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)	2.250.988.051	161.827.146
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	1.284.137.118	2.262.817.841
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An	1.283.955.593	619.615.021
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển y tế Việt Nhật (*)	437.142.690	21.984.000
Công ty cổ phần Du thuyền SVC (*)	1.647.643.244	-
Công ty cổ phần CMC	38.518.518.518	-
Công ty cổ phần DNP Holding	100.000.000	-
Cộng	438.304.983.815	98.895.056.336
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)	6.060.497.000	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)	2.450.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)	-	2.560.000.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)	6.300.000.000	-
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)	1.250.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)	500.000.000	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)	4.400.000.000	-
Cộng	20.960.497.000	2.560.000.000
Lãi cho vay, lãi hợp tác đầu tư		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	604.351.233	602.700.001
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)	1.609.643.836	-
Cộng	2.213.995.069	602.700.001
Thu nhập khác		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives (*)	229.840.000	-
Cộng	229.840.000	-
Góp vốn		
Công ty cổ phần NVT Holdings	-	410.700.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai (*)	-	37.703.000.000
Cộng	-	448.403.000.000
Cho vay		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives (*)	7.000.000.000	-
Cộng	7.000.000.000	-
Hợp tác đầu tư		
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)	136.000.000.000	-
Cộng	136.000.000.000	-

(*): Các đơn vị này trở thành bên liên quan của Công ty trong năm trước. Giao dịch với các đơn vị này trong năm trước được xác định từ thời điểm các đơn vị này trở thành bên liên quan đến ngày 31/12/2023.

(**): Các đơn vị này trở thành Công ty liên kết của Công ty trong năm trước và trở thành công ty con trong năm nay. Giao dịch với các đơn vị này trong năm trước được xác định từ thời điểm các đơn vị này trở thành bên liên quan đến ngày 31/12/2023. Giao dịch với các đơn vị này trong năm nay được xác định từ đầu năm đến thời điểm các đơn vị này trở thành Công ty con.

Ngoài ra, một bên liên quan đã thế chấp tài sản để bảo lãnh cho việc thực hiện kịp thời, đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH Tasco Land theo hoặc phát sinh từ Hợp đồng vay với bên thứ ba.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng		
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An	-	1.822.043.404
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	4.775.375	-
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	91.294.942	79.796.946
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	13.314.283.181	7.524.846.643
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	4.128.330.800	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)		199.068.708
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)		51.266.736
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)		11.451.069.859
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)		13.712.600
Công ty cổ phần DNP Holding	264.000.000	-
Công ty cổ phần CMC	265.000.000	-
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	431.749.181	-
Công ty TNHH Ana Services (*)	6.000.000	-
Cộng	18.505.433.479	21.141.804.896
Người mua trả tiền trước		
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)		900.000
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	-	920.000.000
Cộng	.	920.900.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	7.000.000.000	-
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	5.740.000.000	5.740.000.000
Cộng	12.740.000.000	5.740.000.000
Phải thu cho vay dài hạn		
Công ty TNHH Ana Services (*)	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	3.346.698.659	2.742.347.427
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	9.289.818.998	-
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Ana Services (*)	25.000.000.000	-
Cộng	41.636.517.657	2.742.347.427

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác dài hạn		
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)	-	-
Công ty TNHH Ana Services (*)	250.000.000	-
Cộng	250.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	-	54.600.000
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An		531.442.382
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	17.554.200	15.984.000
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	9.156.780	8.692.380
Công ty cổ phần Đầu tư TMDV Ô tô Nam Sài Gòn	-	243.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	13.287.153.422	6.033.155.883
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)	-	5.583.600
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)	-	880.200
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)	-	5.043.864
Công ty cổ phần Ô Tô Bến Thành Tây Ninh (**)	-	19.452.729.787
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế Việt Nhật	25.391.520	24.182.400
Công ty TNHH Ana Services (*)	2.509.636.001	-
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	72.452.000	-
Cộng	15.921.343.923	26.132.537.496
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)		4.000.000.000
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	73.972.558.492	10.710.313.200
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An	348.600.000	-
Cộng	74.321.158.492	14.710.313.200
Phải trả khác ngắn hạn		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	154.054.000	465.153.000
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	1.023.495.292	-
Cộng	1.177.549.292	465.153.000
Phải trả khác dài hạn		
Công ty cổ phần Greenlynk Autoniotives	138.886.200	-
Công ty TNHH Ana Services (*)	300.000.000	-
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	540.292.000	-
Cộng	979.178.200	-

(*): Các đơn vị này trở thành bên liên quan của Công ty trong năm trước. Giao dịch với các đơn vị này trong năm trước được xác định từ thời điểm các đơn vị này trở thành bên liên quan đến ngày 31/12/2023.

(**): Các đơn vị này trở thành Công ty con của Công ty trong năm do đó tại thời điểm cuối năm các đơn vị này không phải là bên liên quan.

Chính sách giả cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Báo cáo kết quả bộ phận

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Kinh doanh ô tô	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí theo hình thức điện tử không dừng	Hoạt động khác	Tổng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	28.225.344.945.350	285.640.030.564	738.751.611.109	452.175.917.043	546.838.515.177	30.248.751.019.243
Giảm trừ doanh thu	12.889.934.475	-	6.759.916.975	-	216.108.309	19.865.959.759
Doanh thu thuần	28.212.455.010.875	285.640.030.564	731.991.694.134	452.175.917.043	546.622.406.868	30.228.885.059.484
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	16.537.729.464	(42.287.411.718)	601.748.683	-	-	(25.147.933.571)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	269.318.833.146	(59.264.621.660)	124.851.912.986	32.945.197.603	57.971.238.729	425.822.560.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.576.884.173	10.973.702.755	11.801.501.180	-	8.723.382.605	121.075.470.713
Lợi nhuận trong năm	179.741.948.973	(70.238.324.415)	113.050.411.806	32.945.197.603	49.247.856.124	304.747.090.091
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	1.855.887.096.841	1.398.357.499.865	4.209.426.432.859	993.738.129.735	11.422.551.455	8.468.831.710.755
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	-	-	17.374.694.151
Tài sản dở dang dài hạn	67.258.106.323	2.002.922.238.684	-	496.152.000	208.528.117.111	2.279.204.614.118
Các khoản phải thu	1.795.056.045.299	675.989.197.289	9.364.121.898	387.566.996.296	3.899.928.574.713	6.767.904.935.495
Hàng tồn kho	2.979.862.541.731	-	-	37.319.215.748	160.190.780.541	3.177.372.538.020
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	1.257.291.451.791	140.634.864.278	1.409.311.031.463	1.282.104.640.193	1.881.262.802.214	5.970.604.789.939
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	2.306.020.094.869
Tổng tài sản	7.955.355.241.985	4.217.903.800.116	5.628.101.586.220	2.701.225.133.972	6.161.332.826.034	28.987.313.377.347
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	1.496.317.039.215	1.373.053.911.971	491.995.802.376	1.853.427.776.458	1.277.088.584.654	6.491.883.114.674
Phải trả tiền vay	4.480.521.722.582	1.124.115.112.859	3.571.033.530.026	790.326.582.106	249.880.922.977	10.215.877.870.550
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	728.685.929.826
Tổng nợ phải trả	5.976.838.761.797	2.497.169.024.830	4.063.029.332.402	2.643.754.358.564	1.526.969.507.631	17.436.446.915.050

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Kinh doanh ô tô	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí theo hình thức điện tử không dừng	Hoạt động khác	Tổng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	8.826.195.451.658	176.885.503.042	600.671.134.090	470.614.541.704	920.876.191.304	10.995.242.821.798
Giảm trừ doanh thu	9.490.200.573	-	-	-	4.002.399.261	13.492.599.834
Doanh thu thuần	8.816.705.251.085	176.885.503.042	600.671.134.090	470.614.541.704	916.873.792.043	10.981.750.221.964
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	7.531.863.432	(27.745.750.464)	1.585.699.029	-	-	(18.628.188.003)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	(165.545.311.764)	33.802.760.740	82.025.981.855	(88.263.925.413)	193.826.404.770	55.845.910.188
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.529.687.228)	-	9.226.427.545	-	800.505.308	(502.754.375)
Lợi nhuận trong năm	(155.015.624.536)	33.802.760.740	72.799.554.310	(88.263.925.413)	193.025.899.462	56.348.664.563
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	1.553.176.980.160	1.371.659.737.602	4.457.674.841.120	1.097.187.554.695	3.379.711.632	8.483.078.825.209
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	-	-	36.919.972.195
Tài sản dở dang dài hạn	96.573.804.920	2.117.669.126.475	4.947.773.976	73.738.061	200.242.151.568	2.419.506.595.000
Các khoản phải thu	1.398.652.151.412	794.398.741.417	9.230.479.758	434.220.159.205	3.618.953.984.858	6.255.455.516.650
Hàng tồn kho	2.431.420.691.168	-	-	50.890.918.882	4.853.169.777	2.487.164.779.827
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	625.098.333.804	74.241.690.729	1.236.770.714.352	1.126.969.048.952	1.473.805.010.734	4.536.884.798.571
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	-	-	2.529.988.644.834
Tổng tài sản	6.104.921.961.464	4.357.969.296.223	5.708.623.809.206	2.709.341.419.795	5.301.234.028.569	26.748.999.132.286
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	909.925.093.265	1.229.197.223.712	414.769.833.810	1.792.589.723.572	2.166.953.347.735	6.513.435.222.094
Phải trả tiến vay	2.743.387.600.038	465.344.112.029	3.800.041.763.334	823.566.582.106	391.369.712.498	8.223.709.770.005
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	698.553.355.092
Tổng nợ phải trả	3.653.312.693.303	1.694.541.335.741	4.214.811.597.144	2.616.156.305.678	2.558.323.060.233	15.435.698.347.191

4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Người lập biểu

Chu Tâm Duyên

Chu Tâm Duyên

Kế toán trưởng

Bùi Thị Bình

Bùi Thị Bình

Lập ngày 26 tháng 03 năm 2025
Phó Tổng Giám đốc



Phan Thị Thu Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Việt Hà